

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

NGUYỄN DIỆU LINH

**VAI TRÒ CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI
TRONG HỖ TRỢ NGƯỜI KHUYẾT TẬT HỌC NGHỀ
TẠI TRUNG TÂM NUÔI DƯỠNG NGƯỜI CÓ CÔNG VÀ BẢO TRỢ
XÃ HỘI TỈNH BẮC NINH**

LUẬN VĂN THẠC SĨ CÔNG TÁC XÃ HỘI

HÀ NỘI - 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

NGUYỄN DIỆU LINH

**VAI TRÒ CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI
TRONG HỖ TRỢ NGƯỜI KHUYẾT TẬT HỌC NGHỀ
TẠI TRUNG TÂM NUÔI DƯỠNG NGƯỜI CÓ CÔNG VÀ BẢO TRỢ
XÃ HỘI TỈNH BẮC NINH**

Chuyên ngành: Công tác xã hội

Mã ngành: 60.90.01.01

LUẬN VĂN THẠC SĨ CÔNG TÁC XÃ HỘI

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. NGUYỄN THỊ THÁI LAN

HÀ NỘI - 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan:

Bài luận văn tốt nghiệp này được hoàn thành là sự nỗ lực, nhận thức chính xác, kết quả làm việc của cá nhân tôi (ngoài phần đã trích dẫn).

Nội dung, số liệu và kết quả nghiên cứu trong luận văn là trung thực và chưa được sử dụng để bảo vệ một học vị nào.

Tôi cũng xin cam kết chắc chắn rằng các thông tin trích dẫn trong luận văn đều được chỉ rõ nguồn gốc.

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

Tác giả luận văn

Nguyễn Diệu Linh

LỜI CẢM ƠN

Trong suốt thời gian học tập, nghiên cứu và hoàn thành luận văn này, tôi đã nhận được sự hướng dẫn, chỉ bảo tận tình của giáo viên hướng dẫn, của các tập thể, cá nhân, sự động viên của bạn bè và gia đình.

Trước tiên, tôi xin bày tỏ lòng kính trọng và biết ơn sâu sắc tới TS. Nguyễn Thị Thái Lan - người đã dành rất nhiều thời gian và tâm huyết để truyền đạt kiến thức, hướng dẫn, chỉ bảo tận tình để học viên có thể hoàn thành bài luận văn của mình.

Xin chân thành cảm ơn Trung tâm nuôi dưỡng người có công và bảo trợ xã hội Bắc Ninh đã tạo mọi điều kiện giúp đỡ, cung cấp số liệu, tư liệu khách quan giúp tôi hoàn thành luận văn.

Đặc biệt, tôi xin gửi lời cảm ơn đến gia đình cùng bạn bè thân thiết - những người đã luôn ở bên cạnh tôi, động viên và cổ vũ tinh thần cho tôi trong suốt thời gian làm luận văn.

Mặc dù học viên đã cố gắng hết sức nhưng do hạn chế về kiến thức và kinh nghiệm nên bài luận văn không tránh khỏi những thiếu sót. Học viên rất mong nhận được các ý kiến đóng góp từ phía các thầy, cô giáo trong Hội đồng phản biện để bài luận văn được hoàn thiện hơn.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, tháng năm 2017

Tác giả luận văn

Nguyễn Diệu Linh

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	i
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	v
DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ.....	vi
LỜI MỞ ĐẦU.....	1
1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu.....	1
2. Tổng quan vấn đề nghiên cứu.....	3
3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu.....	8
4. Đối tượng, phạm vi, khách thể nghiên cứu.....	9
5. Phương pháp nghiên cứu.....	9
6. Ý nghĩa của nghiên cứu.....	12
7. Bố cục của luận văn.....	13
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ VAI TRÒ CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ NGƯỜI KHUYẾT TẬT HỌC NGHỀ.....	14
1.1. Lý luận về học nghề đối với người khuyết tật.....	14
1.1.1. Quan điểm về khuyết tật và người khuyết tật.....	14
1.1.2. Khái niệm học nghề.....	23
1.1.3. Khái niệm người khuyết tật học nghề.....	23
1.2. Lý luận về vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người khuyết tật học nghề.....	30
1.2.1. Hệ thống các khái niệm.....	30
1.2.2. Các vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người khuyết tật học nghề.....	34
1.3. Lý thuyết ứng dụng.....	36
1.3.1. Lý thuyết nhu cầu.....	36
1.3.2. Lý thuyết hệ thống.....	39
1.3.3. Lý thuyết sinh thái.....	40
1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người khuyết tật học nghề.....	43
1.4.1. Yếu tố chủ quan.....	43
1.4.2. Yếu tố khách quan.....	43
1.5. Cơ sở pháp lý về hoạt động học nghề đối với người khuyết tật.....	46
Tiểu kết chương 1.....	50
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VAI TRÒ CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ NGƯỜI KHUYẾT TẬT HỌC NGHỀ TẠI TRUNG	51

TÂM NUÔI DƯỠNG NGƯỜI CÓ CÔNG VÀ BẢO TRỢ XÃ HỘI TỈNH BẮC NINH.....	
2.1. Đặc điểm địa bàn nghiên cứu	51
2.1.1. Giới thiệu về Trung tâm nuôi dưỡng người có công và bảo trợ xã hội tỉnh Bắc Ninh.....	51
2.1.2. Đặc điểm về người khuyết tật trong trung tâm.....	56
2.2. Thông tin về khách thể nghiên cứu	57
2.2.1. Giới tính của khách thể nghiên cứu	58
2.2.2. Dạng khuyết tật của khách thể nghiên cứu.....	58
2.2.3. Đánh giá về tình trạng sức khỏe của khách thể nghiên cứu.....	59
2.3. Thực trạng người khuyết tật học nghề tại Trung tâm.....	60
2.3.1. Thực trạng việc học nghề của khách thể nghiên cứu.....	60
2.3.2. Đánh giá của học viên về sự phù hợp của nghề đang theo học.....	61
2.3.3. Tầm quan trọng của việc học nghề đối với học viên	63
2.3.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc học nghề của học viên.....	65
2.4. Thực trạng thực hiện vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người khuyết tật học nghề tại Trung tâm.....	69
2.4.1. Vai trò nâng cao nhận thức cho học viên về những mặt tích cực của hoạt động học nghề.....	69
2.4.2. Vai trò tư vấn chương trình học nghề.....	72
2.4.3. Vai trò tổ chức các chương trình vui chơi giải trí.....	74
2.4.4. Vai trò cung cấp những thông tin về cơ sở có thể tiếp nhận học viên vào làm sau khi học viên hoàn thành chương trình học nghề.....	76
2.5. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người khuyết tật học nghề	78
2.5.1. Các yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người khuyết tật học nghề	78
2.5.2. Các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người khuyết tật học nghề.....	81
Tiểu kết chương 2	87
CHƯƠNG 3: ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP NÂNG CAO VAI TRÒ CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ NGƯỜI KHUYẾT TẬT HỌC NGHỀ TẠI TRUNG TÂM NUÔI DƯỠNG NGƯỜI CÓ CÔNG VÀ BẢO TRỢ XÃ HỘI TỈNH BẮC NINH.....	89
3.1. Giải pháp nâng cao chất lượng học nghề cho người khuyết tật.....	89
3.1.1. Giải pháp đối với bản thân người học nghề.....	89
3.1.2. Các giải pháp nâng cao chất lượng học nghề cho người khuyết tật tại	90

Trung tâm nuôi dưỡng người có công và bảo trợ xã hội tỉnh Bắc Ninh.	
3.2. Giải pháp nâng cao vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người khuyết tật học nghề.....	94
3.2.1. Nhóm các giải pháp đối với Trung tâm Nuôi dưỡng người có công và bảo trợ xã hội tỉnh Bắc Ninh.....	94
3.2.2. Nhóm giải pháp nâng cao chất lượng phục vụ của công tác xã hội trong hỗ trợ người khuyết tật học nghề.....	96
3.2.3. Nhóm giải pháp hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận học nghề và tìm kiếm việc làm.....	97
3.2.4. Nhóm giải pháp đối với gia đình của nhân viên công tác xã hội.....	97
KẾT LUẬN.....	98
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	100
PHỤ LỤC.....	103

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BGDĐT	Bộ giáo dục đào tạo
CTXH	Công tác xã hội
GVDN	Giáo viên dạy nghề
HĐND	Hội đồng nhân dân
HTX	Hợp tác xã
NVCTXH	Nhân viên công tác xã hội
NKT	Người khuyết tật
NCC&BTXH	Người có công và bảo trợ xã hội
TTDN	Trung tâm dạy nghề
UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1:	Thông tin chung về người khuyết tật tại Trung tâm	56
Bảng 2.2:	Thông tin về dạng khuyết tật của nhóm khách thể nghiên cứu	59
Bảng 2.3:	Đánh giá của học viên về tầm quan trọng của việc học nghề	64
Bảng 2.4:	Yếu tố bản thân học viên tác động đến việc học nghề	65
Bảng 2.5:	Yếu tố khách quan ảnh hưởng đến việc học nghề của NKT	67
Bảng 2.6:	Vai trò nâng cao nhận thức cho học viên về những mặt tích cực của hoạt động học nghề	70

DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ

Sơ đồ 1.1:	Tháp nhu cầu của Maslow	49
Sơ đồ 2.1:	Sơ đồ bộ máy quản lý, tổ chức của Trung tâm	53
Biểu đồ 2.1:	Giới tính của khách thể nghiên cứu	58
Biểu đồ 2.2:	Tình trạng sức khỏe của khách thể nghiên cứu	60
Biểu đồ 2.3:	Loại hình nghề nghiệp NKT theo học tại Trung tâm	60
Biểu đồ 2.4:	Đánh giá của học viên về sự phù hợp của nghề đang theo học đối với khả năng của bản thân	62
Biểu đồ 2.5:	Vai trò tư vấn chương trình học nghề	72
Biểu đồ 2.6:	Vai trò tổ chức các chương trình vui chơi giải trí	74
Biểu đồ 2.7:	Vai trò cung cấp những thông tin về cơ sở có thể tiếp nhận học viên vào làm sau khi học viên hoàn thành chương trình học nghề	76
Biểu đồ 2.8:	Khả năng chuyên môn của nhân viên CTXH	79
Biểu đồ 2.9:	Thái độ làm việc của nhân viên CTXH	80
Biểu đồ 2.10:	Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với phát triển nghề CTXH	82
Biểu đồ 2.11:	Yếu tố trung tâm nuôi dưỡng người có công và bảo trợ xã hội Bắc Ninh	83
Biểu đồ 2.12:	Yếu tố gia đình, cộng đồng	85
Biểu đồ 2.13:	Yếu tố bản thân người học nghề	86

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Theo số liệu của Tổ chức Y tế thế giới (WHO,2015), trên thế giới có khoảng 10% dân số (hơn 600 triệu người) có khiếm khuyết về thể chất, cảm giác, trí tuệ hoặc tâm thần dưới các hình thức khác nhau. Trong đó có hơn 2/3 số người khuyết tật (NKT) sống tại các nước đang phát triển có thu nhập thấp.

Tại Việt Nam số liệu công bố của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2015) ước tính cả nước có trên 7 triệu người khuyết tật (chiếm 7,8% dân số) trong đó 4,06 triệu người là nữ (chiếm 58% Người khuyết tật); 1,981 triệu người khuyết tật là trẻ em (chiếm 28,3% người khuyết tật) và 714 nghìn người cao tuổi khuyết tật (chiếm 10,2% người khuyết tật).

Theo báo cáo vào tháng 9 năm 2016: Tỉnh Bắc Ninh có 21.682 Người khuyết tật phân theo 6 dạng tật: khuyết tật vận động, nghe nói, nhìn, thần kinh tâm thần, trí tuệ và khuyết tật khác. Báo cáo cuối năm 2016 của Trung tâm Nuôi dưỡng Người có công và Bảo trợ xã hội Tỉnh Bắc Ninh: Hiện tại Trung tâm có 170 người khuyết tật được chia thành các dạng tật khác nhau nhưng chủ yếu là người khuyết tật nghe, nói. Cụ thể: Khuyết tật nghe, nói có 90 em (chiếm 52,9%), khuyết tật vận động có 40 em (chiếm 23,5%), khuyết tật trí tuệ có 30 em (chiếm 17,6%) và đa khuyết tật là 10 em (chiếm 6%).

Việc học nghề đối với người khuyết tật (NKT) là một vấn đề nhận được sự quan tâm sâu sắc của Đảng và Nhà nước ta trong nhiều năm qua. Đảng và Nhà nước đã đề ra nhiều chủ trương chính sách dạy nghề và tạo việc làm cho NKT, giúp họ có được công việc tăng thêm thu nhập cho bản thân, xóa bỏ mặc cảm tự ti để hòa nhập vào cộng đồng xã hội. Những chính sách chủ trương đó đã được thể hiện bằng pháp luật. Tuy nhiên, trong nhiều năm qua việc áp dụng các chính sách pháp luật vào trong thực tiễn đời sống vẫn chưa có sự đồng bộ, khả thi và hiệu quả. Điều này dẫn tới giữa lý luận và thực tiễn

thiếu khách quan, chưa phù hợp. Trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh còn e dè khi nhận NKT vào làm việc mặc dù NKT có thể làm công việc đó tốt. Chính vì vậy, cần xác định mục tiêu của việc dạy nghề cho NKT là hướng tới giúp NKT có một việc làm trong tương lai. Có như vậy, NKT mới có được cuộc sống ổn định.

Giải quyết được vấn đề việc làm cho NKT sẽ phát huy được nhân tố con người, phát triển kinh tế, ổn định xã hội, đảm bảo được quyền cơ bản của con người, quyền được lao động và hòa nhập cộng đồng và các quyền lợi chính đáng khác của NKT. Việc làm có vai trò rất quan trọng đối với NKT sau khi họ hoàn thành chương trình học nghề tại trung tâm nhưng vấn đề giải quyết việc làm cho họ lại chưa được quan tâm và giúp đỡ. Như vậy, cần quan tâm đến việc kết nối việc làm cho NKT sau khi họ hoàn thành chương trình học nghề để việc dạy nghề có ý nghĩa hơn.

Công tác xã hội là một nghề chuyên nghiệp nhằm trợ giúp các cá nhân, gia đình và cộng đồng nâng cao năng lực đáp ứng nhu cầu và tăng cường chức năng xã hội, đồng thời thúc đẩy môi trường xã hội về chính sách, nguồn lực và dịch vụ nhằm giúp cá nhân, gia đình và cộng đồng giải quyết và phòng ngừa các vấn đề xã hội góp phần đảm bảo an sinh xã hội. Công tác xã hội có vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ NKT học nghề như vai trò huy động nguồn lực, tư vấn chương trình dạy nghề, kết nối việc làm sau khi NKT hoàn thành khóa học,... Tuy nhiên, vai trò của công tác xã hội trong việc hỗ trợ NKT học nghề ở Việt Nam nói chung và ở Bắc Ninh nói riêng còn khá mờ nhạt, chưa có hệ thống.

Từ những lý do nêu trên, tác giả lựa chọn đề tài: *“Vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người khuyết tật học nghề tại Trung tâm Nuôi dưỡng người có công và bảo trợ xã hội Tỉnh Bắc Ninh”* làm luận văn để phân tích làm rõ thực trạng vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người khuyết tật học nghề tại trung tâm và đưa ra những khuyến nghị tăng cường tính hiệu quả của công tác này đối với người khuyết tật.

2. Tổng quan vấn đề nghiên cứu

2.1. Trên thế giới

Việc nghiên cứu về NKT nói chung, việc học nghề đối với NKT nói riêng đã được đề cập trong nghiên cứu khoa học xã hội, chủ đề về NKT cũng được báo chí đặc biệt quan tâm. Có thể kể ra những nghiên cứu thế giới liên quan đến NKT như:

Nghiên cứu: *Disability and social inclusion in Ireland, Brenda Gannon and Brian Nolan* (khuyết tật hòa nhập xã hội ở Ireland, Brenda Gannon and Brian Nolan, 2011). Nghiên cứu đã xem xét NKT có hoàn cảnh khó khăn khi hòa nhập xã hội, trong nghiên cứu đã thu thập trình độ học vấn, kinh tế và tham gia xã hội,... Đồng thời nghiên cứu cũng chỉ ra mặc cảm tự ti là một trong những yếu tố cản trở NKT tham gia hòa nhập xã hội và cuộc sống hàng ngày. Báo cáo còn chỉ ra sự khác biệt giữa NKT và người bình thường trong việc tham gia hòa nhập cộng đồng. Thông qua việc thống kê các số liệu thu thập được để đánh giá mức độ nghèo, sự tham gia vào giáo dục, y tế, việc làm,... của NKT. Nghiên cứu còn nhấn mạnh tới yếu tố NKT ảnh hưởng tới đời sống của mình, thiết kế nơi làm việc không phù hợp, sự kỳ thị của cộng đồng, sự tiếp cận các phương tiện đi lại gây khó khăn cho NKT.

Trong một báo cáo của Liên Hợp Quốc (UN) và tổ chức lao động quốc tế ILO (2011) cũng đã chỉ rõ rằng có khoảng 75% dân số thế giới (chiếm khoảng 5 tỷ người) không được hưởng các chế độ an sinh xã hội phù hợp. Trợ lý Tổng thư ký Liên Hợp Quốc đồng thời là tổng giám đốc cơ quan Liên Hợp Quốc phụ trách các vấn đề về phụ nữ - Bà Michelle Buchelet cho biết: Trong suốt thập kỷ qua, nền kinh tế thế giới tăng trưởng mạnh mẽ và tổng sản phẩm quốc nội của thế giới cũng tăng gấp 10 lần nhưng việc tiếp cận các dịch vụ thiết yếu của người dân vẫn còn hạn chế. Bởi vậy bà Michelle Buchelet cho

rằng: “Đảm bảo an sinh xã hội là thách thức cho tất cả quốc gia. Mỗi quốc gia cần thi hành các chính sách việc làm cho phụ nữ và thanh niên”.

Nghiên cứu *Developmental Disabilities and Independent Living: A Systematic Literature Review (Khuyết tật Phát triển và sống độc lập: Tổng quan tài liệu)*, tác giả: Benjamin Dieffenbach, trường đại học: St. Catherine University University of St. Thomas. Bài viết này xem xét các tài liệu có sẵn trên sự tương quan giữa chất lượng cuộc sống và cách sắp xếp cuộc sống cho người khuyết tật. Các mục đích là để kiểm tra xem người khuyết tật với cuộc sống được bán độc lập sẽ có những trải nghiệm so với những người khuyết tật sống tại nhà theo cách truyền thống. Nhìn chung, những lợi ích mà cuộc sống bán độc lập đem lại cho người khuyết tật thậm chí còn vượt xa so với việc sống phụ thuộc vào gia, với chi phí bằng hoặc ít hơn.

Đề tài nghiên cứu: “*Assistive technology solutions as mediators of equal outcomes for people living with disability*” (Các giải pháp công nghệ giúp đỡ người khuyết tật), tác giả: Natasha Ann Layton - Master of Health Science (Thạc sĩ khoa học y tế), trường: Deakin. Luận án là có liên quan với sự bình đẳng của người khuyết tật Úc. Mục đích của luận án là tạo ra kiến thức hữu ích để thay đổi, và do đó cải thiện bình đẳng cho người khuyết tật yêu cầu sự trợ giúp cho cuộc sống của họ.

Dark and Light Blind Care nghiên cứu năm 2008, “*Inclusion of disabled people Vocational Training and income*”. Trong cuốn báo cáo tổng kết chương trình CTXH với NKT, nhóm tác giả đã nêu lên chương trình chính sách, quyền của NKT, cách thức hỗ trợ NKT, một số chương trình hỗ trợ NKT ở Châu Phi, các kỹ năng khi làm việc với NKT.

Tác giả Eric Rosenthal và Viện quốc tế bảo vệ quyền người khuyết tật tâm thần thực hiện theo yêu cầu của UNICEF Việt Nam, trên cơ sở luật pháp Việt Nam và quốc tế nghiên cứu đã nêu lên các quyền lợi của người khuyết

tật được hưởng như quyền được bảo vệ, được tiếp cận các dịch vụ việc làm, quyền được sống trong cộng đồng,... Trong đó nghiên cứu nhấn mạnh đến quyền được tiếp cận là vấn đề tràn lan nhất mà tất cả những trẻ khuyết tật phải đối mặt là tình trạng thiếu tiếp cận đến những khu vực công và dịch vụ công: trẻ khuyết tật không được đến trường, không được đến trung tâm y tế bởi các tòa nhà và phương tiện giao thông đó thiết kế không phù hợp với người khuyết tật. Vì vậy ngay từ đầu họ đã chưa được hòa nhập vào ngay cộng đồng họ đang sinh sống để có thể thực hiện nhu cầu học nghề và có việc làm.

Tại bài viết: Hướng tới cơ hội việc làm bình đẳng cho NKT qua hệ thống pháp luật - tổ chức lao động quốc tế ILO (2006) và trẻ em tàn tật và quyền của các trẻ em - Vũ Ngọc Bình (2001) cũng đã chỉ ra: Trên thế giới hiện nay có hơn 600 triệu người có khiếm khuyết về mặt thể chất, cảm giác, trí tuệ hoặc tâm thần dưới các hình thức khác nhau. Con số này tương đương với khoảng 10% dân số thế giới. Quốc gia nào cũng có người khuyết tật và hơn 2/3 trong số đó sống tại các nước phát triển. Hằng năm sẽ có thêm khoảng 10 triệu người khuyết tật, tính trung bình một ngày trên thế giới tăng khoảng 25.000 người (2,5 vạn người) khuyết tật, trong đó có khoảng 2.300 trẻ em. Do dân số thế giới tiếp tục tăng nhanh nên số người tàn tật vừa và nặng trên thế giới dự đoán sẽ lên tới 667 triệu người vào năm 2035 cho dù những thành tựu phát triển mạnh mẽ về y tế cũng như kinh tế xã hội, khoa học.

Monitoring Child Disability in Developing Countries/Results from the Multiple Indicator Cluster Surveys: Việc hiểu sự phân bố khuyết tật giữa các khu vực và những nguy cơ dẫn đến khuyết tật ở các nước trên thế giới sẽ có tác dụng rất lớn trong việc xây dựng các chính sách và chương trình bảo vệ quyền người khuyết tật cũng như cũng có những chính sách phòng ngừa khuyết tật hợp lý, giúp đỡ người khuyết tật có đầy đủ các cơ hội tiếp cận với các dịch vụ cần thiết cho sự phát triển như những người không có khuyết tật.

Vấn đề kiểm soát số lượng trẻ khuyết tật và các yếu tố nguy cơ khuyết tật ở các nước phát triển và các nước đang phát triển có sự khác nhau rõ ràng do không có bộ công cụ đo lường thống nhất. Ở các nước đang phát triển, các dữ liệu tổng thể về trẻ khuyết tật dường như là không có sẵn, và số liệu ước tính được sử dụng để mô tả sự phân bố của người khuyết tật, trong khi ở các nước phát triển và các nước giàu, tỉ lệ phân bố người khuyết tật thường được xác định chủ yếu thông qua hệ thống giáo dục và y tế, thêm vào đó ở những nước này có các tổ chức giám sát riêng của một số loại khuyết tật. Các cuộc điều tra hộ gia đình hoặc chung cuộc tổng điều tra của tất cả các hộ gia đình trong một cộng đồng bao gồm các câu hỏi chung về cả người lớn và trẻ em khuyết tật đều cho thấy vấn đề việc làm cho người khuyết tật thích ứng với dạng khuyết tật là một vấn đề đáng quan tâm.

2.2. Tại Việt Nam

Giáo trình công tác xã hội với người khuyết tật (2014), Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội. Giáo trình đã khái quát những vấn đề cơ bản về NKT và nêu nên các loại hình chăm sóc trợ giúp NKT và vai trò của nhân viên Công tác xã hội với NKT. Giáo trình còn đề cập đến những kỹ năng, nguyên tắc cần thiết của một nhân viên công tác xã hội khi làm việc cá nhân, làm việc nhóm, làm việc với gia đình, cũng như các nguồn lực trong quá trình trợ giúp NKT.

Nguyễn Tiến Dũng (2011). *Phát triển Dạy nghề đáp ứng nhu cầu trong giai đoạn mới*. Tạp chí Kinh tế và Dự báo (số 4). Bài báo chỉ ra yêu cầu cần phải đào tạo nghề trong giai đoạn hiện nay, không chỉ đào tạo nghề đòi hỏi lượng chất xám cao mà còn phải đào tạo những nghề giản đơn nhằm đáp ứng xu thế hội nhập với khu vực và quốc tế, để tạo ra những sản phẩm tốt nhất đáp ứng với nhu cầu thị trường.

Mai Thị Phương (2014). *Vấn đề Công tác xã hội với Người khuyết tật*. Đề tài đã nêu lên vai trò của công tác xã hội đối với Người khuyết tật trên tất cả các phương diện, đặc biệt là vấn đề dạy nghề và tìm việc làm. Đề tài viết về những tồn tại yếu kém trong công tác dạy nghề cho Người khuyết tật ở nước ta. Nội dung, chương trình, nghề đào tạo, hình thức đào tạo chưa hợp lý về kết cấu, quá nặng về lý thuyết, thiếu thực hành, chưa có những giáo trình và các thiết bị dạy nghề dành riêng cho Người khuyết tật, đội ngũ giáo viên dạy nghề cho Người khuyết tật còn yếu cả về kiến thức, kỹ năng và nhận thức về các lĩnh vực sư phạm và quản lý. Đồng thời việc thực hiện chính sách về việc làm với Người khuyết tật chưa nghiêm, hoạt động kiểm tra giám sát chưa thường xuyên, vì vậy Người khuyết tật chịu nhiều thiệt thòi trong việc tiếp cận dạy nghề và việc làm.

Huỳnh Việt Thiên Ân, Nguyễn Thị Thanh Tâm (2012). *Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo nghề cho Người khuyết tật trên địa bàn thành phố Đà Nẵng*. Tuyển tập báo cáo Hội sinh viên nghiên cứu khoa học lần thứ 8 Đại học Đà Nẵng năm 2012. Báo cáo đã phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo nghề cho người khuyết tật trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, tìm ra ảnh hưởng và tác động của từng nhân tố trong việc cải thiện chất lượng đào tạo nghề cho Người khuyết tật, nhằm nâng cao hiệu quả công tác dạy nghề, thu hút việc tham gia đào tạo nhiều hơn trong nhóm người yếu thế.

Nhìn một cách tổng thể, có thể thấy các nghiên cứu của Thế giới cũng như Việt Nam đã tìm hiểu được thực trạng đời sống của Người khuyết tật, những vấn đề họ gặp phải trong cuộc sống, những rào cản trong việc tiếp cận các dịch vụ việc làm cho người khuyết tật và đưa ra những khuyến nghị chính sách nhằm trợ giúp NKT và đảm bảo an sinh xã hội. Thực tế đang thiếu

những nghiên cứu về vai trò của Công tác xã hội trong hỗ trợ NKT học nghề. Đây là cơ sở khoa học quan trọng trong việc hỗ trợ nghiên cứu đề tài.

Chính vì vậy, cần có nghiên cứu về vai trò của Công tác xã hội trong hỗ trợ NKT học nghề. Để từ những kết quả phân tích thực trạng học nghề của NKT, thực trạng vai trò của CTXH trong hoạt động hỗ trợ NKT học nghề. Cuối cùng có thể đề xuất, khuyến nghị về mặt chính sách và chương trình để nâng cao hiệu quả vai trò của CTXH trong hỗ trợ NKT học nghề mang tính toàn diện hơn và bền vững hơn mà vẫn phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta.

3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu:

Nghiên cứu nhằm phân tích thực trạng hoạt động học nghề của NKT, thực trạng vai trò của CTXH trong hỗ trợ NKT học nghề và những yếu tố ảnh hưởng đến vai trò của CTXH trong hỗ trợ NKT học nghề. Từ kết quả nghiên cứu, đề tài đưa ra đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao vai trò của Công tác xã hội trong hỗ trợ NKT học nghề tại Trung tâm Nuôi dưỡng Người có công và Bảo trợ xã hội Tỉnh Bắc Ninh.

Nhiệm vụ nghiên cứu:

Về mặt lý luận: Nghiên cứu những vấn đề lý luận về vai trò của Công tác xã hội trong hỗ trợ NKT học nghề, các lý thuyết ứng dụng, các yếu tố ảnh hưởng đến vai trò của Công tác xã hội trong hỗ trợ NKT học nghề và cơ sở pháp lý về hoạt động học nghề của NKT.

Về mặt thực tiễn: Nghiên cứu thực trạng hoạt động học nghề đối với NKT tại Trung tâm Nuôi dưỡng Người có công và Bảo trợ xã hội Tỉnh Bắc Ninh, thực trạng vai trò của CTXH trong hỗ trợ NKT học nghề tại Trung tâm, thực trạng những yếu tố ảnh hưởng đến vai trò của CTXH trong hỗ trợ NKT học nghề. Từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao vai trò của CTXH trong hỗ

trợ NKT học nghề tại Trung tâm nuôi dưỡng người có công và bảo trợ xã hội Tỉnh Bắc Ninh.

4. Đối tượng, phạm vi, khách thể nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu:

Vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ NKT học nghề tại Trung tâm Nuôi dưỡng Người có công và Bảo trợ xã hội Tỉnh Bắc Ninh.

4.2. Phạm vi nghiên cứu:

Phạm vi thời gian: Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 12/2016 đến tháng 07/2017.

Phạm vi không gian: Nghiên cứu được tiến hành trong phạm vi Trung tâm Nuôi dưỡng Người có công và Bảo trợ xã hội Tỉnh Bắc Ninh.

Phạm vi nội dung: Đề tài đi sâu nghiên cứu thực trạng vai trò của CTXH trong hỗ trợ NKT học nghề tại Trung tâm Nuôi dưỡng Người có công và Bảo trợ xã hội Tỉnh Bắc Ninh. Cụ thể có 4 vai trò: i) Vai trò nâng cao nhận thức cho học viên về những mặt tích cực của hoạt động học nghề; ii) vai trò tư vấn chương trình học nghề; iii) vai trò tổ chức các chương trình vui chơi giải trí ngoài giờ học và iv) vai trò cung cấp những thông tin về cơ sở có thể tiếp nhận học viên vào làm sau khi học viên hoàn thành chương trình học nghề. Từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ NKT học nghề tại Trung tâm.

4.3. Khách thể, mẫu nghiên cứu:

104 NKT trong độ tuổi từ 14 đến 18 tuổi.

3 lãnh đạo trung tâm.

8 giáo viên dạy nghề trong trung tâm.

5 nhân viên công tác xã hội trong trung tâm.

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp nghiên cứu văn bản, tài liệu

* Tài liệu: Là những hiện vật mang lại cho con người những thông tin về vấn đề mà nhà nghiên cứu quan tâm. Tài liệu còn dùng để truyền tin hoặc bảo lưu thông tin.

* Tài liệu gồm có 2 loại: Tài liệu viết và tài liệu không viết.

Tài liệu viết: Bút ký, thư từ, sách báo, các bảng thống kê, báo cáo,...

Tài liệu không viết: Các hiện vật, công cụ sản xuất, phim ảnh, băng ghi âm, ấn phẩm nghệ thuật, di tích lịch sử - văn hóa,...

* Các phương pháp phân tích tài liệu:

Phân tích định tính: Là tìm ra những nội dung tư tưởng cơ bản của tài liệu, tìm ra những vấn đề có liên quan đến đề tài nghiên cứu và xác định xem những vấn đề gì được giải quyết và những vấn đề gì chưa được giải quyết.

Phân tích định lượng: Là cách thức phân nhóm các dấu hiệu và tìm ra những mối quan hệ nhân quả giữa các nhóm chỉ báo. Phương pháp này được sử dụng trong những trường hợp phải xử lý một lượng thông tin lớn.

* Yêu cầu đối với phương pháp phân tích tài liệu: Đòi hỏi phải phân tích có hệ thống. Phải phân loại, lựa chọn, khái quát, so sánh thông tin từ tài liệu.

Phương pháp phân tích tài liệu: Là phương pháp thu thập thông tin qua những tài liệu sơ cấp và thứ cấp. Đây là phương pháp nghiên cứu tôi sử dụng trong luận văn nhằm nắm bắt được những thông tin liên quan đến vấn đề, từ đó thấy được tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài. Nguồn tài liệu như các công trình nghiên cứu, bài tạp chí, sách và các bài viết có liên quan trên mạng internet. Tác giả đã tiến hành thu thập một số thông tin liên quan đến đề tài nghiên cứu như: Đề án trợ giúp người tàn tật Việt Nam giai đoạn 2012 - 2020, Báo cáo về hoạt động hỗ trợ NKT Việt Nam, dạy nghề và tạo việc làm cho NKT Việt Nam,... Trên cơ sở những thông tin thu được, tôi tiến hành xử lý, phân tích và nêu ra giải pháp.

5.2. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

Trong quá trình thực hiện nghiên cứu đề tài, tác giả điều tra bằng bảng hỏi với:

+ 104 NKT

- Phương pháp điều tra:

+ Xây dựng phiếu điều tra: Phiếu điều tra xây dựng trên những chỉ tiêu đánh giá kết quả, hiệu quả của hoạt động học nghề đối với người khuyết tật. Phiếu điều tra sẽ bao gồm cả những câu hỏi mở.

+ Tiến hành điều tra, phỏng vấn thử: Trên cơ sở nội dung của phiếu điều tra đã được xây dựng, tiến hành điều tra thử trên một số học sinh. Mục đích đánh giá lại những thông tin có thể cung cấp, chỉnh sửa lại phiếu điều tra cho phù hợp rồi tiến hành điều tra thật đối với các học sinh đã lựa chọn.

5.3. Phương pháp quan sát

Quan sát là bao trùm tất cả các cách thức, quy tắc để tiếp cận và thu nhận được các thông tin thực nghiệm từ thực tế xã hội. Đây là phương pháp tạo ra những ấn tượng trực tiếp về các sự kiện, quá trình và hành vi xã hội. Trong quan sát, người quan sát cảm nhận trực tiếp những hành vi, những sự kiện và các quá trình. Quan sát cho phép ghi lại những biến đổi khác nhau của đối tượng được nghiên cứu vào lúc nó xuất hiện. Nó cũng cho phép thấy được sự phát triển của các biến cố, cho phép nghiên cứu được thái độ của những thành viên của nhóm trong môi trường tự nhiên. Qua quan sát sẽ thấy được một cách trực tiếp thái độ của cá nhân trong các tình huống tương tự. Như vậy người quan sát với những kinh nghiệm thực tế với những cái đã biết để đi đến kết luận phù hợp với kinh nghiệm của người quan sát.

Quan sát rất có giá trị khi nghiên cứu bản chất sâu lắng của hiện tượng, nghiên cứu về những nguyên nhân, động cơ của những hoạt động, nghiên cứu về cơ cấu của các mối quan hệ trong nhóm xã hội.

Trong luận văn, phương pháp quan sát được sử dụng để ghi lại thực trạng hoạt động học nghề của NKT, những nguyện vọng, mong muốn từ bản thân NKT trong hoạt động học nghề.

5.4. Phương pháp phỏng vấn sâu

Phương pháp này được sử dụng để thu thập những thông tin mang tính chiều sâu, những vấn đề chưa được đề cập, cần được làm rõ hơn thông qua chia sẻ của những người được phỏng vấn.

Trong đề tài này, tác giả sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu dành cho NKT, giáo viên dạy nghề, lãnh đạo Trung tâm, NVCTXH. Cụ thể, tác giả thực hiện 3 cuộc phỏng vấn sâu với lãnh đạo trung tâm, 8 cuộc phỏng vấn sâu với giáo viên dạy nghề trong Trung tâm và 5 cuộc phỏng vấn sâu với NVCTXH tại Trung tâm.

5.5. Phương pháp xử lý số liệu

Sử dụng phương pháp thống kê để xử lý các thông tin, các số liệu đã thu thập được qua phiếu điều tra. Toàn bộ số liệu điều tra định lượng được xử lý thô và số liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS.

6. Ý nghĩa của nghiên cứu

6.1. Ý nghĩa lý luận

Bằng phương pháp tiếp cận của CTXH, đề tài đã tổng hợp khung lý luận nghiên cứu cũng là cơ sở lý luận của vai trò CTXH trong hỗ trợ NKT học nghề. Trong đó đã tổng hợp các khái niệm, mục tiêu, nội dung, phương pháp, các yếu tố ảnh hưởng và cơ sở luật pháp liên quan. Cơ sở lý luận này không chỉ có ý nghĩa lý luận để thực hiện nghiên cứu của đề tài mà còn có ý nghĩa lý luận và là tài liệu tham khảo cho các cơ quan tổ chức và cá nhân đang nghiên cứu, xây dựng chính sách đối với NKT.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Nghiên cứu tổng kết kinh nghiệm thực tiễn về vai trò của CTXH trong hỗ trợ NKT học nghề tại Trung tâm nuôi dưỡng người có công và bảo trợ xã hội Bắc Ninh sẽ giúp ta thấy được bức tranh thực trạng việc học nghề của NKT và thực trạng vai trò của CTXH trong hỗ trợ NKT học nghề tại trung tâm. Từ đó có được các giải pháp nhằm nâng cao vai trò của CTXH trong hỗ trợ NKT học nghề tại trung tâm.

7. Bộ cục của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, danh mục từ viết tắt và các phụ lục. Luận văn có bộ cục 3 chương:

Chương 1. Những vấn đề lý luận về vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người khuyết tật học nghề

Chương 2. Thực trạng vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người khuyết tật học nghề tại Trung tâm Nuôi dưỡng người có công và Bảo trợ xã hội tỉnh Bắc Ninh

Chương 3. Đề xuất giải pháp nâng cao vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người khuyết tật học nghề tại Trung tâm Nuôi dưỡng người có công và Bảo trợ xã hội tỉnh Bắc Ninh.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ VAI TRÒ CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ NGƯỜI KHUYẾT TẬT HỌC NGHỀ

1.1. Lý luận về học nghề đối với người khuyết tật

1.1.1. Quan điểm về khuyết tật và người khuyết tật

1.1.1.1. Quan điểm về khuyết tật

Có rất nhiều cách hiểu và cách diễn giải khác nhau về khuyết tật, xuất phát từ sự đa dạng của khuyết tật, sự phức tạp về mức độ khuyết tật, công cụ đo lường và đánh giá, cũng như sự khác biệt về văn hóa, xã hội của mỗi quốc gia. Sự khác biệt này cho thấy khái niệm khuyết tật rất khó đo được và khó định nghĩa.

Năm 1988, WHO đưa ra cách phân loại quốc tế về suy giảm chức năng, khuyết tật, tàn tật (The International Classification of Impairments, Disabilities and Handicaps - ICIDH) đã là một hệ thống tiên phong trong quá trình hiểu và đưa ra định nghĩa về khuyết tật. Hệ thống này được xem xét sửa đổi lại vào năm 1990 và đưa đến một hệ thống phân loại quốc tế về chức năng, khuyết tật và sức khỏe (ICF) vào năm 2002. Theo cách hiểu của ICIDH các thuật ngữ suy giảm chức năng, khuyết tật, tàn tật có nội hàm khác nhau:

- Suy giảm chức năng chỉ những người có vấn đề về thể chất
- Khuyết tật: Là những hạn chế trong hoạt động theo chức năng hay trong phạm vi bình thường của con người, những hạn chế này do suy giảm chức năng gây nên.
- Tàn tật: Là hạn chế hay thiếu hụt (do một dạng khuyết tật) khả năng thực hiện vai trò trong xã hội.

Như vậy, suy giảm chức năng nói đến việc một bộ phận cơ thể có những bất thường về cấu tạo hoặc chức năng, khuyết tật nói đến ảnh hưởng

của suy giảm chức năng tới việc thực hiện các hoạt động của con người và tàn tật chỉ là kết quả chung của sự suy giảm hệ thống hay khuyết tật. Ví dụ sau đây có thể cho thấy suy giảm chức năng là nguyên nhân chủ yếu của khuyết tật và tàn tật, nhưng không nhất thiết dẫn đến khuyết tật hay tàn tật mà suy giảm chức năng còn có thể trực tiếp dẫn đến tàn tật không cần thông qua khuyết tật.

Ví dụ: Bệnh tật hay rối loạn -> suy giảm -> khuyết tật -> tàn tật -> sốt bại liệt -> liệt -> hạn chế vận động -> hạn chế tìm việc làm -> hạn chế khả năng hòa nhập xã hội.

Với sự xuất hiện những quan điểm khoa học mới, WHO đã điều chỉnh lại bảng phân loại Quốc tế mới về Chức năng, Khuyết tật và Sức khỏe phân loại mới (Insulating Concrete Form - ICF) vào năm 2002. Hệ thống này đã đề cập đến ba chiều về chức năng và khuyết tật của con người, đó là: cơ thể, hoạt động và tham gia. Khi dùng thuật ngữ “chức năng”, người ta không nhấn mạnh vào khuyết tật của cá nhân mà lại nhấn mạnh đến yếu tố môi trường (bao gồm cả môi trường thể chất, môi trường tâm lý - xã hội, dịch vụ, chính sách), những yếu tố này sẽ tạo điều kiện hay gây cản trở đến việc tham gia vào các hoạt động của cuộc sống hàng ngày. ICF không chấp nhận cả mô hình y học hay mô hình xã hội riêng rẽ. Khuyết tật là một hệ thống phức tạp ở cả cơ thể của con người ở một mức độ nhất định lẫn kết cấu của xã hội.

Quan niệm về khuyết tật, tàn tật khá khác nhau giữa các nước trên thế giới có những hoàn cảnh xã hội, văn hóa, kinh tế, lịch sử khác nhau và có biến đổi qua các giai đoạn phát triển xã hội - lịch sử của các quốc gia, tùy thuộc vào thái độ, nhận thức và hiểu biết về khuyết tật và người khuyết tật. Tuy còn có những tranh luận, chưa có sự thống nhất về khái niệm khuyết tật, người khuyết tật nhưng các nhà khoa học tiến bộ khuyến khích sự thảo luận hướng tới mục đích trợ giúp người khuyết tật một cách tốt nhất.

1.1.1.2. Khái niệm về người khuyết tật

Theo Công ước về quyền của người khuyết tật ngày 06 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng Liên Hợp Quốc: “Người khuyết tật bao gồm những người bị suy giảm về thể chất, thần kinh, trí tuệ hay giác quan trong một thời gian dài, có ảnh hưởng qua lại với hàng loạt những rào cản có thể cản trở sự tham gia đầy đủ và hiệu quả của người khuyết tật vào xã hội trên cơ sở bình đẳng với những người khác”.

Theo Điều 2 Chương I - Luật số 51/2010/QH12: Luật Người khuyết tật xác định: “Người khuyết tật là người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn”.

Như vậy, người khuyết tật là người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận trên cơ thể khiến họ bị suy giảm về thể chất, thần kinh, trí tuệ hay giác quan trong một thời gian dài, có ảnh hưởng qua lại với hàng loạt những rào cản có thể cản trở sự tham gia đầy đủ và hiệu quả của người khuyết tật vào xã hội trên cơ sở bình đẳng với những người khác.

1.1.1.3. Các dạng tật và mức độ khuyết tật

Theo Điều 3 Chương I - Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH12:

Dạng tật bao gồm:

- Khuyết tật vận động
- Khuyết tật nghe, nói
- Khuyết tật nhìn
- Khuyết tật thần kinh, tâm thần
- Khuyết tật trí tuệ
- Khuyết tật khác.

Người khuyết tật được chia theo các mức độ khuyết tật sau đây:

- Người khuyết tật đặc biệt nặng là người do khuyết tật dẫn đến không thể tự thực hiện việc phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hàng ngày
- Người khuyết tật nặng là người do khuyết tật dẫn đến không thể tự thực hiện một số việc phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hàng ngày
- Người khuyết tật nhẹ là người khuyết tật không thuộc 2 trường hợp trên.

1.1.1.4. Những khó khăn của người khuyết tật

1.1.1.4.1. Kỳ thị và phân biệt đối xử

Theo Luật số 51/2010/QH12: Luật Người khuyết tật thì quan niệm về kỳ thị và phân biệt đối xử với NKT được đưa ra như sau:

Kỳ thị người khuyết tật là thái độ khinh thường hoặc thiếu tôn trọng người khuyết tật vì lý do khuyết tật của người đó.

Phân biệt đối xử người khuyết tật là hành vi xa lánh, từ chối, ngược đãi, phỉ báng, có thành kiến hoặc hạn chế quyền của người khuyết tật vì lý do khuyết tật của người đó.

Trong xã hội, sự kỳ thị và phân biệt đối xử với khuyết tật tồn tại ở các mức độ và hình thức khác nhau. Nguyên nhân sâu xa của sự kỳ thị có thể là do định kiến, cách hiểu sai lệch, sự thiếu kiến thức và sự tự kỳ thị của chính NKT.

Theo đánh giá, quan sát của bản thân tác giả: Một số biểu hiện thường thấy về kỳ thị và phân biệt đối xử với người khuyết tật như sau:

Một là, người khuyết tật thể chất thường xuyên đối mặt với sự kỳ thị và phân biệt đối xử trong cuộc sống hàng ngày. Khi một người khuyết tật thể chất gặp người lạ ở nơi công cộng, họ thường cảm nhận rõ ràng về ánh mắt hay thái độ khác lạ của người xung quanh. Mọi người có thể nhìn chằm chằm vào bộ phận bị khuyết thiếu hoặc bị thay đổi hình dạng trên cơ thể của người

khuyết tật, nhưng mọi người có lẽ cũng tránh ánh mắt của NKT và tránh mọi hình thức tiếp xúc qua đôi mắt.

Hai là, người khuyết tật trí tuệ, khuyết tật tâm thần có thể bị kỳ thị và phân biệt đối xử dưới nhiều hình thức đa dạng hơn. Họ không chỉ bị nhìn nhận với ánh mắt soi mói mà còn bị trêu chọc, đánh đập, hoặc bị bỏ đói.

Ba là, người khuyết tật tâm thần có thể bị coi là những người có thể có hành vi nguy hiểm cho cộng đồng do họ không kiểm soát được suy nghĩ và hành động của mình. Nhiều người khuyết tật tâm thần bị cách ly khỏi xã hội, bị từ chối những quyền và lợi ích cơ bản, và bị đối xử thiếu nhân văn.

Theo đánh giá, quan sát của bản thân tác giả: Sự kỳ thị và phân biệt đối xử dẫn tới hậu quả xấu đối với người khuyết tật, cụ thể như sau:

Sự kỳ thị là một trong những rào cản ngăn trở NKT có được cơ hội trong cuộc sống như trong học tập, giao tiếp, việc làm, hạnh phúc gia đình.

Vì nhận thức không đầy đủ và sai lệch của cộng đồng về NKT khiến NKT và thậm chí cả gia đình họ càng thêm mặc cảm và càng tự hạn chế cơ hội cho bản thân hoặc thành viên khuyết tật trong gia đình hòa nhập cộng đồng.

Mặt khác, do sự tự kỳ thị bản thân nên nhiều NKT dễ rơi vào trạng thái trầm cảm, đau khổ, phẫn uất, căm thù và do đó có thể buông xuôi, phó mặc cho số phận, không muốn phấn đấu vươn lên.

Kỳ thị ở cấp độ gia đình sẽ hạn chế NKT tiếp cận đến giáo dục, học tập, tham gia xã hội do thiếu điều kiện, phương tiện phù hợp. Các nguồn lực giành cho việc cải thiện cơ hội tiếp cận xã hội của NKT thường ít được ưu tiên.

Hậu quả của kỳ thị và phân biệt đối xử là rất lớn. Vì vậy, cần có những việc làm để thay đổi sự kỳ thị đối với NKT:

Một là, giáo dục nâng cao nhận thức của cộng đồng về NKT.

Hai là, trang bị kiến thức, kỹ năng xã hội cho NKT nhằm giúp họ xây dựng sự tự tin.

Ba là, thay đổi cách sử dụng ngôn từ phù hợp với NKT.

Bốn là, tuyên truyền vận động nhằm giảm kỳ thị đối với NKT.

Năm là, cần có chiến lược hỗ trợ NKT ở địa phương, trong đó có hoạt động giảm kỳ thị đối với NKT.

1.1.1.4.2. Khó khăn khi tiếp cận các dịch vụ (theo đánh giá, quan sát của tác giả)

a. Giao thông và các công trình công cộng

Người khuyết tật thường gặp phải nhiều khó khăn trong việc tiếp cận và sử dụng các phương tiện giao thông và các công trình công cộng. Những khó khăn này tùy thuộc vào đặc điểm của từng dạng khuyết tật cũng như tính chất của các công trình.

Đường đi không bằng phẳng, gồ ghề; vỉa hè cao so với mặt đường nhưng không có đường dốc cho người đi xe lăn.

Chưa có các phương tiện giao thông công cộng phù hợp để NKT có thể sử dụng được (ví dụ: xe bus có thang nâng hay đường dốc).

Các phòng vệ sinh công cộng quá chật, thiếu các công cụ hỗ trợ như tay vịn và các vật dụng không vừa với tầm với của NKT.

Ở những nơi công cộng như các nhà hát, rạp chiếu phim, nơi biểu diễn hoà nhạc,... hiếm có không gian dành cho người đi xe lăn.

Các công trình công cộng chưa có lối lên dành cho người khuyết tật.

Hậu quả đối với NKT do không tiếp cận được dịch vụ giao thông và công trình công cộng:

NKT không có cơ hội tiếp cận các công trình công cộng và giao thông, từ đó có thể kìm hãm sự nhận thức của NKT về vấn đề nào đó.

Có thể hình thành thái độ không tích cực của người khác, như “đáng thương”, “thương hại” NKT khi NKT không thể tham gia được vào công trình công cộng đó.

Khoảng cách giữa NKT và người không khuyết tật ngày càng xa.

Dẫn đến tâm lý mặc cảm, tự ti, ngại đi lại ở NKT.

Quyền của NKT không được thực hiện.

Hạn chế về nhận thức, kiến thức có thể làm hạn chế cơ hội phát triển về việc làm và tiếp cận với các dịch vụ xã hội.

Biện pháp khắc phục:

Cần thúc đẩy quyền của NKT trong việc tiếp cận công trình giao thông và công cộng thông qua các tổ chức vì NKT và tổ chức của NKT.

Nâng cao nhận thức toàn dân về các quyền của NKT qua nhiều hình thức khác nhau, như cuộc thi tìm hiểu về Luật NKT Việt Nam 2010; phát tờ rơi, truyền thông,... kết hợp giữa ngôn ngữ và hình ảnh,...

Nhà nước cần ban hành các quy định xử phạt rành, đủ mạnh, có tính răn đe.

Cần lắng nghe ý kiến, tâm tư, nguyện vọng của NKT trước khi xây dựng các công trình công cộng và giao thông.

Hướng dẫn và tạo sự tự chủ để NKT có thể tiếp cận và sử dụng được các công trình giao thông đủ điều kiện.

b. Khó khăn trong tiếp cận dịch vụ giáo dục

Luật NKT số 51/2010/QH12 đã quy định rõ về vấn đề giáo dục cho NKT, thể hiện rõ nét từ điều 27 đến điều 31, như quy định về giáo dục đối với người khuyết tật; phương thức giáo dục người khuyết tật; Nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và nhân viên hỗ trợ giáo dục; Trách nhiệm của cơ sở giáo dục; Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập. Tuy luật đã quy định rõ như vậy nhưng theo quan sát, đánh giá của tác giả: Hiện nay còn rất nhiều

trường học chưa được hỗ trợ kinh phí để xây dựng, cải tạo lại điều kiện vật chất của nhà trường để người khuyết tật có thể tiếp cận, sự hỗ trợ dụng cụ dạy học phù hợp trẻ khuyết tật chưa có, nên giáo viên dạy trẻ gặp khá nhiều khó khăn trong vấn đề này.

Theo Luật NKT và Pháp lệnh thì người khuyết tật được tham gia vào hệ thống giáo dục từ cấp mầm non, tiểu học,... đến cấp cao nhất. Tuy nhiên, thực tế thì hiện nay công tác giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật mới chỉ tập trung nhiều ở cấp mầm non và tiểu học, trẻ được học tập và đánh giá theo sự tiến bộ của bản thân, bản thân giáo viên cũng cố gắng soạn giáo án phù hợp với dạng khuyết tật của trẻ. Còn bậc giáo dục từ cấp trung học cơ sở trở lên thì chưa quan tâm nhiều vấn đề này, đặc biệt đối với trẻ chậm phát triển trí tuệ, nhiều em sau khi lên cấp 2 không đáp ứng được yêu cầu của bậc học thì nghỉ ở nhà, bỏ học chuyển hướng sang học nghề hoặc phụ giúp gia đình. Như vậy sự quan tâm đồng bộ của công tác giáo dục còn có nhiều điểm hạn chế, khiến nhiều em khó khăn trong việc giáo dục hòa nhập ở cấp học cao hơn.

Sau khi quyết định số 23/2006/QĐ-BGDĐT ban hành quy định về giáo dục hòa nhập cho người khuyết tật thì điều kiện được học tập hòa nhập tại cộng đồng của NKT được đẩy mạnh, trẻ em khuyết tật tại địa phương được bố trí sắp xếp lớp học phù hợp với mục tiêu là giúp người khuyết tật được hưởng quyền học tập bình đẳng như những người học khác và tạo điều kiện và cơ hội cho người khuyết tật học văn hóa, học nghề, phục hồi chức năng và phát triển khả năng của bản thân để hòa nhập cộng đồng. Tuy nhiên, các em cũng gặp không ít khó khăn khi thực hiện những quyền này ví dụ: trong phục hồi chức năng thì trẻ khuyết tật mới được quan tâm (không đồng đều ở từng địa phương) về phục hồi về vật lý trị liệu còn phục hồi về sinh hoạt và học tập còn nhiều hạn chế, việc kỳ thi của cộng đồng đâu đó trong giáo dục cho trẻ hòa nhập vẫn còn tồn tại và sự tự kỳ thị của chính gia đình trẻ khuyết tật vẫn

còn, nhiều gia đình đã không cho con em mình đi học với những lý do khác nhau như điều kiện gia đình khó khăn, neo người không đưa đón hoặc sợ con mình đi học bị bạn bè trêu chọc,... xuất phát từ những lý do này mà việc giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật còn chưa được thực hiện.

Hậu quả đối với NKT do không tiếp cận được dịch vụ giáo dục

Làm tăng khoảng cách về cơ hội giữa NKT với người không khuyết tật, cơ hội về việc làm nếu không có tri thức, cơ hội về hôn nhân gia đình nếu không có sự độc lập,...

NKT có suy nghĩ tiêu cực, thấp kém hơn so với người khác dẫn đến sự mặc cảm, tự ti,...

NKT ít có cơ hội học tập ở trình độ cao hơn nên hạn chế các cơ hội khác trong cuộc sống.

Biện pháp khắc phục:

Cần thúc đẩy quyền của NKT trong việc tiếp cận giáo dục các cấp và các hình thức giáo dục khác nhau.

Cần phát hiện sớm khuyết tật và can thiệp sớm để trẻ khuyết tật có cơ hội hòa nhập giáo dục tốt hơn.

Phát triển các hình thức ngôn ngữ cho NKT và tạo điều kiện thúc đẩy NKT có cơ hội được tiếp cận các ngôn ngữ đó.

Tập huấn ngôn ngữ kí hiệu, chữ nổi braille cho cán bộ, nhân viên ngành giáo dục, y tế, xã hội,... để họ phục vụ tốt trong đào tạo và làm việc với NKT.

Các cơ đào tạo chú ý tập huấn giáo viên về giáo dục chuyên chuyên biệt hoặc tuyển dụng giáo viên chuyên biệt để sẵn sàng tiếp nhận và dạy học tốt nhất cho trẻ khuyết tật.

Thúc đẩy sự hỗ trợ tài chính để xây dựng và cải thiện về dụng cụ giảng dạy và cơ sở vật chất nhà trường.

Cần có sự liên thông gắn bó giữa các cấp giáo dục trong dạy học cho NKT để NKT có cơ hội học tập phát triển lên cấp cao.

Nhà trường cần thực hiện tốt các quy định của Nhà nước về giáo dục cho NKT.

Động viên trẻ khuyết tật và gia đình NKT tạo điều kiện và khắc phục mọi khó khăn để đưa trẻ đến trường.

Nâng cao nhận thức của cộng đồng về giáo dục, cơ hội giáo dục cho NKT tại địa phương.

1.1.2. Khái niệm học nghề

Theo Điều 3 trong Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014: “*Học nghề là quá trình học tập, tích lũy kiến thức nghề nghiệp của con người để hướng tới mục đích chủ yếu là giải quyết việc làm*”. Học nghề theo nghĩa này được thể hiện bằng nhiều hình thức: giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng,... thậm chí là quá trình tự học của con người.

1.1.3. Khái niệm người khuyết tật học nghề

1.1.3.1. Khái niệm

Người khuyết tật học nghề là quá trình người khuyết tật học tập, tích lũy kiến thức nghề nghiệp để hướng tới mục đích chủ yếu là sau khi học nghề, người khuyết tật tìm được việc làm phù hợp, tự nuôi sống bản thân.

1.1.3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc học nghề của người khuyết tật

1.1.3.2.1. Bản thân người khuyết tật - người học nghề

Người khuyết tật luôn tự ti và chịu nhiều khiếm khuyết của bản thân. Do vậy họ gặp nhiều khó khăn trong việc lựa chọn nghề nghiệp, thích nghi với xã hội. Dạy nghề là một nội dung quan trọng trong việc bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực xã hội và đảm bảo yêu cầu giải quyết việc làm cho lao động. Với Người khuyết tật, dạy nghề là tiền đề tạo cơ hội và xúc tiến việc làm, góp phần hỗ trợ người khuyết tật từng bước hòa nhập cộng đồng.

Người khuyết tật luôn cảm thấy tự ti trước cộng đồng, họ chịu những thiệt thòi nhất định trong hòa nhập, nâng cao trình độ văn hóa, tri thức, trình độ chuyên môn. Vì vậy, bản thân người lao động khuyết tật phải nâng cao tính chủ động hòa nhập, không ngừng học tập, tu dưỡng nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn.

Vấn đề bình đẳng, công bằng trong xã hội đối với người khuyết tật còn cần phải được xem xét trên nhiều góc độ. Ở những hoàn cảnh cụ thể, các doanh nghiệp vẫn chưa thực sự sẵn sàng sử dụng người lao động khuyết tật. Vì vậy, nhiều địa phương xuất hiện những tấm gương người khuyết tật vượt khó, làm giàu cho bản thân và xã hội. Như vậy, ngoài việc các doanh nghiệp, các tổ chức tạo điều kiện khách quan giúp đỡ người khuyết tật thì bản thân người khuyết tật phải chủ động trong xác định cuộc sống, xây dựng nghề nghiệp cho bản thân.

Kinh tế thị trường phát triển, người khuyết tật có khả năng lựa chọn nhiều ngành nghề phù hợp với bản thân và tìm kiếm nhiều môi trường làm việc thích hợp hơn cho mình. Tuy nhiên, đây cũng là vấn đề khó khăn khi họ phải cạnh tranh với những người lao động bình thường khác cũng có nhu cầu học nghề, tìm việc làm.

Vấn đề khuyết tật có thể do nhiều nguyên nhân khác nhau như: bẩm sinh, tai nạn, chiến tranh,... nhưng nhìn chung ở họ luôn có một nguồn năng lượng sống, sức chiến đấu và hy sinh mạnh mẽ cho công việc, sự nghiệp. Hơn bao giờ hết ở người khuyết tật phải có sức sống mạnh mẽ, sự sáng tạo không ngừng để tìm kiếm những cơ hội phát triển, đóng góp những giá trị đích thực cho bản thân, gia đình và xã hội. Các trung tâm dạy nghề cho người khuyết tật đồng thời phải có chương trình giáo dục văn hóa, tinh thần, nâng cao nghị lực sống cho NKT.

1.1.3.2.2. Chủ chương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với người khuyết tật

Trong những năm gần đây Đảng và Nhà nước càng có nhiều chính sách đãi ngộ và quan tâm tới người khuyết tật. Ở nước ta, trong những năm gần đây, thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước và được sự quan tâm của các cấp, các ngành và toàn xã hội, công tác dạy nghề từng bước phục hồi và phát triển, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về nguồn lao động trực tiếp, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, phù hợp với cơ cấu kinh tế, xóa đói giảm nghèo đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững. Đóng góp vào thành công chung đó, phải kể đến mạng lưới các trung tâm dạy nghề (TTDN) - loại hình cơ sở dạy nghề phổ biến, có vai trò quan trọng trong dạy, bổ túc, bồi dưỡng nghề, đáp ứng yêu cầu đa dạng, linh hoạt và luôn biến động của thị trường lao động.

Số cơ sở dạy nghề cho người khuyết tật ngày càng được nâng cao về chất lượng, công tác dạy nghề từng bước được xã hội hóa với sự quan tâm ngày càng nhiều của các tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng. Đảng và nhà nước đã có những văn bản pháp luật khác nhau trong bảo vệ người khuyết tật, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp sử dụng người khuyết tật trong lao động. Đồng thời tạo môi trường phát triển cho những người khuyết tật có thể thích nghi và làm việc.

Hằng năm ngân sách nhà nước giành hàng trăm tỷ đồng cho công tác dạy nghề cho người khuyết tật. Tăng cường đầu tư trang thiết bị, cơ sở hạ tầng, hỗ trợ cho người khuyết tật phát triển. Nhiều ngân hàng nhà nước đã có những chương trình thiết thực cho người khuyết tật vay vốn với lãi suất ưu tiên trong phát triển kinh tế, tự thân làm giàu, vươn lên có ích cho xã hội. Người khuyết tật được đào tạo nghề ngày càng nhiều, họ có khả năng nuôi sống và làm giàu cho bản thân.

1.1.3.2.3. Trình độ giáo viên và cán bộ đào tạo

Giáo viên giảng dạy và đội ngũ cán bộ quản lý đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng dạy nghề cho người khuyết tật. Thông thường giáo viên trong các cơ sở khuyết tật là người dạy lý thuyết cùng với thực hành. Chất lượng giáo viên cần phải liên tục được nâng cao, đáp ứng những thay đổi liên tục của xã hội. Giáo viên dạy nghề là đối tượng truyền đạt cơ sở lý luận, khoa học, vấn đề thực tiễn của nghề nghiệp mà người khuyết tật có nhu cầu học và ứng dụng thực tiễn.

Giáo viên dạy nghề cần có trình độ tốt, tâm huyết với nghề nghiệp và người học thì việc truyền đạt kiến thức, khả năng tiếp thu của người học sẽ hiệu quả hơn. Từ đó nâng cao năng suất lao động cá nhân người giáo viên, học sinh và toàn xã hội. Giáo viên dạy nghề hiện nay cần phải thường xuyên ứng dụng và cập nhật những kiến thức đổi mới, phương tiện khoa học kỹ thuật hiện đại để kịp thời truyền đạt cho học viên khuyết tật kịp thời nắm bắt và phát triển nghề nghiệp.

Đặc thù của môi trường học nghề của người khuyết tật có nhiều khác biệt so với các môi trường thông thường khác. Người khuyết tật là người có khiếm khuyết về hình thể và tâm lý không ổn định, dễ tổn thương nên việc giáo viên dạy nghề cho người khuyết tật cần đòi hỏi có tấm lòng bao dung, yêu nghề, yêu thương người khuyết tật. Sự ân cần và tình thương của người giáo viên sẽ giúp người khuyết tật dễ dàng hòa nhập với cộng đồng, nâng cao tinh thần học tập và khả năng vượt lên chính mình của người khuyết tật. Như vậy, đòi hỏi người giáo viên phải có chuyên môn, trình độ và kỹ năng đặc biệt để đào tạo đối tượng đặc biệt. Giáo viên phải có kỹ năng sư phạm, chuyên môn kỹ thuật và có tâm lý ổn định, khả năng giải quyết tình huống.

Đối tượng người khuyết tật luôn cần được quan tâm về tinh thần và vật chất trong cuộc sống. Vì vậy, cơ cấu giữa giáo viên, người quản lý tại các cơ

sở khuyết tật phải phù hợp. Theo Thông tư của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội số 29/2010/TT - BLĐTBXH ngày 23/9/2010 về hướng dẫn định mức biên chế của cơ sở dạy nghề. Bên cạnh đó là đối tượng người quản lý. Tuy nhiên, tùy theo mức độ và loại khuyết tật khác nhau mà có sự bố trí hợp lý giữa giáo viên và học sinh. Đây là cơ sở quan trọng để nâng cao chất lượng dạy nghề. Người giáo viên cần có định hướng nghề nghiệp quan trọng phù hợp với từng đối tượng khuyết tật. Từ đó người khuyết tật có khả năng thích nghi nhanh chóng với cuộc sống, xã hội bên ngoài.

1.1.3.2.4. Lựa chọn nghề đúng đối tượng người khuyết tật

Đối với dạy nghề cho người khuyết tật, chương trình dạy nghề là một trong những yếu tố quan trọng nhất quyết định đến chất lượng dạy nghề cho người khuyết tật. Trong bối cảnh kinh tế thị trường, hội nhập sâu rộng và bị tác động bởi những biến động kinh tế thế giới. Chương trình dạy nghề phải bám sát nhu cầu thị trường lao động, vấn đề việc làm, đáp ứng sự thay đổi của khoa học công nghệ, ứng dụng trong sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất lao động. Chương trình dạy nghề phải phù hợp với từng đối tượng khuyết tật, mức độ khuyết tật để người khuyết tật có thể thích ứng và từ đó có phương pháp học nghề hiệu quả.

Theo Thông tư 29/2010/TT-BLĐTBXH đã nêu rõ: “Chương trình giáo dục nghề nghiệp phải thể hiện mục tiêu giáo dục nghề nghiệp, quy định chuẩn kiến thức, phạm vi và cấu trúc nội dung giáo dục nghề nghiệp, phương pháp và hình thức đào tạo, cách thức đánh giá kết quả đào tạo với mỗi môn học, ngành nghề, trình độ đào tạo của giáo dục nghề nghiệp, đảm bảo yêu cầu liên thông với các chương trình giáo dục khác”.

Mỗi chương trình dạy nghề cần thiết phải có khung chương trình quy định cơ cấu nội dung, dung lượng các modul, môn học, tỷ lệ thời gian lý thuyết và thực hành đáp ứng mục tiêu của quá trình đào tạo và đối tượng đào

tạo là người khuyết tật. Hiệu quả công tác giảng dạy, thực hành nghề nghiệp phụ thuộc rất lớn vào chương trình giảng dạy. Đối với người khuyết tật, vấn đề này càng trở nên quan trọng trong việc phát triển nghề nghiệp, an sinh và phát triển trong cộng đồng.

Thông thường chương trình lý thuyết được giảng viên, người truyền đạt lên khung chương trình, tóm tắt những nội dung chính giúp người học viên nhanh chóng nắm bắt và dễ dàng tiếp thu những kiến thức từ chương trình. Giáo viên dạy nghề thường có kinh nghiệm trong thực tiễn, sản xuất và thực hành. Vì vậy, một hệ thống lý thuyết tốt sẽ giúp người khuyết tật có đầy đủ những kiến thức rõ ràng và bổ ích nhất cho bản thân. Bên cạnh đó, chương trình thực hành giúp người khuyết tật nâng cao năng lực thực tiễn, tốt nghiệp xong hoàn toàn có thể thích ứng nhanh chóng với các cơ sở sử dụng lao động, ngành nghề, nhịp độ phát triển của xã hội.

Tuy nhiên, trong giáo dục dạy nghề tỷ lệ giữa lý thuyết và thực hành phải cân đối đối với từng môn học. Nếu tỷ lệ chênh lệch quá nhiều thì việc ứng dụng trong thực tế là không phù hợp. Yêu cầu đòi hỏi cả lý thuyết và thực hành phải bám sát thực tế, phù hợp với nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động là người khuyết tật. Đòi hỏi khi tốt nghiệp xong chương trình dạy nghề thì người lao động khuyết tật phải làm được việc ngay, đồng thời có thể phát triển kỹ năng, ứng dụng kịp thời những tiến bộ khoa học kỹ thuật hiện đại.

1.1.3.2.5. Cơ sở vật chất, kỹ thuật

Trong bối cảnh phát triển hiện nay, đòi hỏi các cơ sở dạy nghề cho người khuyết tật phải đảm bảo những yếu tố cơ bản như hệ thống trường lớp, trang thiết bị phục vụ dạy nghề, hệ thống sinh hoạt, cơ sở thực hành,... mỗi cơ sở vật chất cần có những yêu cầu, tiêu chuẩn kỹ thuật nhất định để đáp ứng nhu cầu của người học. Một cơ sở dạy nghề tốt sẽ nâng cao hiệu quả dạy và

học cho người khuyết tật. Hệ thống cơ sở hạ tầng ở các trung tâm dạy nghề cho người khuyết tật đòi hỏi đặc biệt hơn so với các trung tâm phục vụ giảng dạy các đối tượng bình thường khác. Người khuyết tật cần hệ thống vật chất, kỹ thuật đặc biệt phục vụ cho từng đối tượng người khuyết tật khác nhau.

Trong bối cảnh xã hội hiện đại, hệ thống cơ sở hạ tầng giảng dạy lý thuyết và máy móc, trang thiết bị phục vụ thực hành phải gắn liền với nhau. Đảm bảo yêu cầu người khuyết tật hạn chế phải di chuyển, khó khăn trong tiếp thu. Những máy móc tại các lớp học nghề phải gắn liền với thực tiễn, sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật để người học không bị bỡ ngỡ, xa rời thực tiễn. Cơ sở vật chất, trang thiết bị học tập, thực hành là cầu nối quan trọng giữa chương trình học tập và những ứng dụng trong thực tiễn sản xuất, đóng góp sức lao động, phát triển kinh tế xã hội. Trang thiết bị giảng dạy giúp người khuyết tật hình thành những kỹ năng, kỹ xảo trong nghề nghiệp, quyết định những tính chất của công nghệ sản xuất, gia công, chế tạo sản phẩm, nâng cao chất lượng của chương trình dạy nghề.

Để người khuyết tật dễ dàng thích nghi với xã hội, có khả năng lao động đóng góp sức lao động cho xã hội thì các trung tâm, trường nghề cần thiết phải đầu tư cơ sở hạ tầng phù hợp với từng đối tượng và mức độ khuyết tật. Kinh tế xã hội hiện đại, người khuyết tật càng được quan tâm nhiều hơn về cả vật chất và tinh thần. Cơ sở hạ tầng phục vụ người khuyết tật cần phải đáp ứng cả nhu cầu sinh hoạt và học tập, thực hành hàng ngày. Đây là tính chất riêng đối với các cơ sở khuyết tật so với các trung tâm, trường nghề thông thường khác. Nếu cơ sở vật chất không đáp ứng được yêu cầu đặt ra thì quá trình học lý thuyết, thực hành không có hiệu quả.

1.1.3.2.6. Quản lý chương trình đào tạo nghề

Trong bối cảnh phát triển hiện nay, đòi hỏi các cơ sở dạy nghề cho người khuyết tật ngoài việc phải đảm bảo những yếu tố cơ bản như hệ thống

trường lớp, trang thiết bị phục vụ dạy nghề, hệ thống sinh hoạt, cơ sở thực hành,... mỗi cơ sở vật chất cần có những yêu cầu, tiêu chuẩn nhất định trong công tác quản lý chất lượng dạy và học. Một cơ sở dạy nghề có sự quản lý chương trình đào tạo tốt sẽ nâng cao hiệu quả dạy và học cho người khuyết tật. Hệ thống quản lý chất lượng ở các trung tâm dạy nghề cho người khuyết tật đòi hỏi đặc biệt hơn so với các trung tâm phục vụ giảng dạy các đối tượng bình thường khác. Trung tâm dạy nghề cho người khuyết tật cần có những tiêu chuẩn trong giảng dạy cũng như thực hành đặc biệt hơn so với các trung tâm dạy nghề khác chính vì vậy mà cần có những biện pháp phù hợp trong công tác quản lý chất lượng đảm bảo cho người khuyết tật được học nghề phù hợp, phát huy được năng lực bản thân giúp cho việc học nghề đạt hiệu quả.

1.2. Lý luận về vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người khuyết tật học nghề

1.2.1. Hệ thống các khái niệm

1.2.1.1. Khái niệm Công tác xã hội

Định nghĩa mới nhất do Liên đoàn Nhân viên CTXH Quốc tế (ISWF) và Hiệp hội Quốc tế các Trường đào tạo CTXH (IASSW) thông qua năm 2014, định nghĩa CTXH là: *“một nghề thực hành và một lĩnh vực học thuật thúc đẩy biến đổi xã hội và phát triển xã hội, cố kết xã hội, và tăng cường việc trao quyền và giải phóng con người. Trọng tâm của CTXH là các nguyên tắc về công bằng xã hội, quyền con người, trách nhiệm tập thể, và tôn trọng sự khác biệt. Được xây dựng trên nền tảng các lý thuyết CTXH, khoa học xã hội, nhân văn và các tri thức bản địa, CTXH thu hút con người và các tổ chức vào việc giải quyết các thách thức trong cuộc sống con người và củng cố an sinh”*.

Theo đề án 32 của Thủ tướng Chính phủ: *CTXH góp phần giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa con người và con người, hạn chế phát sinh các vấn*

đề xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của thân chủ xã hội, hướng tới một xã hội lành mạnh, công bằng, hạnh phúc cho người dân và xây dựng hệ thống an sinh xã hội tiên tiến.

Theo giáo trình Nhập môn Công tác xã hội giới thiệu khái niệm: *Công tác xã hội là một nghề, một hoạt động chuyên nghiệp nhằm trợ giúp các cá nhân, gia đình và cộng đồng nâng cao năng lực đáp ứng nhu cầu và tăng cường chức năng xã hội, đồng thời thúc đẩy môi trường xã hội về chính sách, nguồn lực và dịch vụ nhằm giúp cá nhân, gia đình và cộng đồng giải quyết và phòng ngừa các vấn đề xã hội góp phần đảm bảo an sinh xã hội [Giáo trình nhập môn Công tác xã hội, Bùi Thị Xuân Mai, 2010, NXB Lao động - Xã hội, tr19].*

Như vậy, CTXH là một nghề chuyên nghiệp nhằm trợ giúp thân chủ giải quyết vấn đề khó khăn, nâng cao năng lực đáp ứng nhu cầu và tăng cường chức năng xã hội, thúc đẩy môi trường xã hội về chính sách, nguồn lực nhằm giúp thân chủ giải quyết và phòng ngừa các vấn đề xã hội góp phần đảm bảo an sinh xã hội.

1.2.1.2. Khái niệm Vai trò

Theo từ điển Bách khoa toàn thư mở, 2016: *“Vai trò là một tập hợp các chuẩn mực, hành vi, quyền lợi và nghĩa vụ được gắn liền với một vị thế xã hội nhất định. Khái niệm vai trò bắt nguồn từ khái niệm vai diễn trên sân khấu. Vai diễn trên sân khấu đòi hỏi diễn viên phải nhập tâm, bắt chước và học tập đóng vai của những nhân vật được đạo diễn phân đóng”.*

Vai trò là tính từ chỉ tính chất của sự vật, sự việc, hiện tượng, dùng để nói về vị trí chức năng, nhiệm vụ mục đích của sự vật, sự việc, hiện tượng trong một hoàn cảnh, bối cảnh và mối quan hệ nào đó.

1.2.1.3. Khái niệm Vai trò của Công tác xã hội

Vai trò của Công tác xã hội là vị trí chức năng, nhiệm vụ mục đích của Công tác xã hội đối với một lĩnh vực nào đó.

Các vai trò của công tác xã hội:

Công tác xã hội là một hoạt động chuyên môn mới ở Việt Nam và là mô hình hoạt động chuyên môn hiệu quả hướng đến trao quyền và nâng cao chất lượng sống của các đối tượng yếu thế.

Với đặc thù là nghề trợ giúp xã hội, công tác xã hội hướng trọng tâm nghề nghiệp đến giúp đỡ các cá nhân, nhóm, cộng đồng phục hồi, phát triển các chức năng và đạt được những giá trị phù hợp trong xã hội. Các chức năng của công tác xã hội được thực hiện thông qua việc thực hiện các vai trò của nhân viên công tác xã hội trong tiến trình làm việc với các thân chủ.

Mỗi đối tượng khác nhau lại có những vấn đề cụ thể khác nhau. Vì thế vai trò của nhân viên công tác xã hội trong tiến trình trợ giúp mỗi đối tượng cụ thể cũng có sự khác nhau. Cụ thể là những vai trò sau:

- Là người tạo khả năng:

Trọng tâm nghề nghiệp công tác xã hội hướng đến việc trợ giúp các đối tượng khai thác những tiềm năng của bản thân để tự lực vươn lên, giải quyết các vấn đề cụ thể của bản thân. Nhân viên công tác xã hội không làm hộ, làm thay thân chủ mà chỉ giúp thân chủ nhận thức được khả năng của mình, phát huy những khả năng đó để giải quyết vấn đề của mình.

- Là người điều phối - kết nối dịch vụ:

Nhân viên công tác xã hội thông qua đánh giá, chuẩn đoán các vấn đề và nguồn lực của thân chủ để điều phối, cung cấp các dịch vụ phù hợp.

- Là người giáo dục:

Thân chủ trong công tác xã hội là đối tượng dễ bị tổn thương từ những thay đổi trong gia đình, xã hội. Những nhóm đối tượng yếu thế như người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em,... phải đối mặt với rất nhiều khó khăn về

vật chất, tinh thần, họ bị suy giảm các chức năng xã hội. Do đó để thích ứng với cuộc sống, thân chủ cần phải có thêm nhiều kiến thức, kỹ năng chăm sóc, bảo vệ bản thân, các kỹ năng xã hội,...

- Là người biện hộ:

Khi làm việc với thân chủ, nhân viên công tác xã hội cần đánh giá, phân tích với những nhu cầu, mong muốn cũng như những nguồn lực của thân chủ. Nhân viên công tác xã hội phải bảo vệ những nguồn lực của thân chủ.

- Người tạo môi trường thuận lợi:

Mỗi cá nhân là một hệ thống chịu sự tác động từ những hệ thống xung quanh. Công tác xã hội chú ý đến mối quan hệ giữa con người với các hệ thống xung quanh. Tạo môi trường thuận lợi trong công tác xã hội được thực hiện thông qua việc cải thiện và nâng cao chất lượng giữa con người và hệ thống xung quanh. Đối tượng yếu thế cũng tương tác và chịu sự ảnh hưởng mạnh mẽ từ gia đình, các tổ chức xã hội. Vì thế trong tiến trình công tác xã hội cần chú ý các hệ thống xung quanh như: gia đình, bạn bè, chính quyền, các tổ chức bảo vệ và trợ giúp đối tượng cụ thể...

- Người đánh giá và giám sát:

Nhân viên xã hội là người trực tiếp đánh giá, chuẩn đoán các vấn đề của thân chủ trong cuộc sống hàng ngày của thân chủ. Những vấn đề của thân chủ rất đa dạng: Có thể về sinh lý, tâm lý, lao động - thu nhập hay các vấn đề về xã hội (theo đánh giá, quan sát của tác giả).

1.2.1.4. Khái niệm Vai trò của Công tác xã hội trong hỗ trợ Người khuyết tật học nghề

Vai trò của Công tác xã hội là vị trí chức năng, nhiệm vụ mục đích của Công tác xã hội trong việc hỗ trợ Người khuyết tật học nghề. Bằng những kiến thức, kỹ năng chuyên môn giúp nhân viên CTXH nâng cao vai trò của

việc học nghề đối với NKT; tư vấn, tham vấn nghề nghiệp phù hợp với khả năng của mỗi người; kết hợp với các phòng liên quan tổ chức các trò chơi giải trí sau giờ học hay cung cấp những thông tin về cơ sở có thể tiếp nhận NKT vào làm việc. Từ những hỗ trợ đó giúp cho Người khuyết tật học nghề được tốt hơn và có hiệu quả hơn.

1.2.2. Các vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người khuyết tật học nghề

Công tác xã hội có rất nhiều vai trò nhưng đối với hoạt động hỗ trợ người khuyết tật học nghề tại trung tâm nuôi dưỡng người có công và bảo trợ xã hội Bắc Ninh thì công tác xã hội thể hiện bốn vai trò. Đó là vai trò Nâng cao nhận thức cho Người khuyết tật về chương trình học nghề; Tư vấn chương trình học nghề; Tổ chức các chương trình vui chơi giải trí ngoài giờ học và Cung cấp những thông tin về cơ sở có thể tiếp nhận học viên vào làm sau khi học viên hoàn thành chương trình học nghề.

1.2.2.1. Nâng cao nhận thức cho Người khuyết tật về chương trình học nghề

Nâng cao nhận thức về năng lực và đóng góp của NKT trong hoạt động học nghề. Chỉ khi NKT hiểu rõ được quyền lợi, nghĩa vụ, khả năng của bản thân, họ mới có thể thuyết phục người khác tôn trọng, nhìn nhận năng lực của mình. Gia đình nhận thức đúng thì mới có thể hỗ trợ, khuyến khích NKT phát triển một cách tối đa năng lực của họ.

Để NKT khẳng định năng lực của mình còn rất cần đến cộng đồng, xã hội tạo ra cơ hội, môi trường thuận lợi cho họ thể hiện khả năng, đóng góp trí tuệ, tâm sức. Đó là cách nhìn nhận của cộng đồng nơi NKT sinh sống, cách giáo dục, ứng xử của thầy cô tại nhà trường, thái độ tiếp đón, đánh giá năng lực của NKT tại trung tâm. Các yếu tố xã hội này nếu được tác động, thay đổi và nâng cao nhận thức theo chiều hướng tích cực sẽ là động lực to lớn để

NKT vượt qua những khó khăn của mình, phát huy thế mạnh, tham gia xây dựng, phát triển đơn vị, doanh nghiệp, cộng đồng.

1.2.2.2. Tư vấn chương trình học nghề

Nhân viên CTXH tham gia cung cấp cho Người khuyết tật học nghề tại Trung tâm những thông tin về các nghề đang được đào tạo trong Trung tâm, thông tin cơ bản từng nghề, định hướng nghề phù hợp với khả năng của mỗi người khuyết tật để người khuyết tật có hướng chọn nghề đúng đắn.

Tư vấn chương trình học nghề giúp người khuyết tật tự tin, chủ động trong lựa chọn nghề phù hợp với tính cách, năng lực bản thân.

1.2.2.3. Tổ chức các chương trình vui chơi giải trí ngoài giờ học

Ngoài việc cung cấp kiến thức, đào tạo kỹ năng nghề nghiệp. Phòng công tác xã hội phối hợp với các phòng chuyên môn trong trung tâm tham mưu với lãnh đạo trung tâm xây dựng các văn bản, chính sách trong lĩnh vực chăm sóc và giáo dục NKT; phối hợp vận động, xã hội hóa nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất và tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí cho NKT.

Bên cạnh các hình thức vui chơi, giải trí mang tính “truyền thống, thường xuyên”, các hình thức vui chơi gắn với học tập, rèn luyện kỹ năng được đẩy mạnh. Các phòng chuyên môn phối hợp với Đoàn thanh niên trong Trung tâm đã chú trọng hướng dẫn cho các em khuyết tật trong trung tâm tham gia các trò chơi dân gian ngoài giờ học. Hoạt động vui chơi, giải trí cho NKT trong trung tâm từng bước được quan tâm, đầu tư nhiều hơn. Cụ thể, tăng cường hoạt động của lực lượng thanh niên trong việc tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí cho NKT trong trung tâm.

Việc tổ chức các chương trình vui chơi giải trí ngoài giờ học giúp các em khuyết tật đang học nghề tại trung tâm có khoảng thời gian thư giãn, tâm lý thoải mái sau những giờ học nghề căng thẳng.

1.2.2.4. Vai trò cung cấp những thông tin về cơ sở có thể tiếp nhận học viên vào làm sau khi học viên hoàn thành chương trình học nghề

Để tạo tâm lý hứng khởi, thoải mái cho học viên thì nhân viên công tác xã hội cần cung cấp những thông tin về cơ sở có thể tiếp nhận học viên vào làm sau khi học viên đã hoàn thành chương trình học nghề để họ có việc làm, có thu nhập nuôi sống bản thân.

1.3. Lý thuyết ứng dụng

1.3.1. Lý thuyết nhu cầu

Nhà tâm lý học Abraham Maslow (1908-1970) được xem như một trong những người tiên phong trong trường phái Tâm lý học nhân văn.

Năm 1943, ông đã phát triển một trong các lý thuyết mà tầm ảnh hưởng của nó được thừa nhận rộng rãi và được sử dụng trong nhiều lĩnh vực khác nhau, bao gồm cả lĩnh vực giáo dục. Đó là lý thuyết về Thang bậc nhu cầu của con người. Trong lý thuyết này, ông sắp xếp các nhu cầu của con người theo một hệ thống trật tự cấp bậc, trong đó, các nhu cầu ở mức độ cao hơn muốn xuất hiện thì các nhu cầu ở mức độ thấp hơn phải được thỏa mãn trước.

Maslow đã sắp xếp các nhu cầu của con người theo 5 cấp bậc:



Sơ đồ 1.1: Tháp nhu cầu của Maslow

- Nhu cầu sinh lý:

Nhu cầu này bao gồm các nhu cầu cơ bản của con người như ăn, uống, ngủ, không khí để thở, tình dục, các nhu cầu làm cho con người thoải mái,...đây là những nhu cầu cơ bản nhất và mạnh nhất của con người. Trong hình kim tự tháp, chúng ta thấy những nhu cầu này được xếp vào bậc thấp nhất: Bậc cơ bản nhất.

Maslow cho rằng, những nhu cầu ở mức độ cao hơn sẽ không xuất hiện khi những nhu cầu cơ bản này không được thỏa mãn và những nhu cầu cơ bản này sẽ chế ngự, hồi thúc, giục giã một người hành động khi nhu cầu cơ bản này chưa đạt được.

Trong cách tư duy của người Việt nam trước đây cũng chung quan điểm: “Có thực mới vực được đạo”, cần phải được ăn uống, đáp ứng nhu cầu cơ bản để có thể hoạt động, vươn tới nhu cầu cao hơn. Chúng ta có thể kiểm chứng dễ dàng điều này khi cơ thể không khỏe mạnh, đói khát hoặc bệnh tật, lúc ấy, các nhu cầu khác chỉ còn là thứ yếu.

- Nhu cầu về an toàn, an ninh

Khi con người đã được đáp ứng các nhu cầu cơ bản, tức các nhu cầu này không còn điều khiển suy nghĩ và hành động của họ nữa, họ sẽ cần gì tiếp theo? Khi đó các nhu cầu về an toàn, an ninh sẽ bắt đầu được kích hoạt. Nhu cầu an toàn và an ninh này thể hiện trong cả thể chất lẫn tinh thần.

Con người mong muốn có sự bảo vệ cho sự sống còn của mình khỏi các nguy hiểm. Nhu cầu này sẽ trở thành động cơ hoạt động trong các trường hợp khẩn cấp, nguy khốn đến tính mạng như chiến tranh, thiên tai, gặp thú dữ,... Trẻ con thường hay biểu lộ sự thiếu cảm giác an toàn khi bú rứt, khóc đòi cha mẹ, mong muốn được vỗ về.

Nhu cầu này cũng thường được khẳng định thông qua các mong muốn về sự ổn định trong cuộc sống, được sống trong các khu phố an ninh, sống

trong xã hội có pháp luật, có nhà cửa để ở,... Nhiều người tìm đến sự che chở bởi các niềm tin tôn giáo, triết học cũng là do nhu cầu an toàn này, đây chính là việc tìm kiếm sự an toàn về mặt tinh thần.

- Nhu cầu về xã hội (nhu cầu được thừa nhận, yêu thương)

Nhu cầu này còn được gọi là nhu cầu mong muốn thuộc về một bộ phận, một tổ chức nào đó hoặc nhu cầu về tình cảm, tình thương. Nhu cầu này thể hiện qua quá trình giao tiếp như việc tìm kiếm, kết bạn, tìm người yêu, lập gia đình, tham gia một cộng đồng nào đó, đi làm việc, đi chơi picnic, tham gia các câu lạc bộ, làm việc nhóm, ...

- Nhu cầu được tôn trọng và tự trọng

Nhu cầu này thể hiện 2 cấp độ: nhu cầu được người khác quý mến, nể trọng thông qua các thành quả của bản thân, và nhu cầu cảm nhận, quý trọng chính bản thân, danh tiếng của mình, có lòng tự trọng, sự tự tin vào khả năng của bản thân. Sự đáp ứng và đạt được nhu cầu này có thể khiến cho một đứa trẻ học tập tích cực hơn, một người trưởng thành cảm thấy tự do hơn.

Chúng ta thường thấy trong công việc hoặc cuộc sống, khi một người được khích lệ, tặng thưởng về thành quả lao động của mình, họ sẵn sàng làm việc hăng say hơn, hiệu quả hơn. Nhu cầu này được xếp sau nhu cầu “thuộc về một tổ chức”, nhu cầu xã hội phía trên. Sau khi đã gia nhập một tổ chức, một đội nhóm, chúng ta luôn muốn được mọi người trong nhóm nể trọng, quý trọng để cảm thấy mình có “vị trí” trong nhóm đó. Bản chất tâm lý con người ai cũng muốn được tôn trọng, chạm đến lòng tự trọng là chạm đến điều sâu và đau nhất, là điểm tử huyệt nhất của con người.

- Nhu cầu được thể hiện mình (Nhu cầu phát triển)

Đó là nhu cầu của một cá nhân mong muốn được là chính mình, được làm những cái mà mình “sinh ra để làm”. Nói một cách đơn giản hơn, đây

chính là nhu cầu được sử dụng hết khả năng, tiềm năng của mình để tự khẳng định mình, để làm việc, đạt các thành quả trong xã hội.

Tác giả vận dụng lý thuyết nhu cầu vào đề tài nghiên cứu nhằm mục đích giải thích rằng con người có rất nhiều nhu cầu cần được đáp ứng. Ngoài những nhu cầu cơ bản ăn, uống, mặc, ở thì nhu cầu học nghề và có việc làm nuôi sống chính bản thân NKT là một nhu cầu thiết thực và cần đáp ứng. Chính vì vậy, muốn NKT có được việc làm thì cần hỗ trợ để NKT học đúng nghề phù hợp với khả năng bản thân, có việc làm ổn định sau khi hoàn thành chương trình học nghề.

1.3.2. Lý thuyết hệ thống

Các quan điểm hệ thống trong công tác xã hội có nguồn gốc từ lý thuyết hệ thống tổng quát của Bertalanffy được đề xướng năm 1940. Ông đưa ra quan điểm rằng tất cả các cơ quan đều là hệ thống, bao gồm những hệ thống nhỏ hơn và là phần tử của hệ thống lớn hơn. Sau này, lý thuyết hệ thống được các nhà khoa học khác nghiên cứu: Hanson (1995), Mancoske (1981), Siporin (1980),... và phát triển. Người có công đưa lý thuyết hệ thống áp dụng vào thực tiễn công tác xã hội phải kể đến công lao của Pincus và Minahan cùng các đồng sự khác. Tiếp đến là Germain và Gitterman.

Theo định nghĩa của “Lý thuyết công tác xã hội hiện đại”: “Hệ thống là một tập hợp các thành tố được sắp xếp có trật tự và liên hệ với nhau để hoạt động thống nhất”. Lý thuyết hệ thống cho rằng mọi tổ chức hữu cơ đều là hệ thống, được tạo thành từ các tiểu hệ thống và ngược lại cũng là phần tử của hệ thống lớn hơn. Do đó, con người là một bộ phận của xã hội, đồng thời cũng tạo nên từ những phần tử nhỏ hơn. Các hệ thống có mối liên hệ mật thiết, tác động qua lại lẫn nhau. Khi một hệ thống thay đổi kéo theo sự thay đổi của hệ thống khác và ngược lại khi muốn thay đổi một hệ thống thì phải thay đổi hệ thống nhỏ tạo nên nó và thay đổi cả hệ thống lớn bao trùm nó. Lý thuyết hệ

thống sử dụng trong công tác xã hội chú ý nhiều tới các quan hệ giữa các phần tử nằm trong hệ thống hơn là chú ý tới thuộc tính của phần tử. Thuyết hệ thống trong công tác xã hội sử dụng nhiều cặp khái niệm về hệ thống đóng và hệ thống mở. Hệ thống đóng: Là hệ thống không có sự trao đổi năng lượng và thông tin vượt qua biên giới của nó; Hệ thống mở: Là hệ thống mà năng lượng và thông tin được trao đổi bằng cách thâm thấu qua vách ngăn biên giới của chính nó. [*Giáo trình nhập môn Công tác xã hội, Bùi Thị Xuân Mai, 2010, NXB Lao động - Xã hội, tr205*].

Tác giả sử dụng lý thuyết hệ thống vào đề tài nghiên cứu nhằm mục đích giải thích rằng: Con người là một hệ thống vi mô, chịu sự tác động của hệ thống trung mô và hệ thống vĩ mô. Việc học nghề của NKT muốn thành công thì cần tác động nhiều yếu tố, cả hệ thống trung mô và vĩ mô. Có như vậy, việc học nghề của NKT mới đạt được hiệu quả cao.

1.3.3. Lý thuyết sinh thái

Đây là một lý thuyết rất quan trọng trong nền tảng triết lý của ngành công tác xã hội, nó nói lên sự liên hệ giữa các tổ chức nhóm và vai trò của cá nhân trong môi trường sống. Đây thường được gọi là lý thuyết sinh thái (Ecological Theory). Lý thuyết này dựa trên giả thuyết rằng, mỗi cá nhân đều trực thuộc vào hoàn cảnh sống. Cả cá nhân và môi trường đều được coi là sự thống nhất, mà trong đó các yếu tố liên hệ và trực thuộc lẫn nhau rất chặt chẽ (Compton, 1989). Trong mỗi môi trường sinh thái, các hệ thống hoạt động vừa có tính chất riêng biệt và phức tạp, vừa có sự trao đổi chặt chẽ giữa chúng. Để hiểu biết về một yếu tố nào đó trong môi trường (ví dụ như một cá nhân), cần phải nghiên cứu để hiểu cả hệ thống môi trường xung quanh của nó. Vì vậy, trong công tác xã hội “bất cứ một việc can thiệp, giúp đỡ một cá nhân của một tổ chức nào đó, đều có liên quan và ảnh hưởng đến toàn bộ hệ thống đó”. Thêm nữa, các hệ thống môi trường đều là “hệ thống mở”, có

nghĩa là nó có linh hoạt với những hệ thống khác. Một hệ thống này có thể là một hệ thống bao gồm những phần tử nhỏ hơn nó nhưng nó lại thuộc về một hệ thống lớn hơn. Ví dụ như gia đình gồm các thành viên “cha, mẹ, con, cháu”, nhưng gia đình cũng là một hệ thống môi trường xã hội. Trong lý thuyết này, tất cả các vấn đề của con người phải được nhìn nhận một cách tổng thể trong mối quan hệ với các yếu tố khác, chứ không chỉ nhìn nhận và tác động một cách đơn lẻ. Mọi người trong hoàn cảnh sống đều có hành động và phản ứng ảnh hưởng đến những yếu tố xung quanh. Vì thế trong các hoạt động công tác xã hội, vấn đề là cần được nhìn nhận thay đổi trên nhiều phương diện và ở nhiều mức độ khác nhau, trên lĩnh vực cá nhân, gia đình, cộng đồng, xã hội và thế giới.

Lý thuyết môi trường sinh thái này có ảnh hưởng rất nhiều đến các phương thức thực hành như: tư vấn, xử lý ca, tư vấn gia đình, tư vấn nhóm, tư vấn cộng đồng và thiết kế nhóm.

Quan điểm sinh thái là một trong hai hình thức của lý thuyết hệ thống ứng dụng trong công tác xã hội. Tiếp cận theo hệ sinh thái có nguồn gốc từ quan niệm của Lewinian (1936) cho rằng: Hành vi là một hoạt động của con người có sự tương tác với môi trường của họ.

Quan điểm sinh thái nhìn nhận hành vi và sự phát triển của mỗi cá nhân, trong bối cảnh của một chuỗi hệ thống các mối quan hệ tạo lên môi trường sinh thái của môi trường ấy. Quan điểm này, chỉ ra các lớp cắt của môi trường sinh thái, bao gồm ba cấp độ: Vi mô, trung mô và vĩ mô. Sự thay đổi, hoặc xung đột trong bất kỳ lớp cắt nào, cũng có thể gây ảnh hưởng đến các lớp khác. Từ lập luận về sự tương tác này, quan điểm sinh thái nhấn mạnh rằng, hành vi và sự phát triển của con người là hệ quả của một chuỗi các tương tác giữa các lớp cắt của môi trường. Vì thế, để tìm hiểu hành vi và sự

phát triển của một cá nhân, không thể chỉ đổ lỗi cho bản thân cá nhân đó mà còn cần xem xét sự tác động từ phía môi trường.

Môi trường bao gồm 3 cấp độ:

Cấp độ vi mô, là các quan hệ trực tiếp của từng cá nhân, hay nói cách khác, nó chính là cuộc sống của cá nhân mỗi con người. Ví dụ, gia đình là nơi cá nhân sinh ra và lớn lên có ảnh hưởng trực tiếp; lớp học là nơi cá nhân tham gia hàng ngày để thu thập kiến thức, kỹ năng; cơ quan là nơi cá nhân cống hiến sức lao động và sự sáng tạo để khẳng định mình,...

Cấp độ trung mô bao gồm hai loại: Cấp trung mô nội sinh và cấp trung mô ngoại sinh. Cấp trung mô nội sinh là sự tương tác giữa hai hệ thống ở cấp vi mô và có ảnh hưởng trực tiếp lên đối tượng. Ví dụ, mối liên lạc giữa gia đình và nhà trường, gây nên sự ảnh hưởng trực tiếp tới sinh viên. Cấp trung mô ngoại sinh là môi trường mà đối tượng không nằm trong đó, tuy nhiên môi trường này có ảnh hưởng đến họ. Ví dụ nơi làm việc của người cha. Mặc dù con của anh ta không có vai trò ở cơ quan, thậm chí chưa bao giờ tới nơi này. Song những sự kiện xảy ra tại nơi làm việc của người cha có thể ảnh hưởng đến đứa trẻ. Ví dụ, nếu cha bị sa thải, hoặc tăng lương, hoặc có xô xát với đồng nghiệp, tất cả điều đó sẽ ảnh hưởng đến thái độ của anh ta với con mình khi anh ta trở về nhà.

Cấp độ vĩ mô: Là những yếu tố là bản chất hay quy định của xã hội, cộng đồng có ảnh hưởng đến cá nhân nằm trong đó. Nói cách khác, tổng thể đó được xem xét trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị và văn hóa tác động tới cuộc sống các thành viên.

Tác giả vận dụng lý thuyết sinh thái vào đề tài nghiên cứu nhằm mục đích làm tốt vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người khuyết tật học nghề. Để làm tốt vai trò hỗ trợ NKT học nghề thì nhân viên công tác xã hội

cần hiểu các mối quan hệ xung quanh - người mà có khả năng hỗ trợ NKT. Có như vậy, việc hỗ trợ NKT học nghề mới đạt hiệu quả cao.

1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người khuyết tật học nghề

1.4.1. Yếu tố chủ quan

Theo đánh giá, quan sát của bản thân tác giả thì những yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến vai trò của CTXH trong hỗ trợ NKT học nghề đó là:

- Thái độ nhiệt tình của nhân viên công tác xã hội (NVCTXH). Yếu tố ảnh hưởng đến vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người khuyết tật học nghề chính là thái độ nhiệt tình của nhân viên CTXH. Khi nhân viên CTXH nhiệt tình, năng động trong việc tư vấn việc làm, giới thiệu việc làm sau khi học xong thì việc hỗ trợ người khuyết tật học nghề đạt hiệu quả cao.

- Kỹ năng, chuyên môn của đội ngũ nhân viên CTXH. Kỹ năng chuyên môn của nhân viên công tác xã hội cũng là một yếu tố quan trọng trong việc hỗ trợ người khuyết tật học nghề. Người khuyết tật có kỹ năng, có chuyên môn thì họ sẽ trợ giúp người khuyết tật tốt hơn trong quá trình tư vấn nghề, tư vấn tâm lý khi họ cảm thấy khó khăn, tuyệt vọng trong cuộc sống.

- Kinh nghiệm của nhân viên CTXH. Nhân viên CTXH có kinh nghiệm trong lĩnh vực hỗ trợ NKT học nghề sẽ giúp cho quá trình trợ giúp đạt kết quả cao.

1.4.2. Yếu tố khách quan

1.4.2.1. Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với phát triển nghề công tác xã hội

Trong những năm gần đây Đảng và Nhà nước đã có nhiều chính sách đãi ngộ và quan tâm tới nghề công tác xã hội. Ở nước ta, trong những năm gần đây, thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước và được sự quan tâm của các cấp, các ngành và toàn xã hội, công tác xã hội đã và đang phát triển, công

tác xã hội đã có mã ngành mã nghề, có quy định chức danh nghề nghiệp, có hệ số và phụ cấp lương cụ thể.

Hàng năm ngân sách nhà nước đã giành số tiền lớn để mở rộng mạng lưới công tác xã hội. Tăng cường đầu tư trang thiết bị, cơ sở hạ tầng, hỗ trợ cho ngành công tác xã hội phát triển.

Tuy nhiên, những chính sách của Đảng và Nhà nước chưa tập trung hỗ trợ nhân viên công tác xã hội trong việc trợ giúp nhóm đối tượng yếu thế. Vì vậy, vai trò của nhân viên công tác xã hội chưa phát huy được hết khả năng trong việc hỗ trợ nhóm đối tượng nào đó.

1.4.2.2. Sự quan tâm của lãnh đạo trung tâm

Ngành công tác xã hội là một ngành mới ở Việt Nam nói chung và ở Bắc Ninh nói riêng. Ở Bắc Ninh, phòng công tác xã hội được thành lập trong trung tâm nuôi dưỡng người có công và bảo trợ xã hội. Phòng công tác xã hội được thành lập vào tháng 2 năm 2015. Tính đến nay, phòng được thành lập hơn 2 năm mà chưa có nguồn kinh phí hoạt động. Tuy nhiên, lãnh đạo trung tâm đã đặc biệt quan tâm và tạo mọi điều kiện cho phòng hoạt động một cách tốt nhất. Chính vì vậy, dù không có nguồn kinh phí của nhà nước nhưng phòng đã hoạt động được một số chức năng, nhiệm vụ nhằm đem lại lợi ích cho xã hội.

1.4.2.3. Sự hợp tác của các đồng nghiệp

Muốn thực hiện tốt vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người khuyết tật học nghề thì cần có sự hợp tác, tương trợ lẫn nhau giữa các đồng nghiệp trong phòng công tác xã hội. Trong việc thực hiện nhiệm vụ, vai trò, có quy trình làm việc cụ thể và mỗi người đảm nhiệm một khâu. Vì vậy, cần phải có sự phối hợp cao giữa các đồng nghiệp trong phòng thì tiến trình trợ giúp mới đạt kết quả cao.

1.4.2.4. Cơ sở vật chất, kỹ thuật

Trong bối cảnh phát triển hiện nay, đòi hỏi các cơ sở làm lĩnh vực công tác xã hội phải đảm bảo những yếu tố cơ bản như phòng bảo vệ khẩn cấp, phòng hỗ trợ, phòng tham vấn, trang thiết bị, hệ thống sinh hoạt,... Mỗi cơ sở vật chất cần có những yêu cầu, tiêu chuẩn kỹ thuật nhất định để đáp ứng nhu cầu của đối tượng. Một cơ sở công tác xã hội tốt sẽ giúp nhân viên công tác xã hội thực hiện vai trò của mình nói chung và vai trò hỗ trợ người khuyết tật học nghề nói riêng một cách có hiệu quả.

1.4.2.5. Gia đình, cộng đồng

Yếu tố gia đình là một trong những yếu tố tác động mạnh tới việc nhân viên công tác xã hội thực hiện vai trò công tác xã hội nói chung và vai trò hỗ trợ người khuyết tật học nghề nói riêng. Nhân viên công tác xã hội được gia đình hậu thuẫn, ủng hộ thời gian, hỗ trợ công việc nhà thì nhân viên công tác xã hội sẽ thực hiện tốt vai trò của mình. Ngược lại, nhân viên công tác xã hội sẽ không thực hiện tốt được vai trò của mình nếu gia đình không ủng hộ và còn bộn bề công việc gia đình.

Cộng đồng có nhìn nhận đúng đắn về nghề công tác xã hội (CTXH), có sự hợp tác với nhân viên CTXH thì nhân viên CTXH sẽ thực hiện tốt vai trò của mình. Ngược lại, nếu cộng đồng không ủng hộ nhân viên CTXH thì nhân viên CTXH khó mà thực hiện tốt vai trò của mình.

1.4.2.6. Bản thân người khuyết tật - người học nghề

Nhân viên công tác xã hội muốn thực hiện tốt vai trò hỗ trợ người khuyết tật học nghề thì cần có sự hợp tác, ủng hộ của chính người khuyết tật - người học nghề

Nếu người học nghề muốn có kiến thức, ham học hỏi, chịu khó học tập thì nhân viên công tác xã hội sẽ phát huy tốt được vai trò của mình.

Ngược lại, nếu bản thân người học nghề không có hứng thú trong việc học nghề, họ sẽ không tương tác với các hoạt động hỗ trợ mà nhân viên công

tác xã hội đưa ra. Như vậy, việc hỗ trợ của nhân viên công tác xã hội sẽ không thể đạt được kết quả cao.

1.5. Cơ sở pháp lý về hoạt động học nghề đối với người khuyết tật

Vấn đề học nghề đối với người khuyết tật đã được Nhà nước Việt Nam quan tâm và chỉ đạo tổ chức thực hiện. Bộ Luật Lao động ban hành năm 2012 đã dành một mục riêng với 3 điều quy định lao động là Người khuyết tật. Luật Người khuyết tật ban hành năm 2010 đã dành riêng 1 chương, với 4 điều quy định dạy nghề và việc làm. Luật Việc làm ban hành năm 2013 đã quy định về chính sách hỗ trợ người sử dụng lao động là người khuyết tật. Luật Giáo dục nghề nghiệp ban hành năm 2014 cũng quy định về chính sách đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với người khuyết tật, người khuyết tật tham gia học nghề được miễn giảm học phí,... với mục tiêu giúp họ có năng lực thực hành nghề phù hợp với khả năng lao động của mình, để tự tạo việc làm, hoặc tìm được việc làm, ổn định đời sống và hòa nhập cộng đồng.

Chính sách của Nhà nước đối với lao động khuyết tật, Điều 176, Bộ Luật Lao động quy định:

- Nhà nước bảo trợ quyền lao động, tự tạo việc làm của lao động là người khuyết tật, có chính sách khuyến khích và ưu đãi người sử dụng lao động tạo việc làm và nhận lao động là người khuyết tật vào làm việc, theo quy định của Luật Người khuyết tật.
- Chính phủ quy định chính sách cho vay vốn ưu đãi từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người sử dụng lao động sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật.

Việc sử dụng lao động là người khuyết tật, Điều 177, Bộ Luật Lao động quy định:

- Người sử dụng lao động phải bảo đảm về điều kiện lao động, công cụ lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động phù hợp với lao động là người khuyết tật và thường xuyên chăm sóc sức khỏe của họ.

- Người sử dụng lao động phải tham khảo ý kiến lao động là người khuyết tật khi quyết định những vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích của họ. Các hành vi bị cấm khi sử dụng lao động là người khuyết tật, Điều 178 Bộ Luật Lao động quy định:

- Sử dụng lao động là người khuyết tật suy giảm khả năng lao động từ 51% trở lên làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm.

- Sử dụng lao động là người khuyết tật làm những công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với các chất độc theo danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và xã hội chủ trì phối hợp với Bộ Y tế ban hành.

Chính sách của Nhà nước về người khuyết tật, Điều 5 chương 1, Luật người khuyết tật quy định:

- Hàng năm, Nhà nước bố trí ngân sách để thực hiện chính sách về người khuyết tật.

- Bảo trợ xã hội, trợ giúp người khuyết tật trong chăm sóc sức khỏe, giáo dục, dạy nghề, việc làm, văn hóa, thể thao, giải trí, tiếp cận công trình công cộng và công nghệ thông tin, tham gia giao thông; ưu tiên thực hiện chính sách bảo trợ xã hội và hỗ trợ người khuyết tật là trẻ em, người cao tuổi.

- Lồng ghép chính sách về người khuyết tật trong chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

- Tạo điều kiện để người khuyết tật được chỉnh hình, phục hồi chức năng; khắc phục khó khăn, sống độc lập và hòa nhập cộng đồng.

- Đào tạo, bồi dưỡng người làm công tác tư vấn, chăm sóc người khuyết tật.

- Khuyến khích hoạt động trợ giúp người khuyết tật.

Chính sách dạy nghề và việc làm đối với người khuyết tật được quy định trong Chương 5 Luật người khuyết tật:

Điều 32. Dạy nghề đối với người khuyết tật

1. Nhà nước bảo đảm để người khuyết tật được tư vấn học nghề miễn phí, lựa chọn và học nghề theo khả năng, năng lực bình đẳng như những người khác.

2. Cơ sở dạy nghề có trách nhiệm cấp văn bằng, chứng chỉ, công nhận nghề đào tạo khi người khuyết tật học hết chương trình đào tạo và đủ điều kiện theo quy định của thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về dạy nghề.

3. Cơ sở dạy nghề tổ chức dạy nghề cho người khuyết tật phải bảo đảm điều kiện dạy nghề cho người khuyết tật và được hưởng chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật.

4. Người khuyết tật học nghề, giáo viên dạy nghề cho người khuyết tật được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Việc làm đối với người khuyết tật

1. Nhà nước tạo điều kiện để người khuyết tật phục hồi chức năng lao động, được tư vấn việc làm miễn phí, có việc làm và làm việc phù hợp với sức khỏe và đặc điểm của người khuyết tật.

2. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân không được từ chối tuyển dụng người khuyết tật có đủ tiêu chuẩn tuyển dụng vào làm việc hoặc đặt ra tiêu chuẩn tuyển dụng trái quy định của pháp luật nhằm hạn chế cơ hội làm việc của người khuyết tật.

3. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân sử dụng lao động là người khuyết tật tùy theo điều kiện cụ thể bố trí sắp xếp công việc, bảo đảm điều kiện và môi trường làm việc phù hợp cho người khuyết tật.

4. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân sử dụng lao động là người khuyết tật phải thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật về lao động đối với lao động là người khuyết tật.

5. Tổ chức giới thiệu việc làm có trách nhiệm tư vấn học nghề, tư vấn và giới thiệu việc làm cho người khuyết tật.

6. Người khuyết tật tự tạo việc làm hoặc hộ gia đình tạo việc làm cho người khuyết tật được vay vốn với lãi suất ưu đãi để sản xuất kinh doanh, được hướng dẫn về sản xuất, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm theo quy định của Chính phủ.

Điều 35. Chính sách nhận người khuyết tật vào làm việc

1. Nhà nước khuyến khích cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp nhận người khuyết tật vào làm việc. Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật được hưởng chính sách ưu đãi theo quy định tại Điều 34 của Luật này.

2. Chính phủ quy định chi tiết chính sách khuyến khích cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp nhận người khuyết tật vào làm việc quy định tại khoản 1 Điều này.

Tiểu kết chương 1

Chương 1 thảo tác hóa hệ thống lý luận liên quan đến NKT, học nghề của người khuyết tật, vai trò của CTXH trong hỗ trợ NKT học nghề.

Bốn vai trò của Công tác xã hội được xác định có ý nghĩa quan trọng trong việc hỗ trợ người khuyết tật học nghề:

Vai trò nâng cao nhận thức cho người khuyết tật về chương trình học nghề. Nâng cao nhận thức về năng lực và đóng góp của NKT trong hoạt động học nghề. Chỉ khi NKT hiểu rõ được quyền lợi, nghĩa vụ, khả năng của bản thân, họ mới có thể thuyết phục người khác tôn trọng, nhìn nhận năng lực của mình.

Vai trò tư vấn chương trình học nghề. Nhân viên CTXH tham gia cung cấp cho Người khuyết tật học nghề tại Trung tâm những thông tin về các nghề đang được đào tạo trong Trung tâm, thông tin cơ bản từng nghề, định hướng nghề phù hợp với khả năng của mỗi người khuyết tật để người khuyết tật có hướng chọn nghề đúng đắn.

Vai trò tổ chức các chương trình vui chơi giải trí ngoài giờ học. Phòng công tác xã hội phối hợp với các phòng chuyên môn trong trung tâm tổ chức các trò chơi, chương trình thư giãn giành cho NKT sau những giờ học nghề.

Vai trò kết nối việc làm cho Người khuyết tật sau khi họ hoàn thành chương trình học nghề. Nhân viên CTXH là người có được những thông tin về các dịch vụ, chính sách về việc làm và giới thiệu cho NKT các chính sách, dịch vụ việc làm từ các cá nhân, cơ quan tổ chức để họ có việc làm, có thu nhập nuôi sống bản thân.

Cần tìm hiểu các yếu tố chủ quan và khách quan ảnh hưởng đến vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người khuyết tật học nghề. Từ đó khắc phục những yếu tố ảnh hưởng để việc thực hiện vai trò hỗ trợ người khuyết tật được nâng cao.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG VAI TRÒ CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ NGƯỜI KHUYẾT TẬT HỌC NGHỀ TẠI TRUNG TÂM NUÔI DƯỠNG NGƯỜI CÓ CÔNG VÀ BẢO TRỢ XÃ HỘI TỈNH BẮC NINH

2.1. Đặc điểm địa bàn nghiên cứu

2.1.1. Giới thiệu về Trung tâm nuôi dưỡng người có công và bảo trợ xã hội tỉnh Bắc Ninh

Trung tâm Nuôi dưỡng người có công và Bảo trợ xã hội, trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bắc Ninh. Trung tâm được thành lập trên cơ sở tổ chức bộ máy hiện có của Trung tâm Nuôi dạy trẻ mồ côi và tàn tật tỉnh Bắc Ninh. Trung tâm là đơn vị sự nghiệp, có tư cách pháp nhân, được sử dụng con dấu và mở tài khoản riêng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Tính đến nay, Trung tâm đã 6 lần thay đổi tên gọi, 2 lần chuyển đổi trụ sở, nhưng trong suốt thời gian qua, ở từng giai đoạn phát triển, những nhiệm vụ đặc thù của Trung tâm vẫn luôn được các thế hệ cán bộ, giáo viên, người lao động và học sinh nơi đây ngày đêm tâm niệm: Đó là vượt qua mọi khó khăn, chăm lo, giáo dục, bồi dưỡng một cách toàn diện cả về vật chất lẫn tinh thần cho con em liệt sỹ, trẻ khuyết tật, trẻ mồ côi không nơi nương tựa; Chú trọng đào tạo giáo dục các cháu trở thành những công dân có ích cho xã hội.

Từ năm 1977 đến năm 1987: Là giai đoạn hình thành, xây dựng và tìm tòi mô hình vừa chăm sóc vừa đẩy mạnh công tác giáo dục, đặc biệt là giáo dục phổ thông, để giúp các cháu là con liệt sỹ, không nơi nương tựa có điều kiện học tập tốt nhất. Ngay năm học đầu tiên, Trại đã đón 99 học sinh cấp II

của 16 huyện, thị trong tỉnh. Từ năm 1978 trở đi, Trại bắt đầu tiếp nhận các cháu là học sinh cấp III thuộc đối tượng con liệt sỹ không nơi nương tựa. Năm 1983, Trại được chuyển về thôn Niềm Xá thuộc xã Kinh Bắc (Trường công nhân thủy lợi cũ). Sau đó, Trại nuôi dạy con liệt sỹ đã nhanh chóng phát triển và đổi tên thành Trường nuôi dạy con liệt sỹ Hoàng Đăng Miện, rồi thành trường PTTH Hoàng Đăng Miện Hà Bắc. Đã có thời điểm học sinh toàn trường lên tới 203 em học sinh, với đội ngũ giáo viên là 25 thầy, cô. Đặc biệt, trong mấy năm tiếp theo, nhà trường đã đón 576 em học sinh vào học và đã tốt nghiệp 289 em, trong đó có 200 em đỗ vào đại học và trung học chuyên nghiệp, 120 em đi lao động hợp tác quốc tế,...

Từ năm 1987 đến năm 1997: Tháng 6 năm 1991, trường PTTH Hoàng Đăng Miện đổi tên thành Trung tâm nuôi dạy trẻ mồ côi và tàn tật Hà Bắc. Tháng 11 năm 1992, nhà trường mở lớp khai giảng đầu tiên cho 19 cháu câm điếc của tỉnh, sau đó lên đến 50 cháu. Từ năm 1992 đến năm 1996, bình quân mỗi năm có 50 cháu câm điếc được nhà trường đón nhận và nuôi dưỡng chu đáo.

Từ năm 1997 đến nay: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã chỉ đạo sát sao về phát triển kinh tế - xã hội, trong đó nhấn mạnh đến vai trò của các chính sách xã hội ở địa phương. Do vậy, Trung tâm nuôi dưỡng trẻ mồ côi và tàn tật tỉnh Bắc Ninh được chính thức đổi tên thành Trung tâm Nuôi dưỡng NCC&BTXH tỉnh Bắc Ninh từ ngày 08/7/2003. Trong thời gian này, Trung tâm đã nỗ lực không ngừng để hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Do điều kiện vật chất của Trung tâm chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế của nhiệm vụ, nên trước mắt nhiệm vụ điều dưỡng, nuôi dưỡng chăm sóc Người có công chưa được thực hiện. Vì vậy, đối tượng chủ yếu của Trung tâm mấy năm qua là tập trung nuôi dưỡng các cháu bị bỏ rơi, các cháu khuyết tật, khiếm thính, thiếu năng trí tuệ. Trung tâm không những chăm sóc, nuôi

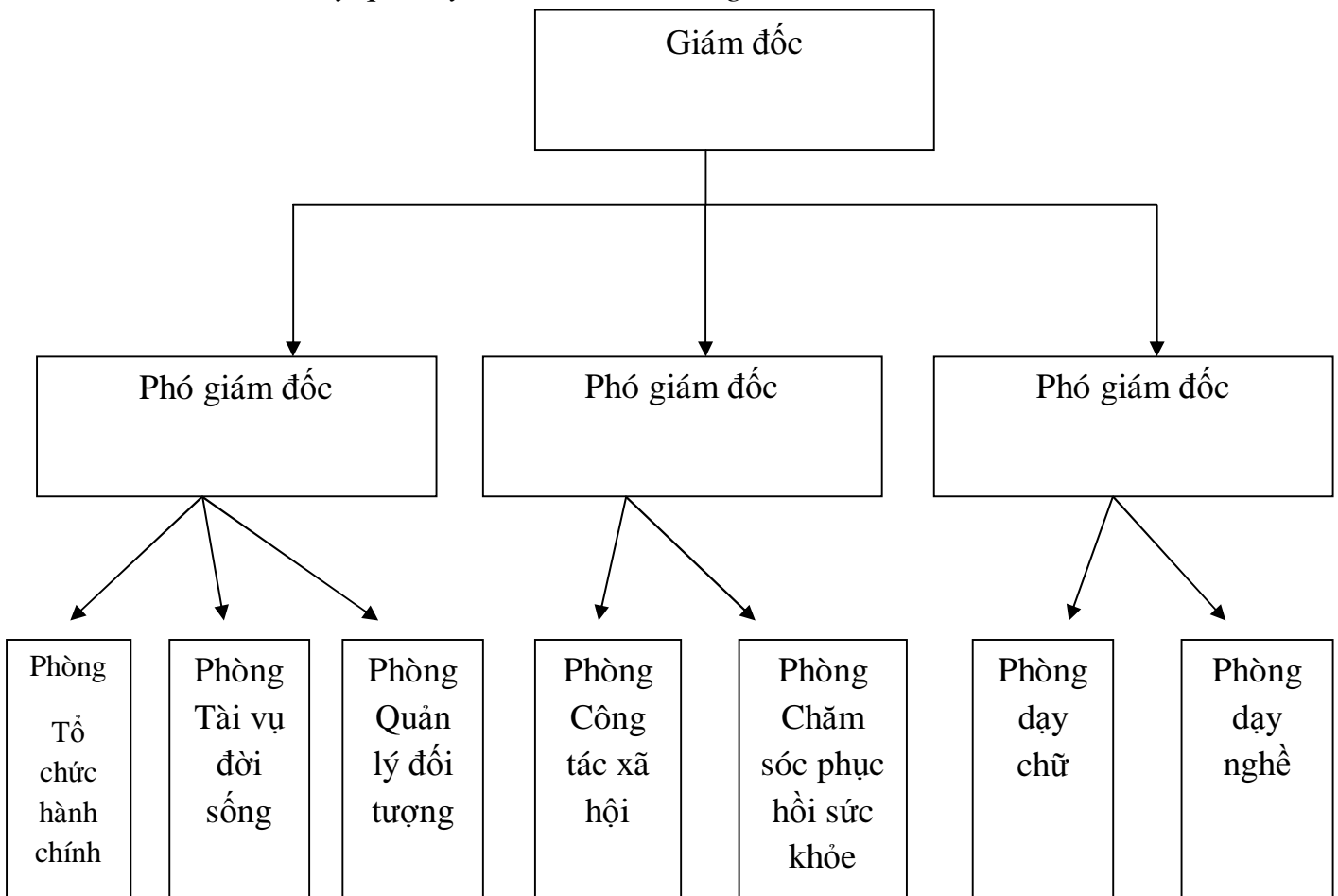
dưỡng mà còn thực hiện việc dạy chữ, dạy nghề cho các cháu, để các cháu sau này có điều kiện hòa nhập vào đời sống cộng đồng và có thể tự nuôi sống bản thân mình bằng chính tay nghề, kiến thức đã được cán bộ, giáo viên Trung tâm đào tạo.

Trụ sở của Trung tâm: Số 124 Đường Lê Phụng Hiểu - Phường Vệ An - Thành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh.

Loại hình doanh nghiệp: Trung tâm

Địa chỉ: Số 124 Lê Phụng Hiểu - Phường Vệ An - Thành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh.

Bộ máy quản lý, tổ chức của Trung tâm:



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy quản lý, tổ chức của Trung tâm

Chức năng, nhiệm vụ của các phòng liên quan đến nghiên cứu:

- Phòng Dạy nghề

Dạy nghề cho học sinh khuyết tật theo chương trình đã được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bắc Ninh phê duyệt.

Hướng nghiệp dạy nghề (Với các nghề gần thực tiễn sản xuất của địa phương và tương lai phát triển giai đoạn tới) để khi cho các cháu tái hoà nhập có thể tham gia làm việc có thu nhập.

Tham mưu đề xuất với Giám đốc về việc bổ sung sửa đổi giáo trình giảng dạy cho phù hợp từng giai đoạn của Trung tâm và phù hợp khả năng nhận thức của học sinh.

Tham mưu đề xuất với Giám đốc về công tác tuyển sinh, phối hợp với phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Dạy chữ trong công tác tuyển sinh.

- Phòng Quản lý đối tượng

Chịu trách nhiệm quản lý học sinh 24/24 giờ.

Tổ chức các hoạt động tập thể: Văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, lao động,... tùy theo khả năng nhận thức và sức khỏe của học sinh.

Tham mưu với Giám đốc về công tác tuyển sinh, phối hợp với phòng Tổ chức - Hành chính, phòng Dạy chữ, phòng Dạy nghề trong công tác tuyển sinh.

Quản lý hồ sơ học sinh khuyết tật (Bao gồm hồ sơ lưu)

- Phòng Công tác xã hội

+ Cung cấp các dịch vụ khẩn cấp:

+ Tham vấn, trị liệu rối nhiễu tâm trí, khủng hoảng tâm lý và phục hồi thể chất cho đối tượng.

+ Tư vấn và trợ giúp đối tượng thụ hưởng các chính sách trợ giúp xã hội phối hợp với các cơ quan, tổ chức phù hợp khác để bảo vệ, trợ giúp đối tượng tìm kiếm, sắp xếp các hình thức chăm sóc.

+ Xây dựng kế hoạch can thiệp và trợ giúp đối tượng; giám sát và rà soát lại các hoạt động can thiệp, trợ giúp và điều chỉnh kế hoạch.

+ Thực hiện các biện pháp phòng ngừa đối tượng rơi vào hoàn cảnh khó khăn và bị xâm hại, bạo lực, ngược đãi.

+ Hỗ trợ đối tượng hòa nhập cộng đồng.

+ Quản lý đối tượng được cung cấp dịch vụ công tác xã hội.

+ Cung cấp các dịch vụ về giáo dục xã hội và nâng cao năng lực:

+ Tổ chức đào tạo, tập huấn về công tác xã hội cho đội ngũ nhân viên, cộng tác viên công tác xã hội.

+ Tổ chức các khóa tập huấn, hội thảo cung cấp kiến thức, kỹ năng cho các nhóm đối tượng có nhu cầu;

+ Phát triển cộng đồng

+ Trợ giúp đối tượng lang thang, cơ nhỡ (Công tác thu gom, quét vệt đối tượng lang thang cơ nhỡ).

+ Tổ chức các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức.

+ Được thực hiện các hoạt động dịch vụ có thu theo quy định của pháp luật.

Các ngành nghề đào tạo của Trung tâm

Theo xu thế phát triển của thị trường và sự liên kết với các cơ sở sản xuất kinh doanh trong toàn tỉnh. Trung tâm hàng năm nghiên cứu mở các lớp học nghề phù hợp với tình hình kinh tế và nhu cầu của địa phương. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh tùy theo đối tượng khuyết tật khác nhau mà trung tâm có sự định hướng và bố trí nghề nghiệp khác nhau. Theo đăng ký ngành nghề đào tạo với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Bắc Ninh thì Trung tâm thực hiện đào tạo các nhóm nghề sau:

* / Ngành nghề:

+ Nghề may công nghiệp.

- + Nghề thêu tranh nghệ thuật.
- + Nghề làm hoa lụa.
- + Nghề mây tre đan.
- + Nghề tin học.

*/ Loại hình đào tạo: chương trình 5 năm và 7 năm.

Trong thực tế lịch sử phát triển thì tất cả những nhóm ngành nghề này đều đã được Trung tâm giảng dạy và đào tạo. Tuy nhiên, trong những năm gần đây thì Trung tâm chú trọng nhiều vào nghề may công nghiệp.

2.1.2. Đặc điểm về người khuyết tật trong trung tâm

Trước khi trình bày chi tiết về khách thể nghiên cứu, tác giả thu thập số liệu tổng quát về người khuyết tật đang được học tập tại Trung tâm. Ba nội dung thông tin thu thập được từ Báo cáo triển khai nhiệm vụ công tác năm 2017 (tháng 1 năm 2017) về người khuyết tật đó là: Độ tuổi, giới tính và dạng khuyết tật.

Bảng 2.1: Thông tin chung về người khuyết tật tại Trung tâm

Stt	Tiêu chí		Số lượng	Tỷ lệ (%)
1.	Độ tuổi	8 - 13	66	38,8
		14 - 18	104	61,2
2.	Giới tính	Nam	94	55,3
		Nữ	76	44,7
3.	Dạng khuyết tật	Khuyết tật vận động	40	23,5
		Khuyết tật nghe, nói	90	53
		Khuyết tật trí tuệ	30	17,7
		Khuyết tật nhìn	0	0
		Khuyết tật khác:...	10	5,8

(Nguồn: Báo cáo triển khai nhiệm vụ công tác năm 2017, tháng 1 năm 2017)

Kết quả Bảng 2.1 cho thấy đa số người khuyết tật hiện ở Trung tâm trong độ tuổi từ 14-18 tuổi, dạng khuyết tật chủ yếu là khuyết tật nghe, nói và đa số đều cảm thấy sức khỏe bình thường.

Có nhiều cách để phân chia độ tuổi từ 8-18 tuổi nhưng tác giả đưa ra cách phân chia theo 2 giai đoạn 8-13 tuổi và từ 14-18 tuổi là vì tuổi quy định được đào tạo nghề là đủ 14 tuổi trở lên.

Theo báo cáo triển khai nhiệm vụ công tác năm 2017, tháng 1 năm 2017: trong số 170 người khuyết tật có tới 104 người khuyết tật trong độ tuổi từ 14-18 tuổi, chiếm 61,2%. 66 người khuyết tật trong độ tuổi từ 8-13 tuổi, chiếm 38,8%.

Về giới tính, tỷ lệ người khuyết tật là nam cao hơn hẳn so với nữ, người khuyết tật là nam chiếm tới 55,3% còn nữ chỉ chiếm 44,7%.

Về dạng khuyết tật, số lượng người khuyết tật nghe, nói chiếm hơn nửa so với các dạng còn lại, chiếm 53% trong khi tỷ lệ các dạng khuyết tật khác cộng lại mới có 47%. Người khuyết tật nghe, nói chiếm số lượng cao nhất và đó cũng là lý do vì sao người khuyết tật ở trung tâm lại có thể chăm sóc bản thân tốt, học chữ học nghề giỏi vì các em có trí tuệ bình thường, có trẻ còn có những khả năng thiên bẩm mà người bình thường không có.

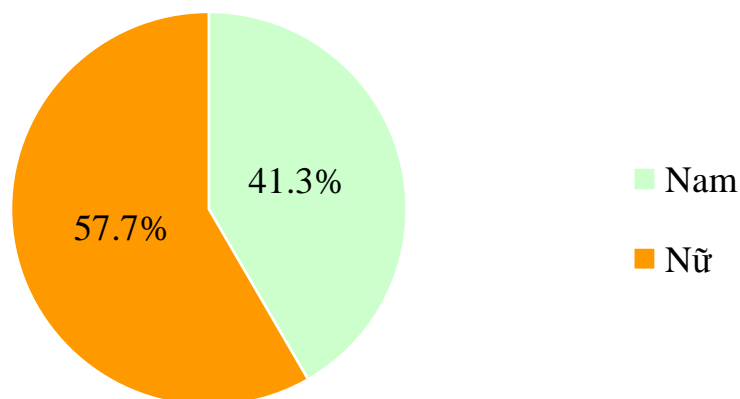
2.2. Thông tin về khách thể nghiên cứu

Nghiên cứu thực hiện khảo sát với nhóm người khuyết tật trong độ tuổi 14-18 tuổi đang được chăm sóc, học tập tại trung tâm. Số lượng phiếu phát ra là 104, số liệu phiếu thu về và làm sạch là 104. Tất cả khách thể nghiên cứu đều đang tham gia học nghề tại trung tâm và học ở cả 5 nghề mà trung tâm đang đào tạo.

2.2.1. Giới tính của khách thể nghiên cứu

Theo thông tin thu được từ biểu đồ 2.1 dưới đây có sự chênh lệch giới tính giữa giới tính nam và nữ, số người khuyết tật là nữ tham gia nghiên cứu nhiều hơn số người khuyết tật là nam (tỷ lệ là 58,7% và 41,3%).

Đơn vị: %



(Nguồn: Kết quả điều tra, 2017)

Biểu đồ 2.1: Giới tính của khách thể nghiên cứu**2.2.2. Dạng khuyết tật của khách thể nghiên cứu**

Theo Điều 3 Chương I - Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH12: Dạng tật bao gồm: Khuyết tật vận động; khuyết tật nghe, nói; khuyết tật nhìn; khuyết tật trí tuệ và khuyết tật khác nhưng trong tổng số khách thể nghiên cứu, không có người tham gia nghiên cứu nào thuộc dạng khuyết tật nhìn (Bảng 2.2).

Bảng 2.2: Thông tin về dạng khuyết tật của nhóm khách thể nghiên cứu

Đơn vị: %

Tiêu chí		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Dạng khuyết tật	Khuyết tật vận động	25	24
	Khuyết tật nghe, nói	64	61,6
	Khuyết tật trí tuệ	12	11,5
	Khuyết tật nhìn	0	0
	Khuyết tật khác:...	3	2,9

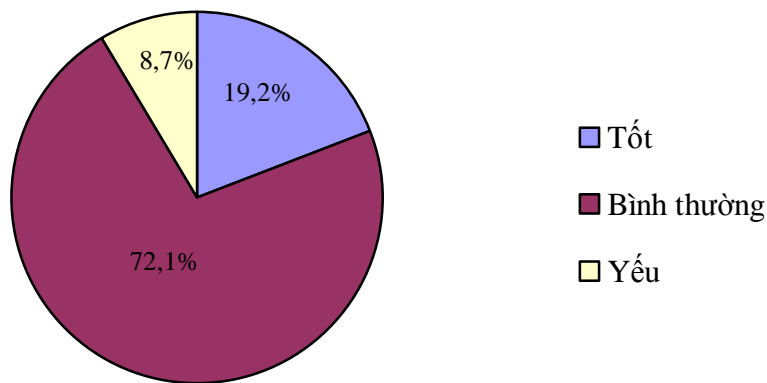
(Nguồn: Kết quả điều tra, 2017)

Kết quả khảo sát ở nội dung này cho thấy có sự khác biệt giữa dạng khuyết tật nghe, nói với các dạng khuyết tật khác. Dạng khuyết tật nghe, nói (61,6%) chiếm tới hơn nửa tỷ lệ của các dạng khuyết tật khác cộng lại.

Dạng khuyết tật nghe, nói chỉ ảnh hưởng đến chức năng nghe và nói. Mọi suy nghĩ và hoạt động chân tay bình thường nên phù hợp với nghề mang tính khéo léo như may vá, thêu thùa, làm việc trên máy tính,...

2.2.3. Đánh giá về tình trạng sức khỏe của khách thể nghiên cứu

Biểu đồ trên thể hiện kết quả đánh giá về sức khỏe của nhóm khách thể nghiên cứu, đa số người khuyết tật (chiếm tới hơn 2/3 tương đương 72,1%) cho rằng mình có sức khỏe bình thường, đó là cảm thấy trong người bình thường, ăn uống vừa đủ, ngủ đủ giấc.



(Nguồn: Kết quả điều tra, 2017)

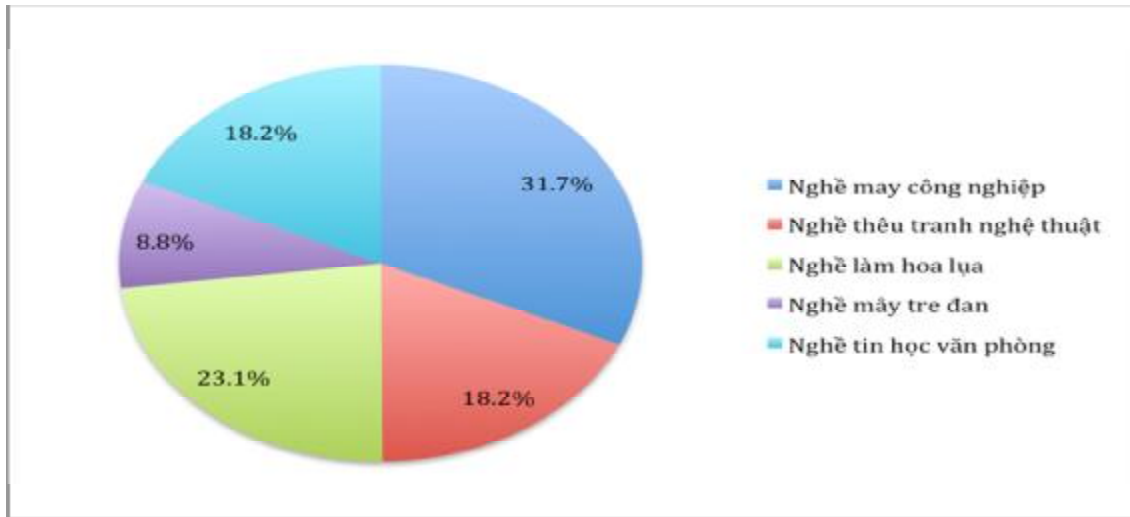
Biểu đồ 2.2: Tình trạng sức khỏe của khách thể nghiên cứu

2.3. Thực trạng người khuyết tật học nghề tại Trung tâm

2.3.1. Thực trạng việc học nghề của khách thể nghiên cứu

Khách thể tham gia nghiên cứu nằm rải rác ở cả 5 nghề đang được đào tạo trong trung tâm. Cụ thể được mô tả trong biểu đồ 2.3 dưới đây.

Đơn vị: %



(Nguồn: Kết quả điều tra, 2017)

Biểu đồ 2.3: Loại hình nghề nghiệp NKT theo học tại Trung tâm

Xét tổng thể Biểu đồ trên cho thấy có năm loại hình nghề nghiệp đang được đào tạo trong trung tâm nhưng nghề đang được đào tạo nhiều nhất và chú trọng quan tâm nhất đó là nghề may công nghiệp, chiếm tỷ lệ 31,7% và nghề được đào tạo ít nhất trong tổng số khách thể được nghiên cứu là nghề mây tre đan, chiếm tỷ lệ 8,8%.

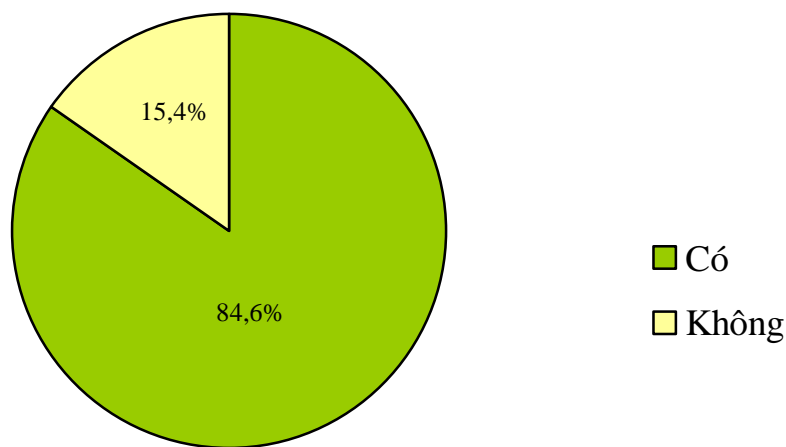
Nghề may công nghiệp đòi hỏi kỹ năng khéo léo, sự kiên trì bền bỉ mà khách thể nghiên cứu đa số là khuyết tật nghe, nói nên rất phù hợp với nghề may công nghiệp. Mặt khác nghề may công nghiệp cũng là nghề phổ biến, nghề dễ kiếm tiền và dễ kết nối việc làm. Chính vì vậy, người khuyết tật trong trung tâm được hướng đào tạo nghề may công nghiệp để phù hợp với những điều kiện trên.

Đáng chú ý, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy nghề mây tre đan là nghề được đào tạo ít nhất. Lý do người khuyết tật tham gia học nghề mây tre đan với số lượng ít nhất là do nghề mây tre đan sẽ thích hợp hơn đối với người khuyết tật về nhìn và trung tâm thì không có người khuyết tật về nhìn nên hầu

hết học viên được xếp vào lớp mây tre đan là những học viên tiếp thu chậm, không theo kịp các bạn đang học những nghề khác. Hơn nữa, nghề mây tre đan cũng là nghề khó kết nối việc làm và tại Bắc Ninh thì chỉ có duy nhất một cơ sở dạy nghề và tạo việc làm mây tre đan ở tuyến Huyện cho người khuyết tật, thu nhập từ công việc này thấp, tốn thời gian hoàn thành sản phẩm. Chính vì vậy nghề mây tre đan được đào tạo với số lượng người khuyết tật ít nhất trong tổng số năm nghề đang được đào tạo trong trung tâm.

2.3.2. Đánh giá của học viên về sự phù hợp của nghề đang theo học

Biểu đồ 2.4 cho thấy trong số 104 khách thể tham gia nghiên cứu, có tới 84,6% người khuyết tật cảm thấy nghề mà họ đang học phù hợp với khả năng của bản thân họ và chỉ có 15,4% người khuyết tật cảm thấy nghề họ đang học không phù hợp với khả năng của họ.



(Nguồn: Kết quả điều tra, 2017)

Biểu đồ 2.4: Đánh giá của học viên về sự phù hợp của nghề đang theo học đối với khả năng của bản thân

Kết quả phỏng vấn sâu em Nguyễn Thị M, em cho biết: “...*Em đang theo học nghề may công nghiệp và em cảm thấy nghề này phù hợp với khả năng của em.*”

năng của em vì em thấy mình có khả năng làm việc đó, cảm thấy vui khi làm việc đó, không thấy áp lực gì cả và em nghĩ mai này em sẽ xin vào công ty may nào đó để làm. Em sẽ chăm chỉ làm để có tiền nuôi sống bản thân và đưa cho bố mẹ...” (M 15 tuổi, khuyết tật nghe nói, Huyện Tiên Du - Tỉnh Bắc Ninh).

Một ý kiến tương đồng khi nhận định về nghề em đang theo học: *“Em đang theo học nghề làm hoa lụa và em thấy nghề này mình có khả năng làm và kiếm thu nhập sau khi ra trường. Em dự định sẽ lấy hàng về nhà làm. Mình thích làm lọ to, lọ bé tùy ý thích của em” (Em Nguyễn Hữu H, 18 tuổi, khuyết tật nghe nói, Huyện Gia Bình - Tỉnh Bắc Ninh).*

Anh Đặng Đình T (giáo viên dạy nghề) đưa ra đánh giá bao quát về tính phù hợp của ngành nghề được đào tạo cho NKT tại trung tâm: *“Hiện tại tôi là giáo viên đào tạo nghề tin học văn phòng. Theo sự đánh giá của tôi và tổng hợp ý kiến của các thầy cô giáo đang đào tạo nghề khác trong trung tâm thì đa số NKT trong trung tâm đã lựa chọn được nghề học phù hợp với khả năng bản thân. Học viên chăm chỉ, ham học hỏi, có ý thức trong học tập”.*

Tuy nhiên cũng có những ý kiến trái ngược là NKT chưa chọn được nghề phù hợp. Về lý do đánh giá việc học nghề chưa phù hợp, trao đổi thêm với khách thể tham gia nghiên cứu, khi được hỏi lý do em cảm thấy nghề đang theo học không phù hợp với khả năng bản thân thì em Nguyễn Văn L đưa ra ý kiến: *“Em đang theo học nghề tin học văn phòng nhưng em cảm thấy nghề này khó học và em cảm thấy khó khăn trong khi học. Và em cảm thấy mình không theo học được nghề này” (L 14 tuổi, khuyết tật trí tuệ, Huyện Yên Phong - Tỉnh Bắc Ninh).*

Một em nữa thì cho rằng mình đi học là do sự áp đặt của bố mẹ: *“Em chẳng thấy nghề đang theo học phù hợp với mình gì hết vì em chả thích đi*

học. Bố mẹ em bắt em phải đi thì em đi thôi. Em chán học (Em Nguyễn Văn C, 17 tuổi, Thành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh).

Tóm lại, đa số NKT trong Trung tâm đang được đào tạo nghề phù hợp với khả năng của bản thân. Số còn lại do tâm lý chán học, học do ép buộc thì cảm thấy nghề đang học chẳng phù hợp, cảm thấy không thích học.

2.3.3. Tâm quan trọng của việc học nghề đối với học viên

Khi được hỏi về tầm quan trọng của việc học nghề, nhìn chung mức độ đánh giá quan trọng và rất quan trọng chỉ chiếm 1/3 ý kiến được hỏi, còn lại số đông đánh giá ở mức bình thường và có tới 1/4 đánh giá ít quan trọng.

Cụ thể chỉ có 5,8% cho rằng việc học nghề là rất quan trọng; 27,9% cho rằng học nghề là quan trọng đối với họ; có tới 39,4% cho rằng học nghề có tầm quan trọng bình thường đối với họ. Như vậy có thể thấy việc học nghề đối với học viên tham gia nghiên cứu chưa thực sự được đánh giá ở mức quan trọng và rất quan trọng mà chỉ được đánh giá ở mức bình thường (Bảng 2.3).

Bảng 2.3: Đánh giá của học viên về tầm quan trọng của việc học nghề

Đơn vị: %

Stt	Tầm quan trọng của việc học nghề	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Rất quan trọng	6	5,8
2	Quan trọng	29	27,9
3	Bình thường	41	39,4
4	Ít quan trọng	26	25
5	Không quan trọng	2	1,9

(Nguồn: Kết quả điều tra, 2017)

Tìm hiểu sâu hơn về những đánh giá cho là bình thường qua phỏng vấn sâu, kết quả như sau:

“Em đang học nghề tin học văn phòng. Em cảm thấy học nghề bình thường đối với mình vì em muốn học để sau này có thể đi làm và kiếm được thu nhập nhưng chắc gì khi em ra trường đã xin được việc làm” (nam, 17 tuổi, Huyện Lương Tài-Tỉnh Bắc Ninh).

Em Nguyễn Thị M, 16 tuổi, đang theo học nghề làm hoa lụa, Huyện Gia Bình - Tỉnh Bắc Ninh đưa ra quan điểm: *“Em thấy học nghề không quan trọng gì hết vì em thấy dù có học giỏi thế nào đi chăng nữa thì ra trường có ai nhận vào làm đâu. Nên là học nghề không quan trọng gì hết”*.

Em Nguyễn Văn K, 14 tuổi: *“Khuyết tật thế này thì ai nhận vào làm mà học. Em chả muốn tốn thời gian và công sức để học”*.

Qua phân chia sẻ của học viên, ta nhận thấy mặc dù trung tâm đã tổ chức học nghề cho NKT nhưng NKT chưa thực sự đánh giá cao mức độ quan trọng của việc học nghề. Có khá nhiều lý do mà các học viên cho là học nghề không quan trọng đối với các em như: Nghề đó sau khi ra trường có xin được việc không, có ai nhận mình vào làm việc không, nghề đó có đủ nuôi sống bản thân hay không,... Muốn việc học nghề đạt hiệu quả cao thì chính bản thân người học phải thấy được tầm quan trọng của việc học nghề.

2.3.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc học nghề của học viên

Việc tìm hiểu các yếu tố tác động đến việc học nghề của người khuyết tật cũng là việc làm quan trọng trong việc hỗ trợ người khuyết tật học nghề. Vì muốn hỗ trợ học nghề cho người khuyết tật thì phải biết họ đang có cái gì, thiếu cái gì và khó khăn ở đâu. Có như vậy, việc hỗ trợ người khuyết tật học nghề mới đạt được hiệu quả cao. Có khá nhiều yếu tố tác động đến việc học nghề của người khuyết tật nhưng tác giả đưa ra 2 nhóm yếu tố tác động chính, đó là nhóm yếu tố chủ quan và nhóm yếu tố khách quan.

2.3.4.1. Yếu tố chủ quan - bản thân người học nghề

Bản thân người khuyết tật có học nghề tốt hay không là do chính thái độ học tập, sự hứng thú ham học hỏi và lựa chọn đúng nghề học phù hợp với khả năng của bản thân NKT. Sau đây là những kết quả khảo sát được từ chính người khuyết tật tham gia nghiên cứu.

Bảng 2.4: Yếu tố bản thân học viên tác động đến việc học nghề

Đơn vị tính: %

Stt	Các yếu tố	Mức độ tác động				
		Rất mạnh	Mạnh	Trung bình	Ít tác động	Không tác động
1	Xác định mục đích của việc học nghề	74,3	13,3	12,4	0	0
2	Hào hứng với việc học nghề	65,3	23,4	11,3	0	0
3	Luôn cố gắng chăm chỉ trong việc học nghề	67,5	23,6	8,9	0	0
4	Lựa chọn nghề cho bản thân	68,8	25,6	5,6	0	0

(Nguồn: Kết quả điều tra, 2017)

Bảng 2.4 thể hiện kết quả đánh giá của học viên về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến từ chính bản thân học viên. Có thể thấy rất rõ theo quan điểm của học viên tham gia nghiên cứu thì các yếu tố đến từ bản thân có tác động rất mạnh và mạnh đến việc học nghề của bản thân với tỷ lệ rất cao, dao động từ 87,6% đến 94,4%. Đáng chú ý là tất cả các tiêu chí đều nhận được tỷ lệ đánh giá có tác động rất mạnh đều trên 65% đến xấp xỉ 75%. Đánh giá ở

tiêu chí Xác định mục đích của việc học nghề, người tham gia nghiên cứu cho rằng mức độ tác động ở mức “rất mạnh” là 74,3%, cao nhất trong số 4 tiêu chí được đưa ra. Chỉ có một tỷ lệ không nhiều trên dưới 10% đánh giá ở mức tác động trung bình. Không có NKT nào trả lời đánh giá của mình về những tác động của các yếu tố bản thân mức độ ít tác động hay không tác động.

Kết quả phỏng vấn sâu cũng khẳng định mức độ quan trọng của những yếu tố bản thân NKT trong hoạt động học nghề của mình. Anh N.T.T (cán bộ phòng CTXH) đánh giá: *“Có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến việc học nghề của NKT trong đó có yếu tố bản thân NKT. Lãnh đạo tạo điều kiện hết mức, giáo viên dạy nghề tâm huyết, nhân viên CTXH nhiệt tình tư vấn, hỗ trợ,... nhưng bản thân người học viên không muốn học hay không có khả năng học thì việc học nghề cũng không bao giờ đạt hiệu quả cao”*.

Cô N.T.T (lãnh đạo trung tâm) đưa ra suy nghĩ: *“Yếu tố của bản thân NKT cũng là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến vai trò hỗ trợ NKT học nghề của nhân viên CTXH. Vì nếu nhân viên CTXH có nhiệt tình, có tâm huyết đến đâu đi chăng nữa mà NKT không hợp tác thì việc học nghề cũng không đạt hiệu quả cao. Vì vậy, yếu tố nào cũng quan trọng cho dù là khách quan hay chủ quan. Vì vậy, cần có sự phối hợp nhịp nhàng giữa các yếu tố để nhân viên CTXH thực hiện tốt vai trò hỗ trợ NKT học nghề cho NKT”*.

Như vậy, cũng có thể thấy bản thân học viên là một yếu tố rất quan trọng ảnh hưởng đến việc học nghề của họ.

2.3.4.2. Yếu tố khách quan

Các yếu tố khách quan được đưa vào đánh giá bao gồm: a) Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; b) Trình độ giáo viên và cán bộ đào tạo; c) Sự hỗ trợ từ phía gia đình; và d) Cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động học nghề.

Bảng 2.5: Yếu tố khách quan ảnh hưởng đến việc học nghề của NKT*Đơn vị tính: %*

Stt	Các yếu tố	Mức độ tác động				
		Rất mạnh	Mạnh	Trung bình	Ít tác động	Không tác động
1	Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước	64,5	20,8	14,7	0	0
2	Trình độ giáo viên và cán bộ đào tạo	69,8	22,6	7,6	0	0
3	Sự hỗ trợ từ phía gia đình	58,7	21,6	19,7	0	0
4	Cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động học nghề	66,8	23,5	9,7	0	0

(Nguồn: Kết quả điều tra, 2017)

Tất cả các yếu tố khách quan được học viên đánh giá ở mức độ rất mạnh là cao nhất, chiếm tỷ lệ 58% trở lên, tiếp theo đó là đánh giá ở mức độ mạnh và trung bình. Đặc biệt không có bất kỳ học viên nào đánh giá các yếu tố khách quan này ở mức độ ít tác động hay không tác động.

Yếu tố chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước: Trong 104 người tham gia phỏng vấn, có tới 64,5% cho rằng yếu tố này có tác động rất mạnh, hơn 30% còn lại cho rằng yếu tố này có tác động mạnh và tác động trung bình. Không có NKT nào cho rằng yếu tố này ít tác động và không tác động đến việc học nghề của họ.

Yếu tố trình độ giáo viên và cán bộ đào tạo có số lượng NKT cho rằng yếu tố này có tác động rất mạnh và mạnh đến việc học nghề của NKT là cao nhất, chiếm tới 92,4%. Có thể thấy rất rõ quan điểm của học viên tham gia nghiên cứu thì yếu tố đến từ trình độ của giáo viên và cán bộ đào tạo có tác động lớn. Một học sinh bày tỏ quan điểm: *“Em thấy có nhiều yếu tố khách quan tác động đến việc học nghề của chúng em nhưng yếu tố trình độ giáo viên là một yếu tố có tác động mạnh. Người bình thường học tập đã khó, NKT như chúng em học lại càng khó hơn. Chính vì vậy, cần phải có những người thầy người cô tận tụy, dìu dắt thì chúng em mới có thể làm được”* (nữ, 16 tuổi, nghề may công nghiệp, Thuận Thành - Bắc Ninh).

Cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động học nghề. Đây cũng là một yếu tố ảnh hưởng rất lớn đến việc học nghề của NKT. Hơn 65% NKT cho rằng yếu tố này có tác động rất mạnh đến việc học nghề của bản thân họ. Khi được hỏi lý do tại sao em cho rằng yếu tố cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động học nghề lại có tác động rất mạnh đến việc học nghề của em thì em chia sẻ: *“Em thấy muốn học được thì phải có phương tiện để học, may thì cần có máy may, có vải may. Làm hoa lụa thì phải có dây nhôm có hoa thì mới làm được,...”*.

Tóm lại, cần phải nắm rõ các yếu tố chủ quan và khách quan ảnh hưởng đến việc học nghề của NKT để có hướng khắc phục nhằm nâng cao chất lượng học nghề cho NKT.

2.4. Thực trạng thực hiện vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người khuyết tật học nghề tại Trung tâm

Công tác xã hội có rất nhiều vai trò nhưng đối với hoạt động hỗ trợ người khuyết tật học nghề tại trung tâm nuôi dưỡng người có công và bảo trợ xã hội Bắc Ninh thì công tác xã hội thể hiện bốn vai trò. Đó là vai trò Nâng cao nhận thức cho Người khuyết tật về chương trình học nghề; Tư vấn chương trình học nghề; Tổ chức các chương trình vui chơi giải trí ngoài giờ

học và Cung cấp thông tin về cơ sở có thể tiếp nhận học viên vào làm sau khi học viên hoàn thành chương trình học nghề.

2.4.1. Vai trò nâng cao nhận thức cho học viên về những mặt tích cực của hoạt động học nghề

Theo thông tin thu được từ bảng 2.6 ta thấy vai trò của công tác xã hội trong việc nâng cao nhận thức cho học viên về những mặt tích cực của hoạt động học nghề được người khuyết tật đánh giá khá dàn trải và khác nhau ở các tiêu chí khác nhau.

Bảng 2.6: Vai trò nâng cao nhận thức cho học viên về những mặt tích cực của hoạt động học nghề

Stt	Vai trò nâng cao nhận thức cho học viên về những mặt tích cực của hoạt động học nghề	Mức độ							
		Rất tốt		Tốt		Bình thường		Không tốt	
		SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
1	Khẳng định năng lực của học viên đối với cộng đồng, xã hội	12	11,5	29	27,9	60	57,7	3	2,9
2	Đánh giá cao những lợi ích của hoạt động học nghề	25	24	45	43,3	32	30,8	2	1,9
3	Nâng cao sự đóng góp của học viên trong hoạt động học nghề	13	12,5	26	25	58	55,8	7	6,7

(Nguồn: Kết quả điều tra, 2017)

Ở tiêu chí Khẳng định năng lực của học viên đối với cộng đồng, xã hội; trong tổng số khách thể nghiên cứu, có tới 57,7% người khuyết tật đánh giá vai trò này ở mức độ bình thường; 2,9% người khuyết tật đánh giá vai trò này ở mức độ không tốt; chỉ có 11,5% người khuyết tật đánh giá vai trò này ở mức độ rất tốt và 27,9% người khuyết tật đánh giá vai trò này ở mức độ tốt. Nhìn tổng quát, người khuyết tật chỉ đánh giá vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc khẳng định năng lực của học viên đối với cộng đồng, xã hội chỉ ở mức độ bình thường. Người khuyết tật quan sát, cảm nhận thấy nhân viên công tác xã hội đã thực hiện vai trò đó nhưng thực hiện một cách chưa rõ ràng, làm cho xong.

Nhân viên công tác xã hội muốn nâng cao nhận thức cho người khuyết tật về những mặt tích cực của hoạt động học nghề thì cần phải đánh giá cao những lợi ích của hoạt động học nghề. Có như vậy người khuyết tật mới cố gắng chăm chỉ học tập hơn. Đối với vai trò này, trong số 104 người khuyết tật được điều tra nghiên cứu: Có 43,3% người khuyết tật đánh giá vai trò này được nhân viên công tác xã hội làm tốt, 24% người khuyết tật đánh giá vai trò này được nhân viên công tác xã hội làm rất tốt; 30,8% người khuyết tật đánh giá vai trò này được nhân viên công tác xã hội thực hiện ở mức độ bình thường và chỉ có 1,9% người khuyết tật tham gia nghiên cứu cho rằng vai trò này nhân viên công tác xã hội thực hiện không tốt. Trao đổi về vấn đề này, em N.X.T cho biết: “... *Em thấy nhân viên công tác xã hội đã quan tâm nhiều đến việc đánh giá cao những lợi ích của hoạt động học nghề cho học viên để học viên có niềm tin, có động lực trong việc cố gắng học tập nghề đang theo học...*” (nữ, 17 tuổi, Thị xã Từ Sơn-Tỉnh Bắc Ninh).

Trong số 2 người khuyết tật cảm thấy vai trò này nhân viên công tác thực hiện không tốt thì có ý kiến đánh giá như sau: “*Em thấy nhân viên công tác xã hội không quan tâm đến việc đánh giá những lợi ích của hoạt động học*

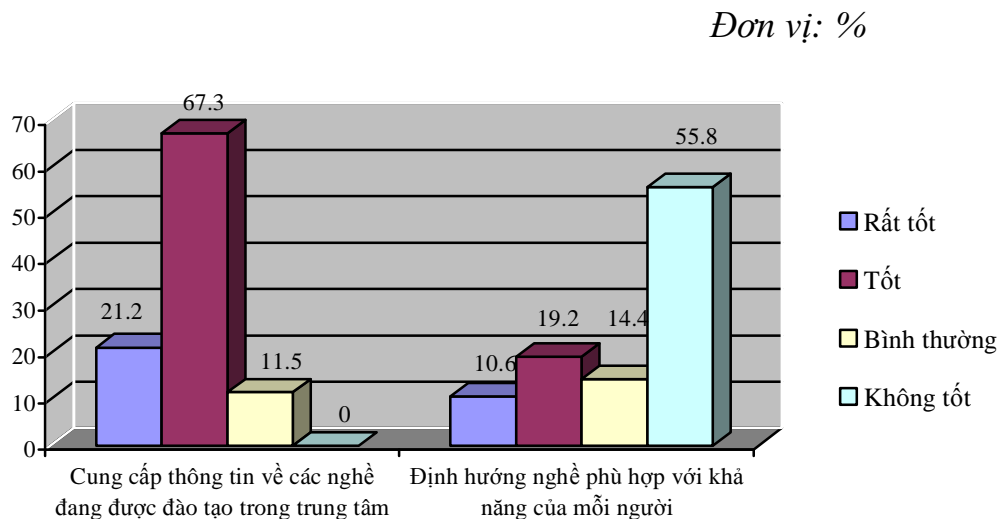
nghe gì cả, em thấy nên đánh giá những lợi ích của hoạt động học nghề thì chúng em mới cảm thấy nghề thật quan trọng và mình cần cố gắng” (nữ, khuyết tật vận động, 16 tuổi, Huyện Tiên Du-Tỉnh Bắc Ninh).

Vai trò nâng cao sự đóng góp của học viên trong hoạt động học nghề. Mỗi người khuyết tật lại có một cách nhìn nhận khác nhau. Có 12,5% người khuyết tật đánh giá vai trò này ở mức độ rất tốt, 25% người khuyết tật cho rằng vai trò này được thực hiện tốt, 55,8% người khuyết tật cho rằng vai trò này được thực hiện một cách bình thường và 6,7% người khuyết tật đánh giá vai trò này thực hiện không tốt.

Vai trò của công tác xã hội trong việc nâng cao nhận thức cho học viên về những mặt tích cực của hoạt động học nghề được người khuyết tật đánh giá khá dàn trải và khác nhau ở các tiêu chí khác nhau nhưng nhìn chung vai trò này được các học viên đánh giá việc thực hiện ở mức bình thường.

2.4.2. Vai trò tư vấn chương trình học nghề

Vai trò tư vấn chương trình học nghề được thể hiện ở hai hoạt động. Một là cung cấp thông tin về các nghề đang được đào tạo trong trung tâm. Hai là định hướng nghề phù hợp với khả năng của mỗi người.



(Nguồn: Kết quả điều tra, 2017)

Biểu đồ 2.5: Vai trò tư vấn chương trình học nghề

Nhìn tổng thể biểu đồ 2.5 cho thấy vai trò tư vấn chương trình học nghề được nhân viên công tác xã hội thực hiện khá tốt ở tiêu chí cung cấp thông tin về các nghề đang được đào tạo ở trung tâm. Tuy nhiên với vai trò định hướng nghề phù hợp với khả năng của mỗi người thì không được tích cực. Đặc biệt tỷ lệ đánh giá không tốt ở tiêu chí này trên 50%.

Thứ nhất, vai trò cung cấp thông tin về các nghề đang được đào tạo trong trung tâm. Số lượng người khuyết tật đánh giá vai trò này được nhân viên công tác xã hội thực hiện rất tốt và tốt chiếm tới gần 90%; chỉ có 11,5% người khuyết tật cho rằng vai trò này nhân viên công tác xã hội thực hiện bình thường và 0% người khuyết tật đánh giá vai trò này thực hiện không tốt. Khi được hỏi về vấn đề này: Em Nguyễn Thị T cho biết: “... Em thấy vai trò cung cấp thông tin về các nghề đang được đào tạo trong trung tâm được nhân viên công tác xã hội thực hiện khá tốt, khi mới bắt đầu vào trường, em được nhân viên công tác xã hội tư vấn tận tình để chọn nghề học. Nhân viên công tác xã hội đã tư vấn những chương trình đang được đào tạo trong trung tâm và đưa ra hướng nghề nghiệp phù hợp với khả năng của mỗi học viên...” (Nữ, khuyết tật vận động, 18 tuổi, Huyện Quế Võ-Tỉnh Bắc Ninh).

“Nhân viên CTXH đã rất nhiệt tình tư vấn nghề nghiệp để em có được nghề phù hợp với khả năng của bản thân” (Nữ, 15 tuổi, Huyện Gia Bình-Tỉnh Bắc Ninh đưa ra ý kiến).

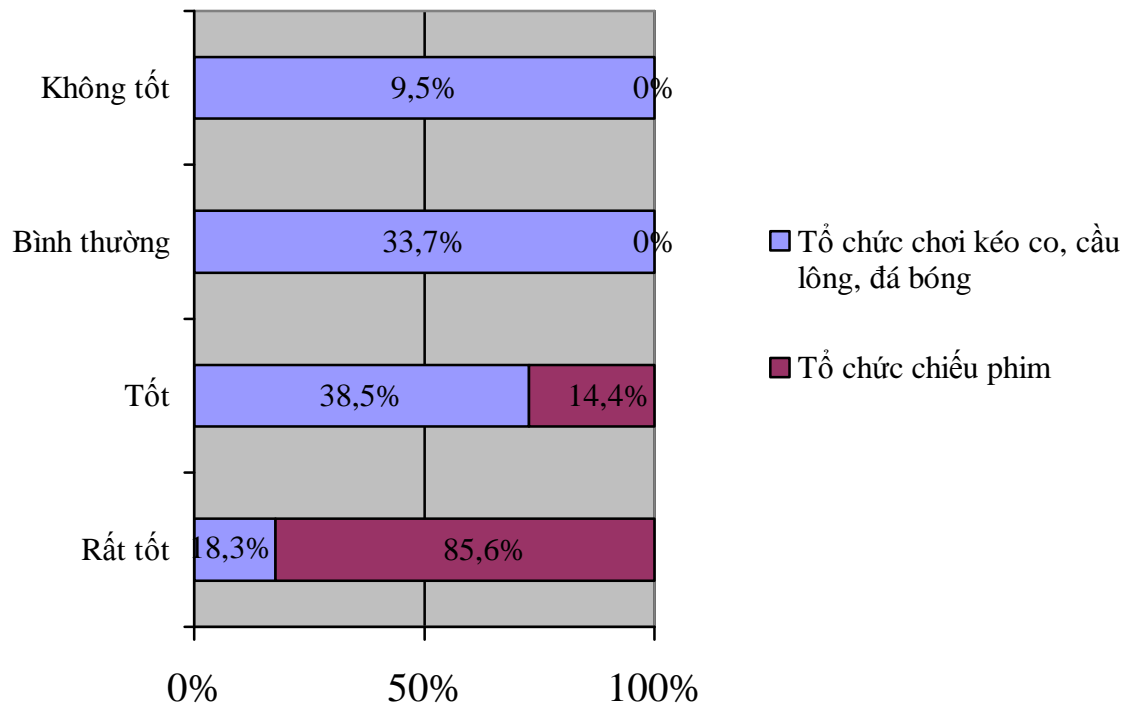
Nghiên cứu vai trò định hướng nghề phù hợp với khả năng của mỗi người. NKT đánh giá vai trò này không tốt cao hơn nhiều so với tốt và rất tốt, cao gấp 3 lần: 55,8%:10,6%. Khi được hỏi câu hỏi vì sao em cảm thấy vai trò này nhân viên công tác xã hội thực hiện không tốt thì em Nguyễn Hải Y (18 tuổi, đang học nghề may công nghiệp, Huyện Yên Phong-Tỉnh Bắc Ninh) chia sẻ: *Lúc mới được vào trường, em được các cô giáo tư vấn, hướng suy nghĩ vào lớp nghề phù hợp và các cô thấy em phù hợp với nghề may công*

nghiệp nên đã xếp em vào lớp may công nghiệp lúc em đủ 14 tuổi nhưng em thấy mình không đủ kiên trì để chỉ ngồi và làm nên em thấy vai trò của CTXH trong việc định hướng nghề nghiệp là chưa tốt”.

Tóm lại, kết quả khảo sát cho thấy vai trò tư vấn của công tác xã hội mới chỉ thực hiện tốt ở khía cạnh đầu vào tức là đã tư vấn tốt các nghề được đào tạo trong trung tâm nhưng chưa tư vấn được nghề mà phù hợp với từng loại học viên. Từ kết quả này cần đề xuất để vai trò này thực hiện được hoàn chỉnh hơn.

2.4.3. Vai trò tổ chức các chương trình vui chơi giải trí

Kết quả tổng hợp từ biểu đồ 2.6 cho ta thấy vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc tổ chức các chương trình vui chơi giải trí cho học viên học nghề thể hiện ở hai hoạt động cụ thể. Một là tổ chức chơi kéo co, đánh cầu lông, đá bóng. Hai là tổ chức chiếu phim cho học sinh xem.



(Nguồn: Kết quả điều tra, 2017)

Biểu đồ 2.6: Vai trò tổ chức các chương trình vui chơi giải trí

Đối với vai trò tổ chức chơi kéo co, đánh cầu lông, đá bóng: Có tới hơn 50% người khuyết tật đánh giá vai trò này ở mức độ rất tốt và tốt; còn lại đánh giá ở mức bình thường và không tốt. Lý do có sự lựa chọn không đồng nhất như vậy là do khi nhân viên công tác xã hội tổ chức các trò chơi như kéo co, đánh cầu, đá bóng thì chưa thực sự có kỹ năng điều phối và kỹ năng tổ chức trò chơi nên chưa lôi kéo được các em khuyết tật tham gia, vì vậy trong số các học viên được khảo sát thì có trẻ rất hào hứng với các trò chơi và cũng có những trẻ không tham gia vào các trò chơi đó nên các em đánh giá vai trò đó thực hiện chưa tốt. Vì vậy, nhân viên công tác xã hội cần lưu ý đến tâm lý của trẻ khuyết tật để nắm bắt tâm lý, giúp chúng hào hứng với những trò chơi mà mình đưa ra.

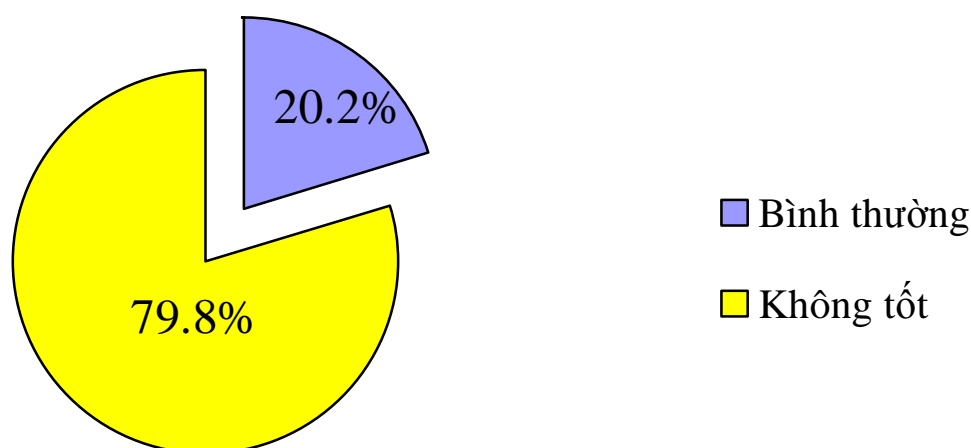
Với vai trò tổ chức chiếu phim cho học viên xem. Sau một tuần học tập căng thẳng thì các em được xem những bộ phim hoạt hình vui nhộn hay những clip dạy kỹ năng sống ý nghĩa. Điều này giúp các học viên thư giãn, thoải mái tinh thần để tiếp thu kiến thức tốt hơn. Điều đặc biệt, cả 100% người khuyết tật tham gia nghiên cứu đánh giá vai trò của công tác xã hội trong việc tổ chức chiếu phim cho học viên xem là rất tốt và tốt, không có một người khuyết tật nào đánh giá vai trò này được thực hiện bình thường hay không tốt. Điều này chứng tỏ vai trò tổ chức cho người khuyết tật xem phim được nhân viên công tác xã hội thực hiện rất tốt.

Vai trò tổ chức các chương trình vui chơi giải trí được thực hiện qua hai hoạt động. Một là vai trò tổ chức chơi kéo co, đánh cầu lông, đá bóng. Hai là vai trò tổ chức chiếu phim cho học viên xem. Vai trò thứ hai được NKT đánh giá khá cao và vai trò này được NVCTXH thực hiện khá tốt.

2.4.4. Vai trò cung cấp những thông tin về cơ sở có thể tiếp nhận học viên vào làm sau khi học viên hoàn thành chương trình học nghề

Để tạo tâm lý hứng khởi, thoải mái cho học viên thì nhân viên công tác xã hội cần cung cấp những thông tin về cơ sở có thể tiếp nhận học viên vào làm sau khi học viên hoàn thành chương trình học nghề. Có như vậy người khuyết tật mới yên tâm học hành, không thấy hoang mang với suy nghĩ “học rồi để đấy, chả xin được việc đâu mà”.

Đơn vị: %



(Nguồn: Kết quả điều tra, 2017)

Biểu đồ 2.7: Vai trò cung cấp những thông tin về cơ sở có thể tiếp nhận học viên vào làm sau khi học viên hoàn thành chương trình học nghề

Vai trò của công tác xã hội trong việc cung cấp những thông tin về cơ sở có thể tiếp nhận học viên vào làm sau khi học viên hoàn thành chương trình học nghề được người khuyết tật đánh giá ở hai mức độ bình thường và không tốt. Có 20,2% người khuyết tật đánh giá vai trò của công tác xã hội trong việc

cung cấp những thông tin về cơ sở có thể tiếp nhận học viên vào làm sau khi học viên hoàn thành chương trình học nghề ở mức độ bình thường và có tới 79,8% người khuyết tật đánh giá vai trò của công tác xã hội trong việc cung cấp những thông tin về cơ sở có thể tiếp nhận học viên vào làm sau khi học viên hoàn thành chương trình học nghề ở mức độ không tốt. Không có ai đánh giá vai trò này ở mức độ rất tốt và tốt. Điều này chứng tỏ vai trò của công tác xã hội trong việc cung cấp những thông tin về cơ sở có thể tiếp nhận học viên vào làm sau khi học viên hoàn thành chương trình học nghề chưa được quan tâm và thực hiện.

Chia sẻ tại những cuộc phỏng vấn sâu phần nào bộc lộ những điểm yếu trong công tác này. Em Nguyễn Tiến M chia sẻ: *“Em đang học nghề tin học văn phòng và năm nay em ra trường nhưng em không được thầy cô hay bất kỳ ai cung cấp thông tin về cơ sở nhà nước hay doanh nghiệp tư nhân có thể tiếp nhận em vào làm sau khi em hoàn thành chương trình học nghề nên em cảm thấy thực sự lo lắng. Vì em muốn sau khi ra trường, em được đi làm và có tiền phụ giúp gia đình...”* (Nam, 18 tuổi, Huyện Gia Bình-Tỉnh Bắc Ninh).

Một ý kiến khác trao đổi thêm: *“Em đang theo học nghề làm hoa lụa, em chả biết mình học nghề này làm gì nữa, nghề này ngoài kia có cơ sở nào thuê mướn đâu. Chắc em ra trường em cũng chả có việc làm ý”* (Nam, 17 tuổi, Thị xã Từ Sơn-Tỉnh Bắc Ninh).

“Em chỉ thấy các cô dạy và dạy, chả thấy tư vấn cơ sở mà các em có thể làm sau khi ra trường gì cả. Em học nghề sau ra có được làm nghề này không? Em hoang mang quá” (Nam, 16 tuổi, Huyện Gia Bình-Tỉnh Bắc Ninh).

Nhìn chung, vai trò của công tác xã hội trong việc cung cấp những thông tin về cơ sở có thể tiếp nhận học viên vào làm sau khi học viên hoàn thành chương trình học nghề được thực hiện chưa được tốt. Hầu hết học viên không nhận được thông tin liên quan đến nghề nghiệp sau khi họ ra trường.

2.5. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người khuyết tật học nghề

Có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ NKT học nghề nhưng tác giả chia làm hai nhóm chính, đó là nhóm yếu tố chủ quan và nhóm yếu tố khách quan.

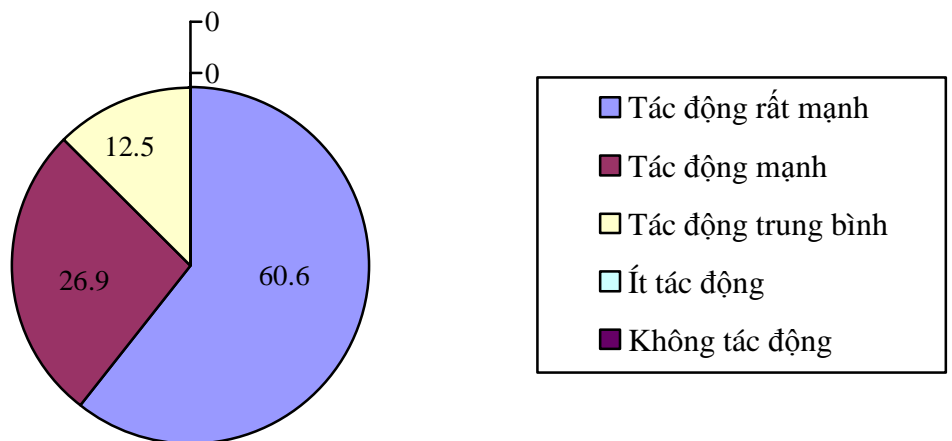
2.5.1. Các yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người khuyết tật học nghề

Yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người khuyết tật học nghề chính là kỹ năng chuyên môn về lĩnh vực NKT, học nghề đối với NKT và thái độ làm việc của nhân viên CTXH.

2.5.1.1. Kỹ năng chuyên môn của nhân viên CTXH

Nhân viên CTXH có chuyên môn, có kỹ năng về lĩnh vực NKT và đào tạo nghề cho NKT thì việc tư vấn hỗ trợ học nghề, tổ chức chương trình vui chơi giải trí ngoài giờ học, hỗ trợ tìm kiếm việc làm sau khi NKT ra trường,... sẽ đạt được hiệu quả cao.

Đơn vị: %



(Nguồn: Kết quả điều tra, 2017)

Biểu đồ 2.8: Kỹ năng chuyên môn của nhân viên CTXH

Yếu tố chủ quan đầu tiên tác động đến vai trò của nhân viên công tác xã hội trong hỗ trợ người khuyết tật học nghề là yếu tố khả năng chuyên môn của

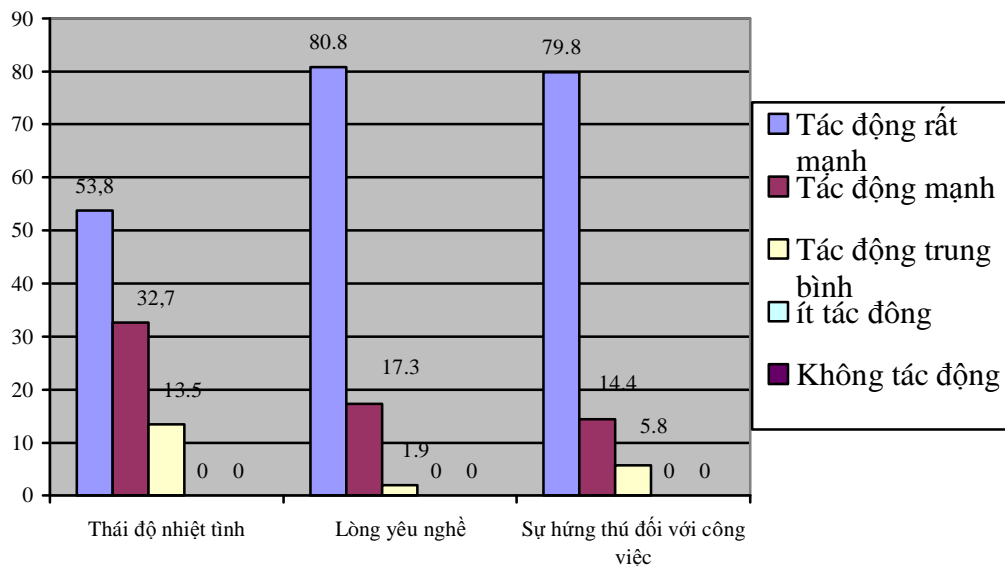
nhân viên CTXH. Muốn thực hiện tốt nhiệm vụ thì cần phải có chuyên môn. Có tới hơn 60% người khuyết tật đánh giá tác động rất mạnh của yếu tố này tới vai trò của nhân viên công tác xã hội (60,6%) và 0% cho rằng yếu tố này ít tác động hay không tác động tới vai trò hỗ trợ người khuyết tật học nghề.

Như vậy, yếu tố khả năng chuyên môn được đánh giá rất cao trong việc thực hiện vai trò của CTXH trong hỗ trợ NKT học nghề.

2.5.1.2. Thái độ làm việc của nhân viên CTXH

Theo thông tin thu được từ biểu đồ 2.9: có khá nhiều yếu tố thái độ ảnh hưởng đến vai trò của nhân viên công tác xã hội như Thái độ nhiệt tình của nhân viên CTXH; Sự tâm huyết, lòng yêu nghề của nhân viên CTXH và Sự hứng thú đối với công việc của nhân viên CTXH và được các học viên đánh giá vai trò ở nhiều mức độ khác nhau từ mức độ tác động rất mạnh, tác động mạnh, tác động trung bình, ít tác động và không tác động. Mức độ tác động rất mạnh và mạnh chiếm tới hơn 80% các mức độ còn lại.

Đơn vị: %



(Nguồn: Kết quả điều tra, 2017)

Biểu đồ 2.9: Thái độ làm việc của nhân viên CTXH

Có 53,8% người khuyết tật cho rằng thái độ nhiệt tình của nhân viên CTXH có tác động rất mạnh ảnh hưởng đến vai trò của nhân viên công tác xã

hội trong hỗ trợ người khuyết tật học nghề; 32,7% người khuyết tật cho rằng có tác động mạnh; 13,5% người khuyết tật đánh giá có tác động trung bình đến vai trò của nhân viên công tác xã hội và không có ai lựa chọn yếu tố Thái độ nhiệt tình của nhân viên CTXH có tác động ít hay không tác động tới vai trò của nhân viên công tác xã hội. Như vậy, có thể thấy yếu tố Thái độ của nhân viên CTXH cũng khá quan trọng trong việc thực hiện vai trò hỗ trợ học nghề cho người khuyết tật.

Sự tâm huyết, lòng yêu nghề của nhân viên CTXH cũng là một trong những yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến vai trò của nhân viên công tác xã hội trong hỗ trợ người khuyết tật học nghề. Sự lựa chọn mức độ tác động rất mạnh chiếm tới 80,8%; 19,2% lựa chọn mức độ mạnh và trung bình; không ai cho rằng yếu tố này ít tác động và không tác động đến vai trò của NVCTXH trong hỗ trợ người khuyết tật học nghề.

Yếu tố Sự hứng thú đối với công việc của NVCTXH. Có kỹ năng chuyên môn, có kiến thức nhưng NVCTXH không có niềm đam mê, không có hứng thú đối với công việc thì cũng không thực hiện tốt được vai trò hỗ trợ người khuyết tật học nghề được. Có tới hơn 90% người khuyết tật cho rằng yếu tố này có tác động rất mạnh và mạnh tới vai trò của NVCTXH trong hỗ trợ người khuyết tật học nghề và không một người tham gia nghiên cứu nào đánh giá yếu tố này ít tác động hay không có tác động tới vai trò của NVCTXH trong hỗ trợ người khuyết tật học nghề.

Có thể nói yếu tố thái độ làm việc của nhân viên công tác xã hội có tác động rất mạnh đến việc học nghề của người khuyết tật. NVCTXH có thái độ nhiệt tình, lòng yêu nghề và sự hứng thú đối với công việc sẽ tạo cho họ một khí thế làm việc hăng say, chuyên nghiệp. Như vậy, việc hỗ trợ NKT học nghề cũng sẽ mang tính chuyên nghiệp và đem lại hiệu quả cao.

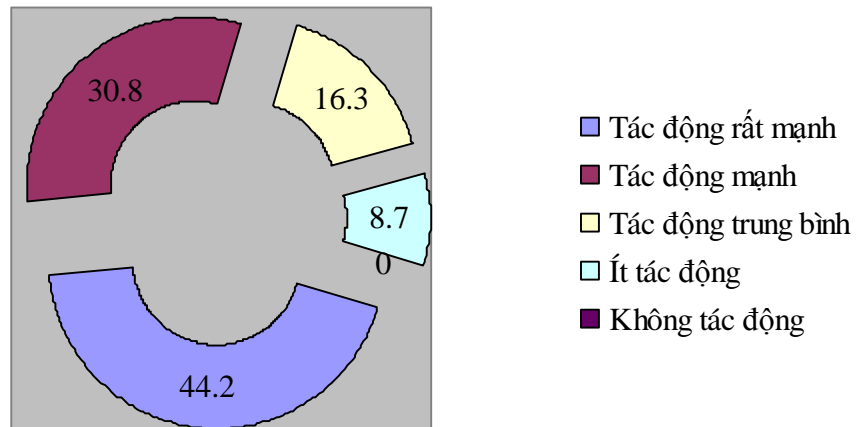
2.5.2. Các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người khuyết tật học nghề

Ngoài yếu tố chủ quan từ chính bản thân người khuyết tật thì các yếu tố khách quan như chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với phát triển nghề CTXH; Yếu tố trung tâm nuôi dưỡng người có công và bảo trợ xã hội Bắc Ninh; Yếu tố gia đình, cộng đồng và yếu tố bản thân người khuyết tật cũng là những yếu tố cốt lõi ảnh hưởng đến vai trò của NVCTXH đối với hỗ trợ NKT học nghề.

2.5.2.1. Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với phát triển nghề CTXH

Chính sách của Đảng và Nhà nước đối với phát triển nghề CTXH mà càng được quan tâm thì NKT càng có động lực để trợ giúp và ngược lại.

Đơn vị: %



(Nguồn: Kết quả điều tra, 2017)

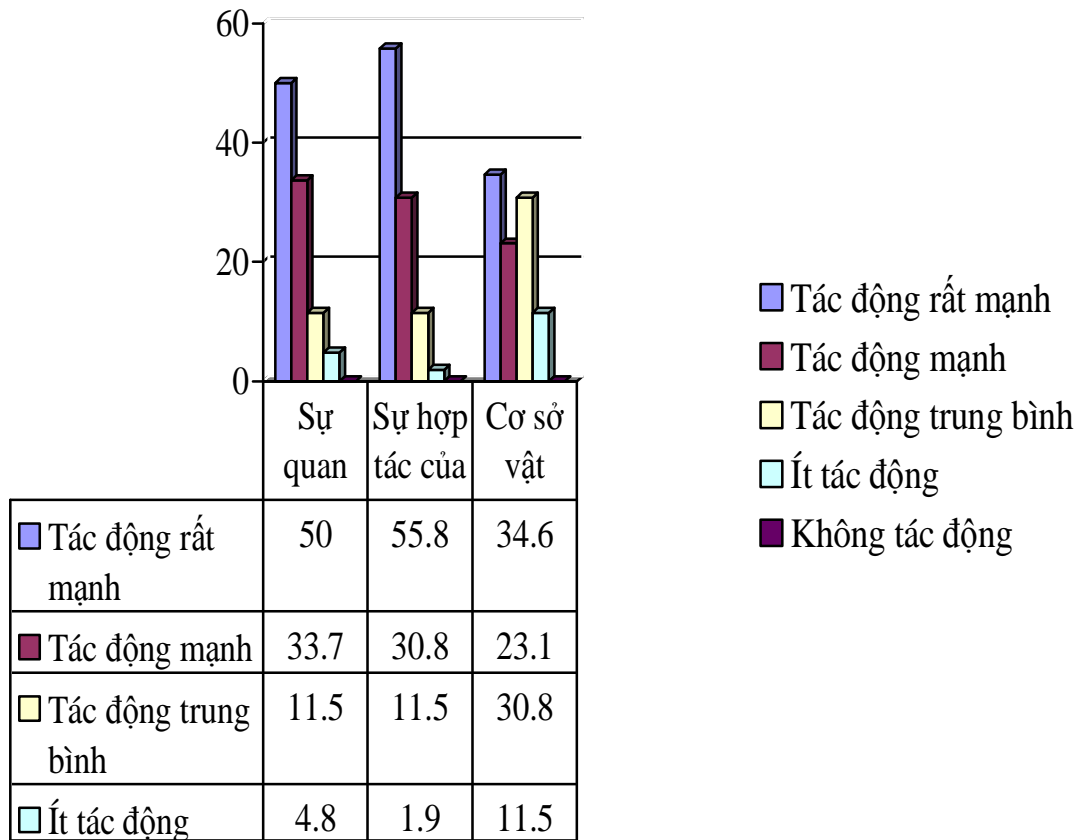
Biểu đồ 2.10: Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với phát triển nghề CTXH

Khách thể nghiên cứu đánh giá yếu tố chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với phát triển nghề CTXH có tác động rất mạnh đến vai trò hỗ trợ NKT học nghề, chiếm tỷ lệ cao nhất (44,2%), tỷ lệ đánh giá yếu tố này có tác động rất mạnh và mạnh chiếm tới gần 75% và không có ai cho rằng yếu tố này không tác động. Điều này chứng tỏ cần phải đẩy mạnh các chính sách của Đảng và Nhà nước đối với phát triển nghề CTXH.

2.5.2.2. Yếu tố trung tâm nuôi dưỡng người có công và bảo trợ xã hội Bắc Ninh

Trung tâm nuôi dưỡng người có công và bảo trợ xã hội Bắc Ninh là cơ sở đào tạo nghề cho NKT. Việc học nghề có tốt hay không cũng phụ thuộc vào những yếu tố thuộc về cơ sở đào tạo như sự quan tâm của lãnh đạo trung tâm, sự hợp tác của các đồng nghiệp và cơ sở vật chất, kỹ thuật.

Đơn vị: %



(Nguồn: Kết quả điều tra, 2017)

Biểu đồ 2.11: Yếu tố trung tâm nuôi dưỡng người có công và bảo trợ xã hội Bắc Ninh

Biểu đồ trên cho thấy có 3 yếu tố đến từ trung tâm nuôi dưỡng người có công và bảo trợ xã hội Bắc Ninh ảnh hưởng đến vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ NKT học nghề, đó là yếu tố sự quan tâm của lãnh đạo trung tâm; sự hợp tác của các đồng nghiệp và cơ sở vật chất, kỹ thuật.

Yếu tố thứ nhất là yếu tố sự quan tâm của lãnh đạo trung tâm. Hơn 80% người tham gia nghiên cứu đánh giá yếu tố này có tác động rất mạnh và mạnh đến vai trò của CTXH trong hỗ trợ NKT học nghề. Không có NKT nào tham gia nghiên cứu đánh giá yếu tố này không tác động đến vai trò của CTXH trong hỗ trợ NKT học nghề.

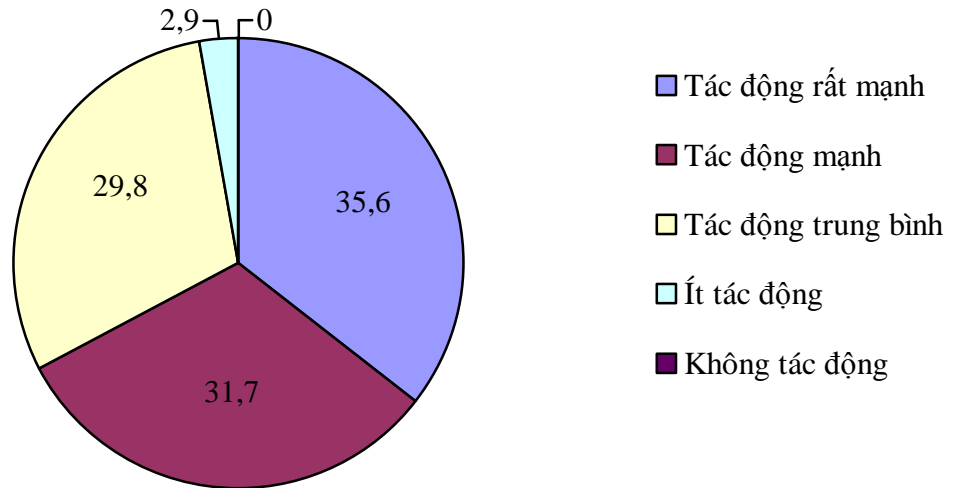
Yếu tố thứ hai là yếu tố sự hợp tác của các đồng nghiệp. Đồng nghiệp đoàn kết với nhau, cùng nhau phấn đấu trong công việc, hỗ trợ nhau trong công việc,... thì việc hoàn thành nhiệm vụ hỗ trợ NKT học nghề không hề khó khăn. Có tới 86,6% người tham gia nghiên cứu cho rằng yếu tố này ảnh hưởng rất mạnh và mạnh tới vai trò hỗ trợ NKT học nghề. Không có NKT nào tham gia nghiên cứu cho rằng yếu tố này không tác động đến vai trò hỗ trợ NKT học nghề.

Yếu tố thứ ba là yếu tố cơ sở vật chất, kỹ thuật. Có chuyên môn, có sự ủng hộ của lãnh đạo nhưng cơ sở vật chất không đáp ứng được yêu cầu học nghề của NKT thì việc học nghề cũng không đạt được hiệu quả cao. Hơn 50% khách thể nghiên cứu cho rằng yếu tố này có tác động rất mạnh và mạnh đến vai trò của CTXH trong hỗ trợ NKT học nghề và cũng không có ai cho rằng vai trò này không tác động đến vai trò của CTXH trong hỗ trợ NKT học nghề.

2.5.2.3. *Yếu tố gia đình, cộng đồng*

Yếu tố gia đình, cộng đồng xung quanh cũng là yếu tố ảnh hưởng đến vai trò của CTXH trong việc hỗ trợ NKT học nghề. Gia đình của nhân viên CTXH ủng hộ công việc mà nhân viên CTXH đang đảm nhiệm, có sự chia sẻ việc nhà, hỗ trợ chăm sóc con cái,... thì nhân viên CTXH mới có thời gian để chuyên tâm vào công việc xã hội - đó chính là công việc hỗ trợ NKT học nghề. Cộng đồng đồng tình, hợp tác nhất trí với sự hỗ trợ của nhân viên CTXH sẽ giúp họ có thêm động lực trong công việc hơn, tâm huyết với nghề hơn.

Đơn vị: %



(Nguồn: Kết quả điều tra, 2017)

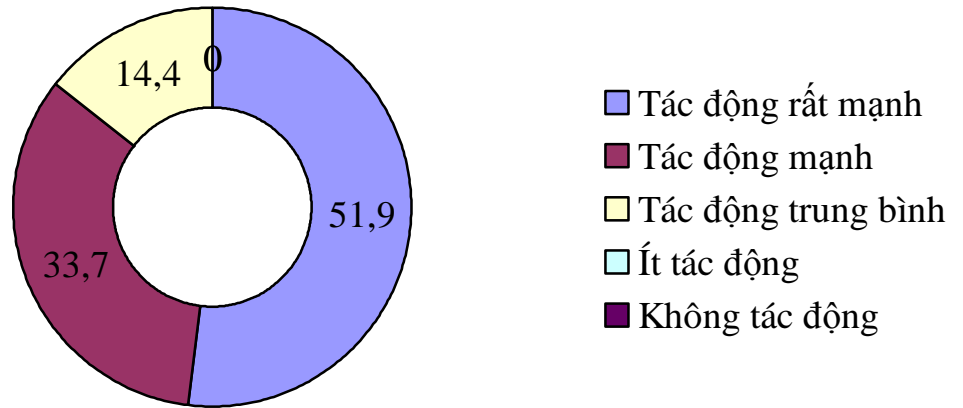
Biểu đồ 2.12: Yếu tố gia đình, cộng đồng

Biểu đồ trên cho thấy tổng thể yếu tố gia đình, xã hội ảnh hưởng đến vai trò của CTXH trong hỗ trợ NKT học nghề. Trên 60% khách thể tham gia nghiên cứu cho rằng yếu tố gia đình, cộng đồng có tác động rất mạnh và mạnh đến vai trò của CTXH trong hỗ trợ NKT học nghề. Không ai đánh giá yếu tố này không có tác động gì tới vai trò hỗ trợ NKT học nghề của nhân viên CTXH.

2.5.2.3. Yếu tố bản thân người học nghề

Nhân viên CTXH muốn thực hiện tốt vai trò hỗ trợ NKT học nghề thì cần có sự hợp tác của chính người học nghề - người khuyết tật đang học tập tại trung tâm.

Đơn vị: %



(Nguồn: Kết quả điều tra, 2017)

Biểu đồ 2.13: Yếu tố bản thân người học nghề

Biểu đồ 2.13 cho thấy sự tác động của yếu tố bản thân người học nghề tới vai trò của nhân viên CTXH trong hỗ trợ NKT học nghề. Có tới hơn 80% người tham gia nghiên cứu cho rằng yếu tố này có tác động rất mạnh và mạnh đến vai trò hỗ trợ NKT học nghề của nhân viên CTXH. Và cũng không một khách thể nào cho rằng yếu tố này không tác động gì tới vai trò của CTXH trong hỗ trợ NKT học nghề. Điều này chứng tỏ rằng bản thân NKT có ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả của sự hỗ trợ của nhân viên CTXH.

Người khuyết tật có hứng thú trong học tập, say mê với những món đồ mình tự làm ra sẽ tạo động lực cho họ học tập. Từ đó, nhân viên CTXH đạt kết quả cao trong việc hỗ trợ họ và ngược lại.

Tiểu kết chương 2

Chương 2 trình bày và phân tích kết quả nghiên cứu về thực trạng người khuyết tật học nghề, vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người khuyết tật học nghề và những yếu tố bao gồm cả chủ quan và khách quan tác động đến vai trò của CTXH trong hỗ trợ NKT học nghề.

Tổng số khách thể tham gia nghiên cứu là 104 người, trong đó có 60 người là nam và 44 người là nữ. Đa số khách thể nghiên cứu thuộc dạng khuyết tật nghe, nói; còn lại thuộc 3 dạng khuyết tật đó là khuyết tật vận động, khuyết tật trí tuệ và khuyết tật khác. Phần lớn người khuyết tật đánh giá bản thân có sức khỏe bình thường: 72,1%. Nghề nghiệp người khuyết tật đang theo học đông nhất là nghề may công nghiệp: 31,7% và nghề được đào tạo ít nhất là nghề mây tre đan: 8,8%.

Việc hỗ trợ người khuyết tật học nghề của công tác xã hội được khách thể nghiên cứu đánh giá khá cao. Đối với vai trò nâng cao nhận thức cho học viên về những mặt tích cực của hoạt động học nghề. Muốn người khuyết tật có hứng thú đối với việc học nghề thì công tác xã hội cần chỉ ra những mặt tích cực của hoạt động học nghề. Đối với việc khẳng định năng lực của học viên đối với cộng đồng, xã hội: 57,7% người khuyết tật đánh giá vai trò này công tác xã hội thực hiện ở mức độ bình thường. Đánh giá cao những lợi ích của hoạt động học nghề: 43,3% người khuyết tật đánh giá vai trò này công tác xã hội thực hiện ở mức độ tốt và 55,8% người khuyết tật đánh giá vai trò nâng cao sự đóng góp của học viên trong hoạt động học nghề được công tác xã hội thực hiện ở mức bình thường.

Vai trò tư vấn chương trình học nghề: Vai trò này thể hiện ở hai khía cạnh, một là cung cấp thông tin về các nghề đang được đào tạo trong trung tâm, hai là định hướng nghề phù hợp với khả năng của mỗi người. Vai trò này được khách thể nghiên cứu đánh giá khá cao ở việc cung cấp thông tin về các

ngành đang được đào tạo trong trung tâm: 67,3% đánh giá ở mức độ tốt. Việc định hướng nghề phù hợp với khả năng của mỗi người được khách thể đánh giá không tốt: 55,8%.

Vai trò tổ chức các chương trình vui chơi giải trí. Có hai hoạt động chủ đạo ở vai trò này, đó là vai trò tổ chức chơi kéo co, cầu lông, đá bóng và vai trò tổ chức chiếu phim. Vai trò tổ chức chiếu phim được người khuyết tật đánh giá cao; 85,6% đánh giá vai trò này thực hiện rất tốt.

Vai trò cung cấp những thông tin về cơ sở có thể tiếp nhận học viên vào làm sau khi học viên hoàn thành chương trình học nghề được học viên đánh giá ở mức độ không tốt: 79,8%.

Có hai nhóm yếu tố ảnh hưởng đến vai trò của công tác xã hội trong việc hỗ trợ người khuyết tật học nghề, đó là nhóm yếu tố chủ quan và nhóm yếu tố khách quan. Nhóm yếu tố chủ quan bao gồm khả năng chuyên môn, thái độ làm việc (thái độ nhiệt tình trong công việc, lòng yêu nghề, sự hứng thú đối với công việc) của nhân viên công tác xã hội. Nhóm yếu tố khách quan ảnh hưởng đến vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người khuyết tật học nghề bao gồm chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước đối với phát triển nghề CTXH; yếu tố trung tâm nuôi dưỡng người có công và bảo trợ xã hội Bắc Ninh; Yếu tố gia đình, cộng đồng và yếu tố bản thân người học nghề. Nhân viên CTXH cần nhận ra những yếu tố ảnh hưởng không tốt đến vai trò hỗ trợ người khuyết tật học nghề để có hướng khắc phục và thực hiện vai trò ngày một tốt hơn.

CHƯƠNG 3

ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP NÂNG CAO VAI TRÒ CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ NGƯỜI KHUYẾT TẬT HỌC NGHỀ TẠI TRUNG TÂM NUÔI DƯỠNG NGƯỜI CÓ CÔNG VÀ BẢO TRỢ XÃ HỘI TỈNH BẮC NINH

3.1. Giải pháp nâng cao chất lượng học nghề cho người khuyết tật

3.1.1. Giải pháp đối với bản thân người học nghề

Cần khuyến khích, tạo niềm tin, nghị lực sống cho NKT, giúp họ giảm bớt mặc cảm, tự ti để cố gắng học tập. Có như vậy, NKT mới có tinh thần vững vàng trong việc học nghề, thành thạo nghề và có khả năng tạo thu nhập trong tương lai.

Muốn hỗ trợ NKT học nghề thì cần tìm hiểu xem họ đang cần gì, thiếu gì và khó khăn ở đâu. Có như vậy, việc hỗ trợ NKT học nghề mới đạt được hiệu quả cao.

Cùng NKT xác định rõ ràng, đúng đắn mục đích của việc học nghề. Vì khi họ xác định được đúng hướng đi, đúng mục tiêu thì họ sẽ có sự nỗ lực không ngừng nghỉ. Từ đó, việc học nghề mới đạt kết quả cao.

Cần phải có chương trình giáo dục văn hóa, tinh thần, nâng cao nghị lực sống cho NKT. Vì khi có một tinh thần thoải mái, một nghị lực phi thường thì có sẽ có động lực học tập cao.

Giúp NKT nhận ra khả năng của mình để lựa chọn nghề phù hợp với khả năng của bản thân. Có như vậy, họ mới có thể học và nâng cao kiến thức, nâng cao tay nghề.

Nâng cao vai trò của NKT đối với bản thân, gia đình, xã hội.

Tạo niềm đam mê, hứng thú đối với nghề đang theo học tại trung tâm. Có như vậy, chất lượng học nghề mới đạt kết quả cao.

Khuyến khích việc chăm lo sức khỏe của chính bản thân NKT để có thể tham gia học nghề một cách hiệu quả. Ăn uống đều đặn, đúng giờ đúng bữa, ngủ đủ giấc, vệ sinh cá nhân hàng ngày sạch sẽ,...

Thúc đẩy NKT chăm chỉ học tập, luôn biết cố gắng trong học nghề để đạt kết quả cao. Sau khi được tư vấn và chọn nghề thì học viên cần chăm chỉ, nỗ lực học nghề để thành thạo nghề, sau khi ra trường có thể tạo thu nhập nuôi sống bản thân.

3.1.2. Các giải pháp nâng cao chất lượng học nghề cho người khuyết tật tại Trung tâm nuôi dưỡng người có công và bảo trợ xã hội tỉnh Bắc Ninh

3.1.2.1. Hỗ trợ phúc lợi đối với cán bộ, giáo viên dạy nghề cho người khuyết tật

Giáo viên dạy nghề (GVĐN) giữ vai trò quyết định trong việc bảo đảm chất lượng dạy nghề, là động lực, là một nhân tố quan trọng đảm bảo nâng cao năng lực cạnh tranh của nhân lực nước ta. Điều này càng trở nên quan trọng đối với giáo viên dạy nghề cho người khuyết tật. Đầu tư phát triển có thể coi là đầu tư “nguồn” để phát triển nguồn nhân lực.

Chính sách đối với GVĐN vẫn còn nhiều bất cập, chưa khuyến khích, thu hút những người có năng lực vào làm GVĐN, chưa tạo ra sự gắn bó, tâm huyết với nghề nghiệp. Về chế độ tiền lương, hoạt động của GVĐN mang tính đặc thù, một mặt, họ phải là một nhà sư phạm, mặt khác là một “kỹ thuật viên”, chính sách tiền lương chưa thể hiện sự ưu đãi mang tính đặc thù đó. GVĐN chưa có ngạch lương riêng. Đó là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng không thu hút được những người có trình độ, có tay nghề giỏi, có kinh nghiệm trong sản xuất chuyên về làm GVĐN. Ngược lại, nhiều GVĐN có trình độ tay nghề giỏi lại muốn chuyển ra sản xuất tại các doanh

nghiệp để có thu nhập cao hơn. Ngoài ra, chưa có những chính sách khuyến khích động viên đối với giáo viên tự phấn đấu nâng cao trình độ; chưa có cơ chế, chính sách để doanh nghiệp và cơ sở dạy nghề tạo điều kiện cho GVĐN được đi thực tế tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hàng năm.

Ai cũng biết GVĐN có vai trò quyết định đối với chất lượng học nghề song với thực tế các chính sách thu hút, đãi ngộ như hiện nay thì khó có thể có được một đội ngũ GVĐN đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng để tận dụng thời cơ và vượt qua những thách thức trong bối cảnh mới. Để phát triển đội ngũ GVĐN đảm bảo cả về số lượng và chất lượng, cần thực hiện tốt một số giải pháp cốt lõi trong nhiều giải pháp.

Một là, vấn đề bất cập nhất hiện nay là thu nhập của GVĐN. Trong khi phải làm việc căng thẳng, vất vả (vừa là một giáo viên vừa là kỹ thuật viên) nhưng thu nhập từ lương và phụ cấp theo lương lại rất thấp, không đảm cho chính họ và gia đình một mức sống hợp lý, do vậy khó có thể đòi hỏi GVĐN toàn tâm, toàn ý với nghề. Thực tế này là một nguyên nhân cơ bản dẫn đến khó giữ chân các GVĐN có đủ năng lực ở lại công tác tại Trung tâm. Xây dựng khung chính sách và cơ chế nhằm khuyến khích tạo động lực và tôn vinh địa vị xã hội của giáo viên, các danh hiệu cho nhà giáo. Sử dụng có hiệu quả chất xám của đội ngũ giáo viên, đồng thời xác định các đòi hỏi về tinh thần trách nhiệm của họ. Xây dựng và hoàn thiện các tiêu chuẩn nghiệp vụ, các định mức lao động của GVĐN.

Hai là, hiện nay, một số giáo viên chuyển từ trường ngoài vào trung tâm giảng dạy. Họ không có trình độ, kiến thức giảng dạy, không hiểu được tâm tư nguyện vọng của nhóm đối tượng là người khuyết tật nên hiệu quả giảng dạy không cao. Để giải quyết được bất cập này cần sắp xếp, tổ chức lại cơ cấu giáo viên giảng dạy, tiếp tục bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho giáo viên dạy

nghề; đa dạng hoá hình thức đào tạo, bồi dưỡng GVDN; bồi dưỡng sư phạm dạy nghề, nâng cao kỹ năng nghề cho GVDN.

Ba là, Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong việc đảm bảo nguồn lực phát triển đội ngũ GVDN cho toàn hệ thống, huy động đóng góp của người học theo quy định của pháp luật, huy động các nguồn lực xã hội hoá, đầu tư của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài nước và các nguồn hợp pháp khác. Tăng cường hợp tác quốc tế trong việc phát triển đội ngũ GVDN. Do vậy, trong quá trình triển khai chủ trương “Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam”, phải đặt việc đổi mới cơ chế chính sách thu hút và đãi ngộ GVDN cho người khuyết tật là một giải pháp trọng tâm trong việc nâng cao chất lượng học nghề của NKT.

3.1.2.2. Nâng cấp cơ sở hạ tầng của Trung tâm

Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học là một nhân tố quan trọng tác động tích cực tới việc bảo đảm và nâng cao chất lượng dạy và học của Trung tâm. Chất lượng của hệ thống cơ sở vật chất gắn chặt với chất lượng đào tạo, vì thế việc đầu tư, hiện đại hoá hệ thống cơ sở vật chất là đòi hỏi cấp thiết nhằm giúp cho người học tiếp cận được với kỹ thuật hiện đại, đáp ứng được yêu cầu của người sử dụng lao động. Với thực trạng cơ sở vật chất như hiện nay là quá thiếu thốn, không thể đáp ứng được yêu cầu cho quá trình dạy và học nghề. Vì vậy, Trung tâm cần tập trung đầu tư xây dựng mới và cải tạo hệ thống trường lớp, nhà thực hành đạt tiêu chuẩn, đổi mới các trang thiết bị phục vụ giảng dạy theo kịp sự phát triển của công nghệ sản xuất mới.

Trung tâm cần chú ý đến cơ sở hạ tầng nơi đào tạo nghề có phù hợp với NKT không, đặc biệt là dạng khuyết tật vận động như không có đường cho xe lăn di chuyển, nhiều bậc tam cấp, nhà vệ sinh không tiếp cận được,... Điều đặc biệt khi đào tạo nghề cho NKT là phải sắp xếp chỗ ăn, ở và học gần nhau vì họ không có phương tiện di chuyển và do hạn chế sức khỏe.

Nhằm đưa các hoạt động chăm sóc, hỗ trợ người khuyết tật trở thành việc làm thường xuyên, liên tục trước hết cần đổi mới phương pháp tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng. Các cơ quan báo chí phối hợp với ngành chức năng tăng cường phổ biến chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước có liên quan như Luật Người khuyết tật và các văn bản hướng dẫn thi hành; tăng cường triển khai các hoạt động trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật thông qua các trung tâm trợ giúp pháp lý của tỉnh và câu lạc bộ trợ giúp pháp lý ở cơ sở; Hội bảo trợ Người tàn tật và trẻ em mồ côi, Hội chữ thập đỏ, Hội nạn nhân chất độc da cam/dioxin,... cần phối hợp chặt chẽ, quan tâm hơn đến việc hướng nghiệp, dạy nghề, hỗ trợ người khuyết tật. Bên cạnh việc chi trả chế độ kịp thời, đúng đối tượng, đúng chính sách bảo trợ xã hội của Nhà nước, thì việc giải quyết vốn vay, hỗ trợ việc làm, đào tạo nghề cho người khuyết tật cần được quan tâm hơn. Song song với công tác từ thiện cần xây dựng nhiều mô hình hoạt động hướng đến việc hỗ trợ việc làm cho người khuyết tật như vận động các doanh nghiệp, HTX, đơn vị sản xuất kinh doanh tạo điều kiện giúp đỡ để người khuyết tật có thể vào làm việc, giúp họ tự tin xây dựng cuộc sống cho chính mình.

Trung tâm Nuôi dưỡng người có công và bảo trợ xã hội tỉnh Bắc Ninh cần tiến hành nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và học tập của người khuyết tật. Đây là điều kiện thiết yếu để nâng cao hiệu quả học tập, học nghề của người khuyết tật tại Trung tâm. Bên cạnh vấn đề chuyên môn thì cần thiết phải quan tâm tới cuộc sống vật chất, sinh hoạt và tinh thần của người khuyết tật. Người khuyết tật cần được cung cấp phương tiện, tài liệu hỗ trợ học tập dành riêng trong trường hợp cần thiết; người khuyết tật nghe, nói được học bằng ngôn ngữ ký hiệu.

Quy hoạch từng khu các phòng học lý thuyết, phòng thực hành theo ngành nghề đào tạo, mỗi khu thực hành đáp ứng được yêu cầu thực tiễn.

Mở rộng liên kết đào tạo để tận dụng hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị cũng như đội ngũ giáo viên giữa Trung tâm dạy nghề và các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh.

3.1.2.3. Nâng cao nhận thức cho gia đình người học nghề

Cần khuyến khích, tạo niềm tin cho gia đình NKT về cuộc sống, giúp họ giảm bớt mặc cảm, tự ti để hỗ trợ NKT một cách tối đa.

Khuyến khích việc chăm lo sức khỏe cho bản thân NKT để có thể tham gia học nghề một cách hiệu quả. Gia đình giúp NKT ăn uống đều đặn, đúng giờ đúng bữa, ngủ đủ giấc, vệ sinh cá nhân hàng ngày sạch sẽ,...

Luôn luôn thúc đẩy NKT chăm chỉ học tập, phải biết cố gắng trong học nghề để đạt kết quả cao.

3.2. Giải pháp nâng cao vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người khuyết tật học nghề

3.2.1. Nhóm các giải pháp đối với Trung tâm Nuôi dưỡng người có công và bảo trợ xã hội tỉnh Bắc Ninh

Trung tâm cần đào tạo đa dạng các loại hình nghề nghiệp để phù hợp với từng dạng tật. Các ngành nghề phải xây dựng ở nhiều mức độ khó dễ khác nhau, từ thấp đến cao để tất cả NKT trong trung tâm có thể tiếp cận được.

Tuyên truyền về các hình thức đào tạo nghề, có nhiều thông tin về từng nghề cho học viên tham khảo, tư vấn ngành nghề đang được đào tạo trong trung tâm và công việc có thể làm sau khi đào tạo xong để NKT biết rõ.

Phát triển chương trình dạy nghề. Bộ Lao động - Thương binh và xã hội đã ban hành quy định nguyên tắc xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình dạy nghề để các Bộ, ngành, địa phương xây dựng và đổi mới nội dung chương trình dạy nghề. Theo quy định chương trình dạy nghề được xây dựng theo môn học (chương trình truyền thống), theo modul và chương trình dạy nghề kết hợp giữa modul và môn học. Việc tiến hành xây dựng chương trình

đào tạo đã được đề cập tới nhiều tiêu chí trong đó có quan tâm tới những đặc điểm của người khuyết tật để người khuyết tật có thể học được nhất là nghề truyền thống như: thêu, ren, móc, trồng nấm, dược liệu, may, làm hoa giả,... Hiện tại trung tâm đang đào tạo 5 nghề: Nghề may công nghiệp, nghề thêu tranh nghệ thuật, nghề làm hoa lụa, nghề mây tre đan và nghề tin học văn phòng. Cần nghiên cứu, xem xét để đề xuất mở rộng đào tạo một số nghề khác phù hợp với khả năng của người khuyết tật và đảm bảo cuộc sống cho người khuyết tật sau khi họ ra trường và có việc làm.

Tiếp tục đổi mới về nội dung và chương trình đào tạo của từng nghề đang được giảng dạy trong trung tâm.

Liên hệ với các cơ sở tạo việc làm công lập cũng như doanh nghiệp tư nhân trong việc tìm kiếm việc làm cho người khuyết tật sau khi ra trường.

Đồng ý phê duyệt những chương trình, kế hoạch hợp lý của phòng CTXH trong việc hỗ trợ NKT học nghề.

Bảo vệ nguồn kinh phí để duy trì hoạt động của Phòng CTXH. Tháng 02 năm 2015, UBND Tỉnh đã ký quyết định thành lập phòng CTXH với đầy đủ chức năng, nhiệm vụ nhưng đến nay chưa bổ sung nguồn kinh phí hoạt động cho phòng. Phòng hoạt động hơn 2 năm đều dựa trên kinh phí của Trung tâm. Nguồn kinh phí hạn hẹp nên nhiệm vụ của phòng trong đó có nhiệm vụ hỗ trợ NKT học nghề thực hiện chưa đạt được kết quả cao, chưa đem lại hiệu quả như mong đợi. Chính vì vậy, Trung tâm cần nhanh chóng bảo vệ được nguồn kinh phí cho phòng CTXH để phòng duy trì hoạt động.

Liên hệ cho cán bộ CTXH đi học tập kinh nghiệm ở các tỉnh bạn về lĩnh vực trợ giúp NKT. Do phòng mới thành lập nên kinh nghiệm làm việc còn hạn chế kể cả việc hỗ trợ NKT học nghề. Chính vì vậy, Trung tâm nên khuyến khích cán bộ CTXH đi học tập kinh nghiệm ở các tỉnh bạn để làm việc chuyên nghiệp hơn, đạt được hiệu quả công việc cao hơn.

Cần quan tâm đến những khó khăn mà cán bộ CTXH đang gặp phải để kịp thời giúp đỡ. Có như vậy họ mới thực hiện tốt vai trò hỗ trợ NKT học nghề.

3.2.2. Nhóm giải pháp nâng cao chất lượng phục vụ của công tác xã hội trong hỗ trợ người khuyết tật học nghề

Việc quan tâm tạo nguồn nhân viên CTXH cần chú trọng nhiều hơn đến khía cạnh kỹ năng và khía cạnh đạo đức nghề nghiệp. Hiện các chương trình đào tạo ở các trường đại học đã có những môn học liên quan đến lĩnh vực khuyết tật, tuy nhiên chưa hình thành có hệ thống về mặt nội dung đào tạo và thực hành, nhất là thiếu các môn học và nội dung đề cập đến khía cạnh kỹ năng trong thực hành công tác xã hội ở các lĩnh vực cụ thể. Đi cùng với việc đầu tư khía cạnh kỹ năng trong vấn đề đào tạo công tác xã hội, vấn đề xây dựng hệ thống các chuẩn mực thực hành và quy điều đạo đức trong thực hành công tác xã hội là điều rất cần thiết. Đó là những yếu tố cơ bản giúp cho vai trò của nhân viên công tác xã hội được thực hiện hiệu quả và vai trò của công tác xã hội ngày càng được nâng cao.

Tiếp tục trau dồi kiến thức, đào tạo kỹ năng chuyên môn, kỹ năng làm việc với người khuyết tật, kỹ năng điều phối nhóm, kỹ năng tổ chức trò chơi cho nhân viên công tác xã hội để họ thực hiện vai trò hỗ trợ người khuyết tật học nghề một cách tốt nhất.

Bồi dưỡng thái độ làm việc, thái độ ứng xử và lòng yêu nghề cho nhân viên CTXH.

Nhân viên công tác xã hội cần quan tâm hơn nữa đến vai trò nâng cao nhận thức cho học viên về những mặt tích cực của hoạt động học nghề bằng việc: Khẳng định năng lực của học viên đối với cộng đồng, xã hội; đánh giá cao những lợi ích của hoạt động học nghề và nâng cao sự đóng góp của học viên trong hoạt động học nghề.

3.2.3. Nhóm giải pháp hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận học nghề và tìm kiếm việc làm

Tư vấn, tham vấn lựa chọn nghề phù hợp với khả năng, năng lực của chính bản thân người khuyết tật.

Kết hợp tổ chức trò chơi sau những giờ học căng thẳng, giúp các em tiếp thu bài học được tốt hơn.

Liên hệ với các cơ sở nhà nước, tư nhân nhằm hỗ trợ người khuyết tật tìm được việc làm và có thu nhập ổn định.

3.2.4. Nhóm giải pháp đối với gia đình của nhân viên công tác xã hội

Gia đình của NVCTXH cần thấu hiểu, động viên, hỗ trợ công việc nhà cho NVCTXH để họ có thời gian, có sức khỏe thực hiện nhiệm vụ chuyên môn nói chung, nhiệm vụ hỗ trợ NKT học nghề nói riêng.

Có cái nhìn đúng đắn về nghề CTXH, CTXH là một nghề chuyên nghiệp, được thực hiện một cách bài bản chứ không phải một hoạt động từ thiện. Có như vậy, gia đình mới hiểu đúng những việc mà NVCTXH đang làm và ủng hộ họ hoàn thành mọi công việc được giao.

KẾT LUẬN

Vai trò của người khuyết tật hiện nay được xã hội đặc biệt quan tâm, thể hiện tính ưu việt của chế độ xã hội. Để người khuyết tật hòa nhập với cộng đồng, được làm việc thì người khuyết tật cần học nghề. Để việc học nghề của người khuyết tật có chất lượng thì cần có phương pháp đào tạo phù hợp,... Chất lượng dạy nghề phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: Chính sách của Đảng và Nhà nước đối với công tác dạy nghề cho NKT; Bản thân người khuyết tật; Trình độ của đội ngũ cán bộ, nhân viên và giáo viên của Trung tâm; Nhận thức của cộng đồng đối với người khuyết tật; Cơ sở vật chất, kỹ thuật của cơ sở dạy nghề; Sự phối hợp và hỗ trợ của chính quyền, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội trong công tác dạy nghề cho người khuyết tật của Trung tâm.

Người khuyết tật học nghề rất khó khăn nên rất cần sự hỗ trợ từ phía nhân viên công tác xã hội. Nhân viên công tác xã hội trong trung tâm thực hiện bốn vai trò cơ bản: Vai trò nâng cao nhận thức cho học viên về những mặt tích cực của hoạt động học nghề, tư vấn chương trình học nghề, tổ chức các chương trình vui chơi giải trí ngoài giờ học và cung cấp những thông tin về cơ sở có thể tiếp nhận NKT vào làm sau khi học viên hoàn thành chương trình học nghề. Vai trò tổ chức các chương trình vui chơi giải trí ngoài giờ học là vai trò được NKT đánh giá cao nhất. Thực trạng thực hiện vai trò hỗ trợ NKT học nghề được NKT đánh giá khách quan trên cơ sở những mức độ tác động đưa ra.

Có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ NKT học nghề, trong đó có cả yếu tố chủ quan và khách quan. Yếu tố chủ quan đó chính là khả năng chuyên môn, kỹ năng làm việc của NVCTXH; thái độ làm việc của NVCTXH. Các yếu tố khách quan đó là chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; yếu tố Trung tâm nuôi dưỡng người có công và bảo trợ xã hội; yếu tố gia đình, cộng đồng và yếu tố bản thân người học nghề.

Để vai trò của công tác xã hội thực hiện ngày càng có hiệu quả thì cần khắc phục các yếu tố tác động xấu đến vai trò thực hiện của công tác xã hội và đưa ra các ý kiến đề xuất với các bên có liên quan trong việc nâng cao vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ NKT học nghề.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Thị Nguyên An (2005). *Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng học nghề của thanh thiếu niên khuyết tật trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh*. Luận văn thạc sỹ.
2. Bộ luật số 10/2012/QH13 của Quốc hội: Luật Lao động.
3. Bộ Lao động TBXH (2010). *Thông tư quy định hệ thống tiêu chuẩn kiểm định và đánh giá chất lượng cơ sở dạy nghề*. Thông tư số 19/2010/TTBLĐTB&XH, Hà Nội.
4. Bộ Lao động TBXH (2010). *Thông tư quy định hệ thống tiêu chuẩn kiểm định và đánh giá chất lượng cơ sở dạy nghề*. Thông tư số 19/2010/TTBLĐTB&XH, Hà Nội.
5. Chính phủ (2009). *Nghị định số 70/2009/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2009, quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về dạy nghề*, Hà Nội.
6. Công văn 1736/BYT - KCB của Bộ Y tế.
7. Trần Khánh Đức (1991). *Mô hình bồi dưỡng giáo viên dạy nghề*. Luận văn Thạc sỹ, Viện nghiên cứu phát triển giáo dục, Hà Nội.
8. Nguyễn Văn Gia, Bùi Thị Xuân Mai, (2000), *Công tác xã hội cá nhân*, Trường Cao đẳng Lao động - Xã hội, Hà Nội.
9. Luật số 51/2010/QH12 của Quốc hội: Luật người khuyết tật.
10. Luật số 38/2013/QH13 của Quốc hội: Luật việc làm.
11. Luật số 74/2014/QH13 của Quốc hội: Luật Giáo dục nghề nghiệp.
12. Nguyễn Văn Lượng (2008). *Đánh giá kết quả hoạt động của các Trung tâm Hướng nghiệp, Dạy nghề và tạo việc làm cho người lao động ở tỉnh Thái Bình*. Luận văn thạc sỹ, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.

13. Bùi Thị Xuân Mai, (chủ biên) (2012). *Giáo trình nhập môn Công tác xã hội*, Nhà xuất bản Lao động - Xã hội.
14. Vũ Thị Phương Oanh (2008). *Nâng cao chất lượng đào tạo nghề bằng biện pháp tăng cường sự liên kết giữa trường dạy nghề với doanh nghiệp*. Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
15. Nguyễn Quang Trạch (2005), *Dạy nghề và việc làm đối với người khuyết tật*, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
16. Trần Đình Tuấn (2010), *Công tác xã hội lý thuyết và thực hành*, Nxb Đại Học Quốc Gia Hà Nội, Hà Nội.
17. *Từ điển Xã hội học*, (2001). G. Endrweit và G. Trommsdorff (bản dịch từ tiếng Đức của dịch giả Ngụy Hữu Tâm và Nguyễn Hoài Bảo). Nhà xuất bản Thế giới.
18. Viện nghiên cứu phát triển xã hội (2008), *“Người khuyết tật ở Việt Nam, kết quả điều tra xã hội tại Thái Bình, Quảng Nam, Đà Nẵng và Đồng Nai”*, Nxb Chính trị quốc gia.

Tiếng Anh

19. Brenda Gannon and Brian Nolan, (2011), *Disability and social inclusion in Ireland*, Ireland.
20. Boyle, S.W et al, (2006), *Direct practice in social work*, Pearson Education, Inc, USA.
21. Charles Zastrow, (1985), *The practice of social work*, Dorsey Press.
22. Collins, D et at, (2007), *An introduction to family social work*, Thomson Brooks/Cole Publishing company, USA.
23. Dark and Light Blind Care, (2008), *Inclusion of disabled people Vocational Training and income*.

24. Lewin, K, Lipitt, R, White, R (1939), *Patterns of aggressive behaviour in experimentally created "social climate"*, Journal of Social Psychology. 10, 271-299.

25. Olsen. M, (1968), *The process of social organization*, New York, Holt Rinchart & Winston.

PHỤ LỤC

PHIẾU KHẢO SÁT

(Dành cho Người khuyết tật)

Chào em!

Nhằm thực hiện luận văn thạc sỹ chuyên ngành công tác xã hội với đề tài vai trò của Công tác xã hội trong hỗ trợ người khuyết tật học nghề, xin em cho biết ý kiến của mình bằng cách đánh dấu (x) vào các câu trả lời tương ứng hoặc đưa ra ý kiến chủ quan cho các câu hỏi mở đặt ra dưới đây. Các thông tin mà em cung cấp chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu và đảm bảo khuyết danh.

1. Họ và tên (có thể không ghi):.....

2. Tuổi:.....

3. Quê quán:.....

4. Dân tộc:

5. Giới tính:

A. Nam

B. Nữ

6. Khuyết tật của em thuộc 1 trong các dạng nào dưới đây?

A. Khuyết tật vận động

B. Khuyết tật nghe, nói

C. Khuyết tật trí tuệ

D. Khuyết tật nhìn

E. Khác:.....

7. Em tự đánh giá thế nào về tình trạng sức khỏe hiện tại của mình?

A. Tốt

- B. Bình thường
- C. Yếu

Ghi chú:

- * Sức khỏe tốt nghĩa là em luôn cảm thấy tinh thần thoải mái, ăn tốt ngủ tốt
- * Sức khỏe bình thường nghĩa là em cảm thấy trong người bình thường, ăn uống vừa đủ, ngủ đủ giấc
- * Sức khỏe yếu nghĩa là em thường xuyên phải đến cơ sở y tế/bệnh viện để kiểm tra sức khỏe, trong người cảm thấy khó chịu, ăn uống kém, hay mất ngủ, cần sự chăm sóc của người thân.

8. Theo em, việc học nghề có quan trọng hay không?

- A. Rất quan trọng
- B. Quan trọng
- C. Bình thường
- D. Ít quan trọng
- E. Không quan trọng

9. Em đang theo học nghề gì trong Trung tâm?

- A. Nghề may công nghiệp
- B. Nghề thêu tranh nghệ thuật
- C. Nghề làm hoa lụa
- D. Nghề mây tre đan
- E. Nghề tin học văn phòng

10. Em thấy nghề em đang theo học có phù hợp với khả năng của mình không?

- A. Có
- B. Không

Vì sao?.....

11. Em vui lòng cho biết mức độ tác động của các yếu tố dưới đây tới việc học nghề của các em?

Stt	Các yếu tố	Mức độ				
		Tác động rất mạnh	Tác động	Tác động Trung	Ít tác động	Không tác

			mạnh	bình		động
Bản thân học viên						
1	Xác định mục đích của việc học nghề					
2	Hào hứng với việc học nghề					
3	Luôn cố gắng chăm chỉ trong việc học nghề					
4	Khác:.....					
Chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước đối với người khuyết tật						
1	Chính sách hỗ trợ người khuyết tật nói chung					
2	Chính sách hỗ trợ người khuyết tật học nghề					
3	Chính sách động viên tinh thần					
4	Chính sách khác:.....					
Trình độ giáo viên và cán bộ đào tạo						
1	Giáo viên có năng lực giảng dạy					
2	Giáo viên có tâm huyết với nghề					
3	Giáo viên tận tình giảng dạy					
4	Giáo viên luôn động viên tinh thần cho các học viên					
5	Tác động khác:.....					

Sự hỗ trợ từ phía gia đình						
1	Chăm sóc sức khỏe					
2	Động viên tinh thần					
3	Hỗ trợ tài chính					
4	Hỗ trợ khác:.....					
Lựa chọn nghề phù hợp với khả năng của mỗi người khuyết tật						
1	Chương trình dạy nghề phù hợp với từng đối tượng khuyết tật					
2	Khung chương trình dạy nghề phù hợp với từng dạng khuyết tật					
3	Khác:.....					
Cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ cho công tác học nghề						
1	Cơ sở vật chất có những yêu cầu, tiêu chuẩn kỹ thuật nhất định					
2	Hệ thống cơ sở hạ tầng giảng dạy lý thuyết và máy móc, trang thiết bị phục vụ thực hành gắn liền với nhau					
3	Cơ sở hạ tầng phù hợp với từng đối tượng và mức độ khuyết tật					
4	Khác:.....					

12. Em vui lòng cho biết vai trò của Công tác xã hội trong việc hỗ trợ em học nghề?

Stt	Nội dung đánh giá	Rất tốt	Tốt	Bình thường	Không tốt
1	Vai trò nâng cao nhận thức cho học viên về những mặt tích cực của hoạt động học nghề				
	- Khẳng định năng lực của học viên đối với Cộng đồng, xã hội				
	- Đánh giá cao những lợi ích của hoạt động học nghề				
	- Nâng cao sự đóng góp của học viên trong hoạt động học nghề				
2	Tư vấn chương trình học nghề				
	- Cung cấp thông tin về các nghề đang được đào tạo trong trung tâm				
	Định hướng nghề phù hợp với khả năng của mỗi người				
3	Tổ chức các chương trình vui chơi giải trí ngoài giờ học				
	- Tổ chức chơi kéo co, đánh cầu lông, đá bóng,...				
	- Tổ chức chiếu phim cho học sinh xem				
4	Cung cấp những thông tin về cơ sở có thể tiếp nhận người khuyết tật vào làm sau khi học viên hoàn thành chương trình học nghề				

13. Em vui lòng cho biết mức độ tác động của các yếu tố chủ quan dưới đây tới vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ em học nghề?

Stt	Các yếu tố	Mức độ				
		Tác động rất mạnh	Tác động mạnh	Tác động Trung bình	Ít tác động	Không tác động
1	Thái độ nhiệt tình của những người làm CTXH					
2	Khả năng chuyên môn của những người làm CTXH					
3	Sự tâm huyết, lòng yêu nghề của những người làm CTXH					
4	Sự hứng thú đối với công việc của những người làm CTXH					
5	Các yếu tố khác:.....					

14. Em vui lòng cho biết mức độ tác động của các yếu tố khách quan dưới đây tới vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ em học nghề?

Stt	Các yếu tố	Mức độ				
		Tác động rất mạnh	Tác động mạnh	Tác động Trung bình	Ít tác động	Không tác động
1	Chủ chương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với phát triển nghề công tác xã hội.					

2	Sự quan tâm của lãnh đạo trung tâm.					
3	Sự hợp tác của các đồng nghiệp.					
4	Cơ sở vật chất, kỹ thuật.					
5	Gia đình, cộng đồng.					
6	Bản thân người học nghề.					
7	Các yếu tố khác:.....					

15. Em có các đề xuất, kiến nghị gì để giúp nâng cao vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ các em học nghề?

Đối với Nhà nước:

.....

.....

.....

.....

.....

Đối với Trung tâm:

.....

.....

.....

.....

.....

Đối với nhân viên công tác xã hội:

.....

.....

.....

.....

.....

Đối với bản thân học viên:

.....

.....

.....

.....

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của em!!!

PHIẾU PHÒNG VẤN SÂU
(Dành cho Lãnh đạo trung tâm)

Chào anh (chị)!

Nhằm thực hiện luận văn thạc sỹ chuyên ngành công tác xã hội với đề tài vai trò của Công tác xã hội trong hỗ trợ người khuyết tật học nghề, xin anh/chị cho biết ý kiến cá nhân của mình cho các câu hỏi đặt ra dưới đây. Các thông tin mà anh/chị cung cấp chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu và đảm bảo khuyết danh.

Ngày phỏng vấn...../...../.....

1. Giới tính:
2. Tuổi(tuổi)
3. Dân tộc:.....
4. Trình độ văn hóa.....
5. Trình độ chuyên môn:.....
6. Quê quán:.....
7. Số năm công tác:.....(năm)
8. Vị trí công tác:.....
9. Đánh giá của cá nhân đối với chất lượng học nghề của người khuyết tật tại Trung tâm: (Tích dấu X vào ô chọn)

STT	Nội dung đánh giá	Rất phù hợp	Phù hợp	Ít phù hợp	Không phù hợp
1	Ngành nghề đào tạo				
2	Chất lượng học viên				
3	Nội dung lý thuyết				
4	Nội dung thực hành				
5	Khả năng nắm bắt của học viên				
6	Tài liệu phục vụ học tập				
7	Thời lượng đào tạo				

8	Trang thiết bị học tập				
9	Cơ sở vật chất sinh hoạt của NKT				
10	Hoạt động giải trí, văn hóa				
11	Đáp ứng yêu cầu của NKT				

10. Theo lãnh đạo, những yếu tố nào làm nên thành công của chương trình dạy nghề cho người khuyết tật?

.....

.....

.....

.....

11. Theo lãnh đạo, những yếu tố ảnh hưởng đến việc học nghề của người khuyết tật là gì?

.....

.....

.....

.....

12. Lãnh đạo đánh giá như thế nào về thực trạng vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người khuyết tật học nghề tại trung tâm?

.....

.....

.....

.....

13. Theo lãnh đạo, những yếu tố chủ quan và khách quan nào ảnh hưởng đến vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người khuyết tật học nghề tại trung tâm?

.....

.....

.....

.....

14. Quan điểm của lãnh đạo như thế nào về nhu cầu và vị trí công việc của nhân viên công tác xã hội trong trung tâm?

.....

.....

.....

.....

15. Cá nhân anh (chị) có các đề xuất, kiến nghị gì để giúp nâng cao vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người khuyết tật trong trung tâm học nghề?
Đối với Nhà nước:

.....

.....

.....

Đối với Trung tâm:

.....

.....

.....

.....

Đối với nhân viên công tác xã hội:

.....

.....

.....

Đối với bản thân người khuyết tật:

.....

.....
.....
**Xin chân thành cảm ơn lãnh đạo đã cung cấp thông tin để tôi hoàn thành
đề tài nghiên cứu của mình!**

Lãnh đạo tham gia phỏng vấn ký tên

PHIẾU PHÒNG VẤN SÂU

(Dành cho Nhân viên công tác xã hội)

Chào anh (chị)!

Nhằm thực hiện luận văn thạc sỹ chuyên ngành công tác xã hội với đề tài vai trò của Công tác xã hội trong hỗ trợ Người khuyết tật học nghề, xin anh/chị cho biết ý kiến cá nhân của mình cho các câu hỏi đặt ra dưới đây. Các thông tin mà anh/chị cung cấp chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu và đảm bảo khuyết danh.

Ngày phỏng vấn:...../...../.....

1. Giới tính:
2. Tuổi(tuổi)
3. Dân tộc.....
4. Trình độ văn hóa.....
5. Trình độ chuyên môn:.....
6. Quê quán:.....
7. Số năm công tác trong lĩnh vực hỗ trợ người khuyết tật:.....(năm)
8. Vị trí công tác:.....
9. Theo anh (chị), người khuyết tật trong trung tâm đã chọn được nghề học phù hợp với khả năng của họ hay chưa? Vì sao?

.....

.....

.....

.....

10. Theo anh (chị), những yếu tố tác động tới việc học nghề của người khuyết tật là gì?

.....

.....

.....

.....

11. Anh (chị) thấy những vai trò mà anh (chị) đã làm được trong việc hỗ trợ người khuyết tật học nghề có hợp lý không? Những vai trò nào anh (chị) thấy còn chưa làm được?

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

12. Theo anh (chị), những yếu tố tác động tới việc thực hiện vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người khuyết tật học nghề là gì?

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

13. Anh (chị) thấy những thuận lợi và khó khăn của anh (chị) khi thực hiện vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người khuyết tật học nghề là gì?

.....
.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

14. Anh (chị) đánh giá như thế nào về nhu cầu cần có dịch vụ công tác xã hội trong hỗ trợ người khuyết tật học nghề?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

15. Anh (chị) có các đề xuất, kiến nghị gì để giúp nâng cao vai trò của công tác xã hội trong việc hỗ trợ người khuyết tật trong trung tâm học nghề?

Đối với Nhà nước:

.....

.....

.....

.....

Đối với Trung tâm:

.....

.....

.....
.....

Đối với nhân viên công tác xã hội:

.....
.....
.....
.....

Đối với bản thân người khuyết tật:

.....
.....
.....
.....

Xin chân thành cảm ơn anh (chị) đã cung cấp đầy đủ thông tin để tôi hoàn thành đề tài nghiên cứu của mình!

PHIẾU PHÒNG VẤN SÂU

(Dành cho Giáo viên dạy nghề)

Chào anh (chị)!

Nhằm thực hiện luận văn thạc sỹ chuyên ngành công tác xã hội với đề tài vai trò của Công tác xã hội trong hỗ trợ Người khuyết tật học nghề, xin anh/chị cho biết ý kiến cá nhân của mình cho các câu hỏi đặt ra dưới đây. Các thông tin mà anh/chị cung cấp chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu và đảm bảo khuyết danh.

Ngày phỏng vấn...../...../.....

1. Họ và tên (không bắt buộc):.....
2. Giới tính:
3. Tuổi (tuổi)
4. Dân tộc.....
5. Trình độ văn hóa.....
6. Trình độ chuyên môn:.....
7. Quê quán:.....
8. Số năm tham gia dạy nghề cho người khuyết tật:..... (năm)
9. Chức vụ:.....
10. Theo anh (chị), người khuyết tật trong trung tâm đã chọn được nghề học phù hợp với khả năng của họ hay chưa? Vì sao?

.....

11. Theo anh (chị), những thuận lợi và khó khăn trong hoạt động dạy nghề cho người khuyết tật là gì?

.....

.....
.....

12. Theo anh (chị), những yếu tố tác động tới việc học nghề của người khuyết tật là gì?

.....
.....
.....
.....

13. Anh (chị) thấy những vai trò của công tác xã hội đã làm được trong việc hỗ trợ người khuyết tật học nghề có hợp lý không? Những vai trò nào anh (chị) thấy còn chưa làm được và cần bổ sung những vai trò nào?

.....
.....
.....
.....

14. Anh (chị) thấy công tác xã hội hợp tác, hỗ trợ cho công việc của anh, chị như thế nào?

.....
.....
.....
.....

15. Anh (chị) đánh giá như thế nào về sự cần thiết của công tác xã hội trong chương trình dạy nghề?

.....

.....
.....
.....

16. Theo anh (chị), những yếu tố tác động tới việc thực hiện vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người khuyết tật học nghề là gì?

.....
.....
.....
.....

17. Anh (chị) có các đề xuất, kiến nghị gì để giúp nâng cao vai trò của công tác xã hội trong việc hỗ trợ người khuyết tật trong trung tâm học nghề?

Đối với Nhà nước:

.....
.....
.....
.....

Đối với Trung tâm:

.....
.....
.....
.....

Đối với giáo viên dạy nghề:

.....
.....
.....

.....

Đối với nhân viên công tác xã hội:

.....

.....

.....

.....

Đối với bản thân người khuyết tật:

.....

.....

.....

.....

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của anh (chị)!